LÊ ANH TUẤN (CHỦ BIÊN)
TRẦN VĂN MINH – LÊ ĐỨC SANG

GIÁO TRÌNH

ÂM NHẠC

TẬP MỘT

LÍ THUYẾT ÂM NHẠC

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

MỤC LỤC

TRANG

Chương I âm thanh và cách ghi chép nhạc..........8

§1. KHÁI NIỆM VỀ ÂM NHẠC 8
1.1. Khái niệm về âm nhạc 8
1.2. Cơ sở vật lí của âm thanh 8
1.3. Các thuộc tính cơ bản của âm thanh 9
§2. HỆ THỐNG ÂM THANH, TÊN GỌI, KÍ HIỆU....................10
2.1. Hệ thống âm thanh trong âm nhạc 10
2.2. Tên gọi các bậc cơ bản....................10
2.3. Kí hiệu các bậc cơ bản....................10
§3. KHUÔNG NHẠC, KHOÁ NHẠC, NỐT NHẠC....................11
3.1. Khuông nhạc và các dòng kẻ phụ 11
3.2. Khoá nhạc 11
3.3. Nốt nhạc 13
3.4. Cao độ của âm thanh 14
3.5. Trường độ của âm thanh 15
§4. CÁC QUÃNG TÁM, HỆ THỐNG BÌNH QUÂN....................16
4.1. Các quãng tám 16
4.2. Hệ thống bình quân 17
§5. DẤU HOÁ, TRÙNG ÂM 17
5.1. Các bậc chuyển hoá....................17
5.2. Dấu hoá 17
5.3. Hoá biểu và dấu hoá bất thường....................18
5.4. Trùng âm 21
§6. DẤU LẶNG, DẤU TĂNG TRƯỜNG ĐỘ 22
6.1. Dấu lặng 22
6.2. Dấu tăng trường độ....................23
§7. MỘT SỐ DẤU VIẾT TẮT 26
7.1. Dấu nhắc lại....................26
7.2. Dấu Segno và dấu Coda 28
7.3. Dấu chuyển quãng tám 29
7.4. Cách ghi nhạc hai bè 30

Chương II Tiết tấu, nhịp....................35

§1. TIẾT TẤU, TRƯỜNG ĐỘ CƠ BẢN VÀ TRƯỜNG ĐỘ TỰ DO 35
1.1. Tiết tấu....................35
1.2. Trường độ cơ bản và trường độ tự do....................36
§2. TRỌNG ÂM, TIẾT NHỊP, LOẠI NHỊP, VẠCH NHỊP, NHỊP LẤY ĐÀ....................38
2.1. Trọng âm và tiết nhịp 38
2.2. Loại nhịp và vạch nhịp....................38

2.3. Nhịp lấy đà 46
§3. NHỊP ĐƠN, NHỊP PHỨC, NHỊP BIẾN ĐỔI 49
3.1. Nhịp đơn và cách phân nhóm trường độ 49
3.2. Nhịp phức và cách phân nhóm trường độ 49
3.3. Nhịp hỗn hợp và cách phân nhóm trường độ 50
3.4. Nhịp biến đổi 50
§4. ĐẢO PHÁCH, NGHỊCH PHÁCH 51
4.1. Đảo phách 51
4.2. Nghịch phách 52
§5. NHỊP ĐỘ, CÁCH ĐÁNH NHỊP 53
5.1. Nhịp độ 53
5.2. Sơ đồ và cách đánh nhịp 55
Chương III Quãng 60
§1. KHÁI NIỆM, CÁCH ĐỌC TÊN, ĐỘ LỚN CỦA QUÃNG 60
1.1. Khái niệm về quãng 60
1.2. Cách đọc tên quãng 60
1.3. Độ lớn của quãng 61
§2. QUÃNG DIATONIC, QUÃNG CROMATIC 61
2.1. Quãng Diatonic 61
2.2. Quãng Cromatic 62
3. QUÃNG TRÙNG, QUÃNG ĐƠN, QUÃNG KÉP 63
3.1. Quãng trùng 63
3.2. Quãng đơn và quãng kép 63
§4. ĐẢO QUÃNG 64
4.1. Khái niệm về đảo quãng 64
4.2. Những cách đảo quãng 64
§5. QUÃNG THUẬN, QUÃNG NGHỊCH 66
5.1. Quãng thuận 66
5.2. Quãng nghịch 66
5.3. Ứng dụng của quãng thuận, quãng nghịch 66
Chương IV Điệu thức và giọng 73
§1. ĐIỆU THỨC, ÂM ỔN ĐỊNH VÀ ÂM KHÔNG ỔN ĐỊNH 73
1.1. Khái niệm về điệu thức 73
1.2. Âm ổn định và âm không ổn định 73
§2. ĐIỆU THỨC TRƯỞNG, GAM TRƯỞNG TỰ NHIÊN 74
2.1. Điệu thức trưởng 74
2.2. Gam trưởng tự nhiên 75
§3. ĐIỆU THỨC THỨ, GAM THỨ TỰ NHIÊN 76
3.1. Điệu thức thứ 76
3.2. Gam thứ tự nhiên 76
§4. GIỌNG 78
4.1. Khái niệm về giọng 78
4.2. Các giọng trưởng có dấu thăng 78

4.3. Các giọng trưởng có dấu giáng 79
4.4. Các giọng thứ có dấu thăng 80
4.5. Các giọng thứ có dấu giáng 81
§5. ĐIỆU TRƯỞNG HOÀ THANH, ĐIỆU TRƯỞNG GIAI ĐIỆU 83
5.1. Điệu trưởng hoà thanh 83
5.2. Điệu trưởng giai điệu 83
§6. ĐIỆU THỨ HOÀ THANH, ĐIỆU THỨ GIAI ĐIỆU 84
6.1. Điệu thứ hoà thanh 84
6.2. Điệu thứ giai điệu 85
§7. ĐIỆU THỨC NĂM ÂM 85
7.1. Khái niệm về điệu thức năm âm 85
7.2. Một số điệu thức năm âm 86
Chương V Xác định giọng, dịch giọng 91
§1. CÁCH XÁC ĐỊNH GIỌNG 91
1.1. Cách xác định giọng 91
1.2. Xác định giọng trưởng dựa vào hoá biểu 91
1.3. Xác định giọng dựa vào hoá biểu và âm kết thúc 92
§2. QUAN HỆ HỌ HÀNG GIỮA CÁC GIỌNG 93
2.1. Giọng song song 94
2.2. Giọng cùng tên 94
§3. CHUYỂN GIỌNG, DỊCH GIỌNG 95
3.1. Chuyển giọng và chuyển tạm 95
3.2. Dịch giọng 97
Chương VI Hợp âm 105
§1. KHÁI NIỆM, HỢP ÂM BA VÀ CÁC THỂ ĐẢO 105
1.1. Khái niệm về hợp âm 105
1.2. Các loại hợp âm ba 105
1.3. Các thể đảo của hợp âm ba 107
§2. CÁC HỢP ÂM BA CHÍNH CỦA GIỌNG TRƯỞNG VÀ GIỌNG THỨ 108
2.1. Các hợp âm ba chính của giọng trưởng 108
2.2. Các hợp âm ba chính của giọng thứ 109
2.3. Sự liên kết các hợp âm ba chính 109
§3. CÁC HỢP ÂM BA PHỤ CỦA GIỌNG TRƯỞNG VÀ GIỌNG THỨ 110
3.1. Các hợp âm ba phụ của giọng trưởng 110
3.2. Các hợp âm ba phụ của giọng thứ 110
§4. HỢP ÂM BẢY ÁT VÀ CÁC THỂ ĐẢO 111
4.1. Hợp âm bảy 111
4.2. Hợp âm bảy át 111
4.3. Các thể đảo của hợp âm bảy át 111
§5. HỢP ÂM BẢY THỨ VÀ MỘT SỐ HỢP ÂM KHÁC 112
5.1. Hợp âm bảy thứ 112
5.2. Một số hợp âm khác 113
§6. PHÂN LOẠI HỢP ÂM, KÍ HIỆU NÂNG CAO HOẶC HẠ THẤP CÁC BẬC CỦA HỢP ÂM 114

6.1. Phân loại hợp âm 114
6.2. Kí hiệu nâng cao hoặc hạ thấp các bậc của hợp âm 114
6.3. Các âm ngoài hợp âm... 114
§7. CÁC LOẠI KẾT, ĐẶT HỢP ÂM CHO CA KHÚC 116
7.1. Các loại kết 116
7.2. Đặt hợp âm cho ca khúc 116
Chương VII Giai điệu và sắc thái âm nhạc .. 125
§1. GIAI ĐIỆU VÀ SẮC THÁI 125
1.1. Giai điệu 125
1.2. Sắc thái 126
§2. KÍ HIỆU DIỄN TẢ CƯỜNG ĐỘ 127
2.1. Cường độ cố định 127
2.2. Cường độ thay đổi 127
§3. ÂM TÔ ĐIỂM 128
3.1. Khái niệm về âm tô điểm 128
3.2. Âm dựa (còn gọi là âm luyến láy) 129
3.3. Âm vỗ 129
3.4. Láy chùm 130
3.5. Lấy rền 130
§4. KÍ HIỆU MỘT SỐ THỦ PHÁP BIỂU DIỄN 131
4.1. Dấu nhấn 131
4.2. Dấu Legato 131
4.3. Dấu Staccato 132
4.4. Dấu Portamento 132
4.5. Dấu Arpegiato 132
tài liệu tham khảo 136

Mở đầu

Nhạc lí cơ bản là những kiến thức mà mỗi người học âm nhạc cần phải tìm hiểu và học tập. Nó có vai trò quan trọng, liên quan tới các chuyên ngành như sáng tác, lí luận, chỉ huy, biểu diễn và sư phạm âm nhạc.

Phương tiện diễn tả âm nhạc bao gồm các nhân tố âm nhạc, nghệ thuật này chỉ có sức diễn cảm khi các nhân tố đó được gắn kết với nhau. Nhạc lí cơ bản có nhiệm vụ nghiên cứu các nhân tố đó cùng với mối tương quan giữa chúng.

Nghệ thuật âm nhạc dựa trên cơ sở của thính giác và cảm giác nên có nhiều vấn đề trừu tượng. Vì vậy, nhạc lí cơ bản không phải là những kiến thức dễ học, có thể dễ dàng hiểu một cách nhanh chóng, sâu sắc và rạch ròi. Hơn nữa, đây là hệ thống kiến thức âm nhạc châu Âu, có những kí hiệu, khái niệm, quan điểm đã ra đời và tồn tại hàng trăm năm nay, trong đó nhiều vấn đề được mặc nhiên chấp nhận.

Nhạc lí cơ bản là giáo trình dành cho sinh viên Đại học Sư phạm Mầm non. Giáo trình có 3 đơn vị học trình (45 tiết), gồm các nội dung :

Chương I : Âm thanh và cách ghi chép nhạc

Chương II : Tiết tấu, nhịp

Chương III : Quãng

Chương IV : Điệu thức và giọng

Chương V : Xác định giọng, dịch giọng

Chương VI : Hợp âm

Chương VII : Giai điệu và sắc thái âm nhạc

Mỗi chương đều có mục tiêu, giới thiệu tên, đặc điểm, vai trò của các kiến thức nhạc lí. Cuối từng chương có các câu hỏi và bài tập. Ngoài ra, sách còn có phần Phụ lục và Thuật ngữ âm nhạc.

Để học giáo trình *Nhạc lí cơ bản* đạt kết quả tốt, giảng viên cần tổ chức cho sinh viên học theo một số nguyên tắc sau đây :

– Học lí thuyết gắn với thực hành : Sinh viên nghiên cứu trước nội dung sắp học, giảng viên dùng piano hoặc đàn phím điện tử để minh họa các ví dụ rồi trao đổi, củng cố những nội dung đó. Sinh viên cần thực hiện đầy đủ những câu hỏi và bài tập trong từng chương.

– Phát huy tính tích cực của người học : Sinh viên chủ động tìm hiểu để thu nhận kiến thức, tích cực và sáng tạo trong quá trình học tập.

– Học theo hướng tích hợp các nội dung : Để hiểu sâu về kiến thức nhạc lí, sinh viên cần tìm hiểu đồng thời kiến thức của các môn khác như xướng âm, thanh nhạc, nhạc cụ... Giảng viên cũng cần bổ sung thêm những ví dụ hoặc bài tập rút ra từ các tác phẩm âm nhạc khác, ngoài những ví dụ ghi trong sách.

– Tổ chức học tập theo nhóm : Sinh viên làm việc theo nhóm để trao đổi về các nội dung bài học và thực hiện câu hỏi và bài tập của từng chương. Giảng viên tạo điều kiện cho sinh viên được thảo luận về các kiến thức nhạc lí, tránh cách học thụ động.

Sách được xuất bản lần đầu chắc chắn sẽ còn những hạn chế. Chúng tôi mong nhận được nhiều ý kiến đóng góp của người học, các độc giả và các bạn đồng nghiệp để sách được hoàn thiện hơn trong lần tái bản.

CÁC TÁC GIẢ

Chương I

ÂM THANH VÀ CÁCH GHI CHÉP NHẠC

Mục tiêu

Cung cấp cho người học những kiến thức :

- Khái niệm về âm nhạc.
- Hệ thống âm thanh, tên gọi, kí hiệu.
- Khuông nhạc, khoá nhạc, nốt nhạc.
- Các quãng tám, hệ thống bình quân.
- Dấu hoá, trùng âm.
- Dấu lặng, dấu tăng trường độ.
- Một số dấu viết tắt.

§1. KHÁI NIỆM VỀ ÂM NHẠC

1.1. Khái niệm về âm nhạc

Âm nhạc là nghệ thuật dùng âm thanh và nhịp điệu để diễn tả tư tưởng và tình cảm của con người.

Nghệ thuật âm nhạc gắn bó mật thiết với đời sống xã hội. Loài người sử dụng nó như một phương tiện để làm cho đời sống tinh thần thêm phong phú, góp phần cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống.

Âm nhạc phản ánh tư tưởng, trí tuệ của con người và có tác động mạnh mẽ đến cảm xúc của bao người khác. Nó làm rung động những tình cảm lắng đọng trong tâm hồn, chắp cánh cho sức tưởng tượng bay bổng. Nghệ thuật âm nhạc rất phổ biến, nó giúp mọi người nhận thức và yêu cuộc sống hơn, đem lại cho con người những cảm xúc về thẩm mĩ. Có thể nói, âm nhạc là một phương tiện hiệu quả để giáo dục con người phát triển toàn diện.

1.2. Cơ sở vật lí của âm thanh

Âm nhạc hình thành trên cơ sở âm thanh, đó là những âm thanh đã được chọn lọc với những thuộc tính riêng, đáp ứng được yêu cầu về sự diễn tả và sự hoà hợp của âm nhạc.

Âm thanh được tạo ra bởi sự dao động của một vật thể đàn hồi nào đó. Khi vật thể đàn hồi dao động đã tạo ra những sóng âm. Những sóng âm này lan truyền trong không gian đến tai người làm cho màng nhĩ cũng dao động cùng với tần số của sóng đó. Từ màng nhĩ những sóng âm này truyền qua hệ thần kinh của bộ não tạo nên cảm nhận về âm thanh.

Con người nghe được số lượng lớn các âm thanh khác nhau, nhưng không phải mọi âm thanh đều được dùng trong âm nhạc. Cần phân biệt những âm thanh có tính nhạc và những tiếng động.

Những âm thanh mà con người cảm thụ được có tần số được xác định như : tiếng hát, tiếng đàn, tiếng sáo... Những âm thanh này gọi là những âm có cao độ rõ ràng, còn gọi là những âm thanh có tính nhạc (âm nhạc).

Những âm với tần số không được xác định như tiếng nói chuyện, tiếng ồn, tiếng động cơ, tiếng đập gõ, tiếng sấm chớp, gió thổi... là những âm không có độ cao rõ ràng, gọi là tiếng động hoặc tạp âm.

1.3. Các thuộc tính cơ bản của âm thanh

Những âm thanh có tính nhạc được xác định bởi bốn thuộc tính là : cao độ, trường độ, cường độ và âm sắc.

– ***Cao độ :*** Là độ vang cao hoặc thấp của âm thanh, phụ thuộc vào tần số dao động của vật thể rung. Tần số dao động càng nhiều thì âm thanh càng cao và ngược lại. Ví dụ âm thấp của đàn piano có tần số khoảng 27,5 Hz (Hz là chữ viết tắt của Hertz, đơn vị đo tần số dao động), âm cao nhất của đàn piano có tần số là 4187 Hz.

Tai người có thể nghe được những âm thanh có tần số dao động từ 25 đến 4400 Hz.

– ***Trường độ :*** Là độ ngân dài hoặc ngắn của âm thanh, phụ thuộc vào thời gian cũng như quy mô của dao động lúc âm thanh bắt đầu vang lên. Chẳng hạn, lúc bắt đầu tầm cữ dao động của âm thanh càng rộng thì thời gian tắt dần của nó càng dài. Mặc dù độ dài ngắn không làm thay đổi tính chất vật lí của âm thanh nhưng nó đóng một vai trò hết sức quan trọng trong âm nhạc.

– ***Cường độ :*** Là độ vang to hoặc nhỏ của âm thanh, phụ thuộc vào tầm cữ dao động của nguồn phát âm. Biên độ dao động càng lớn thì âm thanh càng to và ngược lại. Đơn vị để đo cường độ âm thanh là Deciben (viết tắt là Db). Tuy nhiên, trong âm nhạc, cường độ âm thanh thay đổi rất nhanh, liên tục, thậm chí trong từng nhịp cũng có âm mạnh, âm nhẹ nên người ta không dùng đơn vị Db để diễn tả cường độ mà dùng các kí hiệu như p, mp, mf, f...

– ***Âm sắc :*** Là màu sắc âm thanh của giọng hát mỗi người, của các nhạc cụ. Sự khác nhau về màu sắc của âm thanh được tạo ra bởi chất liệu của nguồn phát âm, vật thể rung và bộ cộng hưởng...

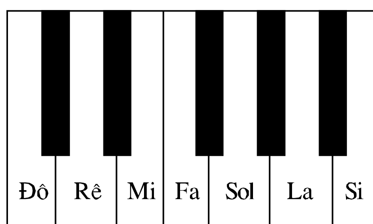
§2. HỆ THỐNG ÂM THANH, TÊN GỌI, KÍ HIỆU

2.1. Hệ thống âm thanh trong âm nhạc

Hệ thống âm thanh đầy đủ trong âm nhạc gồm 88 âm khác nhau, từ âm thấp nhất là âm La ở quãng tám cực trầm (tần số dao động khoảng 27,5 Hz) đến âm cao nhất là âm Đô ở quãng tám thứ năm (tần số dao động khoảng 4187 Hz).

2.2. Tên gọi các bậc cơ bản

Tên gọi các bậc cơ bản của thang âm trong âm nhạc gồm có : Đô, Rê, Mi, Fa, Sol, La, Si. Các bậc cơ bản này ứng với các phím trắng trên đàn piano, chúng được lặp lại nhiều lần theo chu kì không thay đổi.



Các bậc cơ bản còn được gọi là âm (khi chúng vang thành âm thanh) hoặc là nốt nhạc (khi chúng nằm trên bản nhạc).

Để phân biệt các bậc có tên giống nhau nhưng cao độ khác nhau, người ta gọi chúng bằng kí hiệu như Đô1, Rê1, Mi1, Đô2, Rê2, Mi2...

2.3. Kí hiệu các bậc cơ bản

Trong âm nhạc, các bậc cơ bản Đô, Rê, Mi, Fa, Sol, La, Si còn được ghi bằng các chữ La tinh.

Âm La ở quãng tám thứ nhất có tần số dao động là 440 Hz/giây được coi là âm mẫu trong hệ thống các âm cơ bản. Âm La được ghi bằng chữ A (chữ đầu tiên trong bảng chữ cái), các bậc cơ bản được kí hiệu như sau :

La	Si	Đô	Rê	Mi	Fa	Sol
A	B	C	D	E	F	G

Một số nước như Đức, Nga... lại kí hiệu âm Si là chữ H còn âm Si giáng là chữ B.

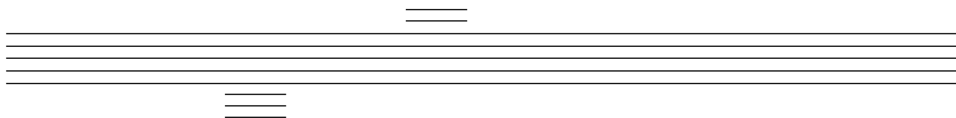
§3. KHUÔNG NHẠC, KHOÁ NHẠC, NỐT NHẠC

3.1. Khuông nhạc và các dòng kẻ phụ

– *Khuông nhạc :* Khuông nhạc gồm năm dòng kẻ song song cách đều nhau, tên của chúng là 1, 2, 3, 4, 5 tính từ dưới lên. Khoảng giữa hai dòng kẻ gần nhau gọi là khe, tên của các khe là 1, 2, 3, 4 tính từ dưới lên.



– *Dòng kẻ phụ :* Để ghi các âm thanh cao hơn hoặc thấp hơn những âm nằm trên khuông nhạc.

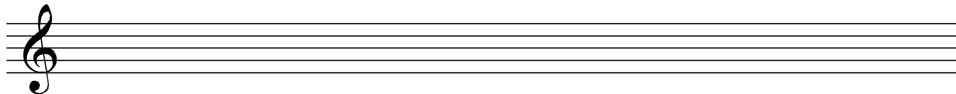


3.2. Khoá nhạc

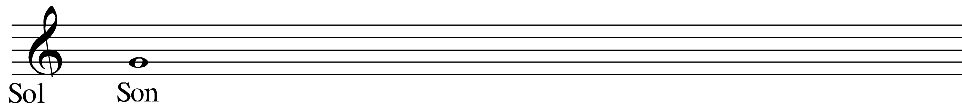
Khoá nhạc là kí hiệu đặt ở đầu khuông nhạc, để xác định tên những nốt nhạc trên khuông. Có ba loại khoá thường dùng là khoá Sol, khoá Fa và khoá Đô.

– Khoá Sol :

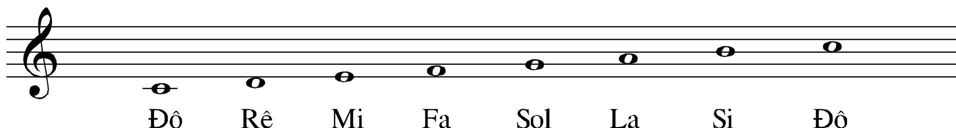
Khoá Sol có kí hiệu : 



Khoá Sol được bắt đầu từ dòng thứ hai của khuông nhạc. Xác định nốt nhạc trên dòng kẻ thứ hai là nốt Sol.



Các nốt cơ bản ở khuông nhạc dùng khoá Sol.

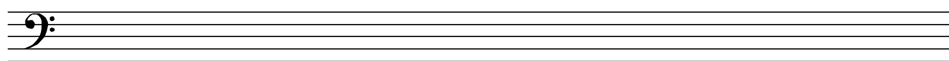


Trong âm nhạc, khoá Sol được dùng thông dụng nhất. Các bài hát thường viết trên khuông nhạc dùng khoá Sol vì giọng hát con người phù hợp với cao độ ở khu

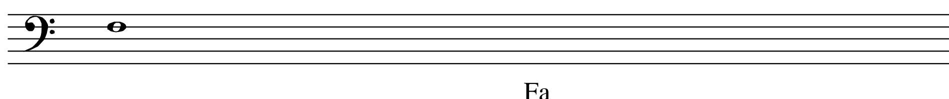
vực này. Ngoài ra, khoá Sol còn dùng cho một số nhạc cụ như : flûte, oboe, clarinette, trumpet, violon, guitar...

– Khoá Fa :

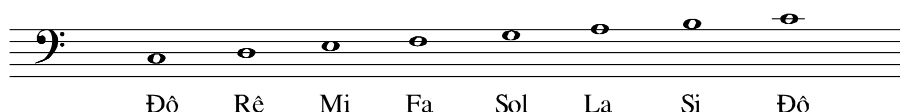
Khoá Fa có kí hiệu : 𝄢



Khoá Fa được bắt đầu từ dòng kẻ thứ tư của khuông nhạc. Xác định nốt nằm trên dòng kẻ thứ tư là nốt Fa (quãng tám nhỏ).

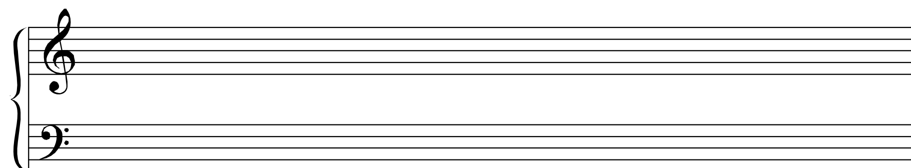


Các nốt cơ bản ở khuông nhạc dùng khoá Fa (quãng tám nhỏ).
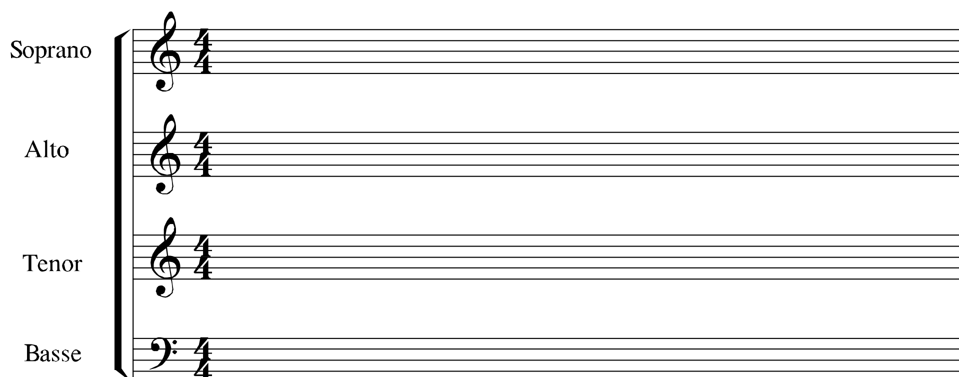


Khoá Fa dùng để ghi nốt nhạc có âm thanh trầm, một số nhạc cụ dùng khoá Fa như : fagotte, trombone, tuba, violoncell, contrebass...

Thông thường, viết nhạc cho piano phải dùng hai khuông nhạc với hai khoá Sol và Fa. Hai khuông nhạc được liên kết với nhau bằng một dấu ngoặc ở đầu khuông, gọi là dấu ác-cô-lát. Trường hợp khác, có thể cả hai khuông cùng dùng khoá Sol hoặc khoá Fa.

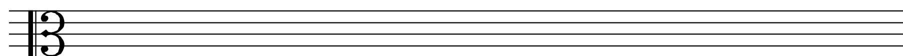


Viết cho hợp xướng bốn 4 bè, phải dùng bốn khuông nhạc viết bằng hai loại khoá Sol và Fa. Bốn khuông nhạc được liên kết với nhau bằng một dấu móc ở đầu khuông.

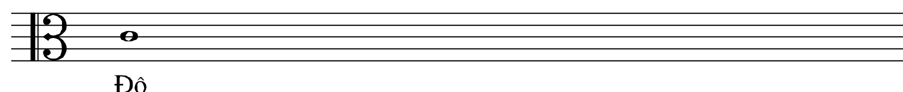


– Khoá Đô :

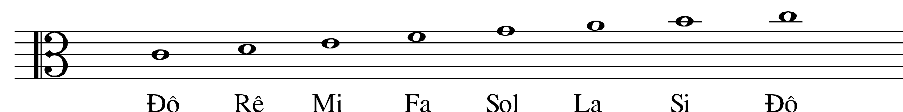
Khoá Đô có 2 – 3 loại khác nhau, trong đó hay dùng là khoá Đô Alto :



Khoá Đô Alto xác định nốt nằm trên dòng kẻ thứ ba là nốt Đô1.



Các nốt cơ bản trên khuông nhạc dùng khoá Đô Alto (quãng tám thứ nhất).

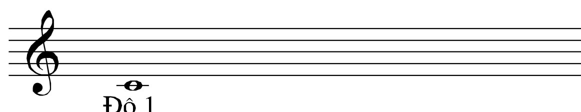


Khoá Đô dùng cho đàn violon alto (viola).

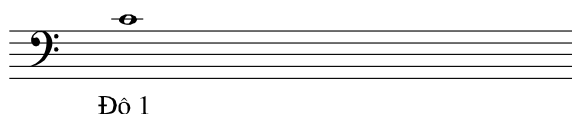
Ngoài ba loại khoá trên, còn một số loại khoá ít dùng hơn như khoá Đô Tenor ở dòng thứ tư, khoá Đô Soprano ở dòng thứ nhất, khoá Đô Mezzo Soprano ở dòng thứ hai và khoá Đô Bariton ở dòng thứ năm.

Tương quan cao độ giữa 3 loại khoá thường dùng :

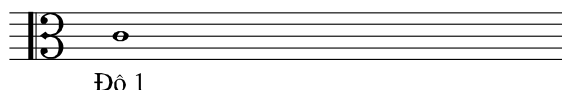
Dùng nốt Đô1 để so sánh tương quan giữa ba loại khoá. Nốt Đô1 viết trên khoá Sol là :



Nốt Đô1 viết trên khoá Fa là :



Nốt Đô1 viết trên khoá Đô Alto là :

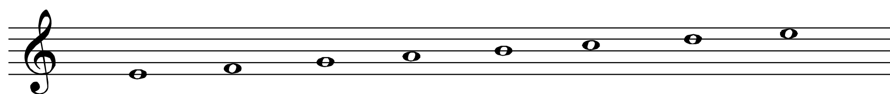


3.3. Nốt nhạc

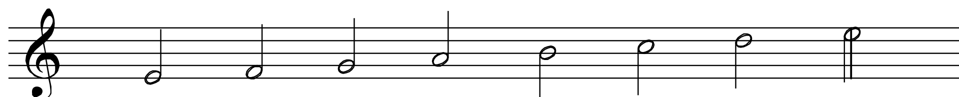
Nốt nhạc là kí hiệu dùng để diễn tả cao độ và trường độ của âm thanh. Nốt nhạc có thể nằm ở khuông nhạc hoặc có thể nằm trên hay dưới dòng kẻ phụ.

Nốt nhạc gồm phần thân nốt, đuôi nốt và móc. Tuy nhiên không phải loại nốt nào cũng có đủ những phần đó.

– *Thân nốt nhạc :* hình bầu dục (để trắng hoặc tô đen), phần này để xác định cao độ của âm thanh.

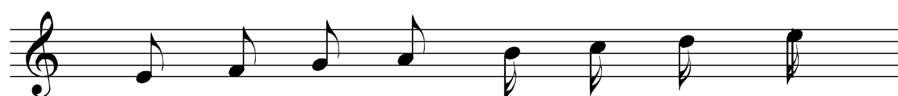


– *Đuôi nốt nhạc :* là một vạch thẳng tiếp xúc bên phải thân nốt nhạc (trường hợp đuôi quay lên) hoặc tiếp xúc bên trái thân nốt nhạc (trường hợp đuôi quay xuống).

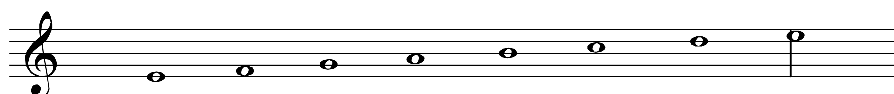


Bản nhạc có một bè, những nốt nhạc nằm từ khe 2 trở xuống, đuôi nốt nhạc quay lên. Những nốt nhạc nằm từ khe 3 trở lên, đuôi nốt nhạc quay xuống. Nốt nhạc nằm ở dòng 3 đuôi có thể quay lên hoặc xuống.

– *Móc :* Nốt nhạc có từ một đến bốn nét móc. Dù đuôi nốt quay lên hay quay xuống, các nét móc bao giờ cũng ở bên phải đuôi nốt nhạc.



Nốt tròn là trường hợp đặc biệt (chỉ có thân nốt, không có đuôi nốt nhạc).



3.4. Cao độ của âm thanh

Cao độ (còn gọi là độ cao) là độ vang lên cao hoặc thấp của âm thanh, một thuộc tính cơ bản của âm nhạc. Mối tương quan về cao độ của các âm thanh là một trong những nhân tố quan trọng nhất để hình thành giai điệu của bản nhạc.

Cao độ của âm thanh thể hiện bằng vị trí nốt nhạc trên khuông với loại khoá cụ thể. Cung và nửa cung là đơn vị để so sánh sự tương quan về cao độ giữa các âm.

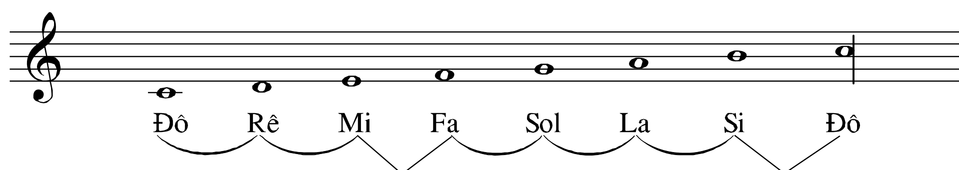
– *Cung :* Là khoảng cách rộng nhất về cao độ giữa hai bậc cơ bản liền kề (còn gọi là nguyên cung hoặc toàn cung). Kí hiệu một cung là .

Trong các bậc cơ bản, những âm cách nhau một cung là Đô – Rê, Rê – Mi, Fa – Sol, Sol – La và La – Si.

– *Nửa cung :* Là khoảng cách hẹp nhất về cao độ giữa hai bậc cơ bản liền kề. Kí hiệu nửa cung là .

Trong các bậc cơ bản, những âm cách nhau nửa cung là Mi – Fa và Si – Đô.

Khoảng cách về cao độ giữa các âm cơ bản :



3.5. Trường độ của âm thanh

Trường độ là độ ngân dài hoặc ngắn của âm thanh. Cao độ và trường độ là hai thuộc tính cơ bản nhất trong âm nhạc. Trong một tác phẩm âm nhạc có sự chuyển tiếp giữa những trường độ khác nhau của âm thanh, tạo thành nhóm nhịp điệu. Các nhóm nhịp điệu này khi liên kết lại sẽ hình thành loại nhịp của tác phẩm âm nhạc.

Thể hiện trường độ của âm thanh bằng các hình nốt nhạc. Đơn vị đo trường độ trong âm nhạc là nhịp và phách.

Các loại hình nốt nhạc :

– Nốt tròn : 𝅝
– Nốt trắng : 𝅗𝅥
– Nốt đen : 𝅘𝅥
– Nốt móc đơn : 𝅘𝅥𝅮
– Nốt móc kép : 𝅘𝅥𝅯
– Nốt móc tam : 𝅘𝅥𝅰
– Nốt móc tứ : 𝅘𝅥𝅱

Sự tương quan giữa các hình nốt :

Nốt tròn (kí hiệu để ghi trường độ lớn nhất) : 𝅝

Nốt trắng (trường độ bằng nửa nốt tròn) : 𝅝 = 2 𝅗𝅥

Nốt đen (trường độ bằng nửa nốt trắng) : 𝅗𝅥 = 2 𝅘𝅥

Nốt móc đơn (trường độ bằng nửa nốt đen) : 𝅘𝅥 = 2 𝅘𝅥𝅮

Nốt móc kép (trường độ bằng nửa nốt móc đơn) : 𝅘𝅥𝅮 = 2 𝅘𝅥𝅯

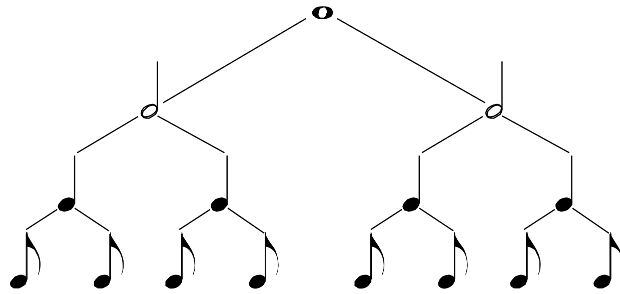
Nốt móc tam (trường độ bằng nửa nốt móc kép) : 𝅘𝅥𝅯 = 2 𝅘𝅥𝅰

Nốt móc tứ (trường độ bằng nửa nốt móc tam) : 𝅘𝅥𝅰 = 2 𝅘𝅥𝅱

Tổng hợp sự tương quan giữa các hình nốt :

𝅝 = 2 𝅗𝅥 = 4 𝅘𝅥 = 8 𝅘𝅥𝅮 = 16 𝅘𝅥𝅯 = 32 𝅘𝅥𝅰

Hoặc biểu thị bằng sơ đồ :



Hai hay nhiều nốt móc có cùng độ dài đứng cạnh nhau có thể dùng vạch ngang nối đuôi cùng với nhau. Ví dụ :

được viết là

được viết là

được viết là

được viết là

§4. CÁC QUÃNG TÁM, HỆ THỐNG BÌNH QUÂN

4.1. Các quãng tám

Bảy bậc cơ bản Đô, Rê, Mi, Pha, Sol, La, Si được lặp lại theo chu kì trong toàn bộ thang âm của hệ thống âm nhạc. Khoảng cách giữa hai âm có tên giống nhau sau mỗi chu kì (Đô1 – Đô2 hoặc Mi1 – Mi2) gọi là quãng tám. Toàn bộ thang âm gồm bảy quãng tám đầy đủ và hai quãng tám thiếu ở hai đầu của thang âm. Các quãng tám tính từ thấp lên cao có tên gọi như sau :

Quãng tám cực trầm (thiếu)

Quãng tám trầm

Quãng tám lớn

Quãng tám nhỏ

Quãng tám thứ nhất

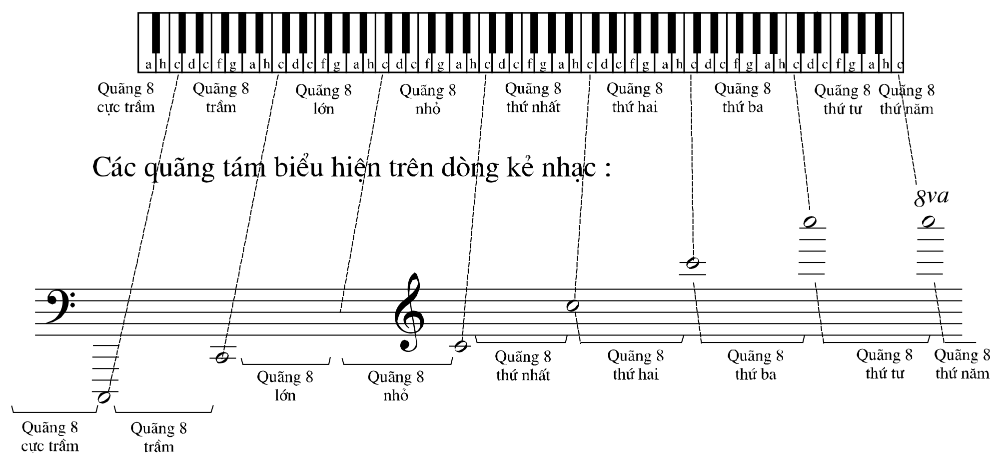
Quãng tám thứ hai

Quãng tám thứ ba

Quãng tám thứ tư

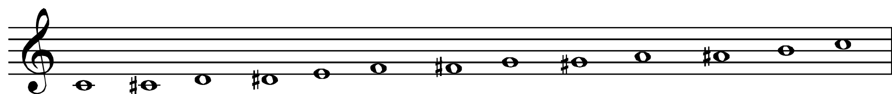
Quãng tám thứ năm (thiếu)

Vị trí các quãng tám trên đàn piano :



4.2. Hệ thống bình quân

Trong âm nhạc, mỗi quãng tám được chia làm 12 phần đều nhau, là 12 nửa cung. Đó là hệ thống bình quân (còn gọi là hệ điều hoà). Như vậy quãng tám có 12 âm với độ cao khác nhau, gồm các âm cơ bản và các bậc chuyển hoá. Ví dụ :



§5. DẤU HOÁ, TRÙNG ÂM

5.1. Các bậc chuyển hoá

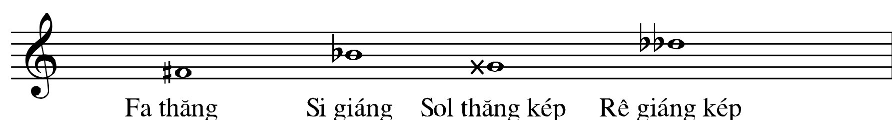
Trong hệ thống âm nhạc, các bậc cơ bản đều có thể nâng cao hoặc hạ thấp nửa cung hoặc một cung. Những âm được nâng cao hoặc hạ thấp như vậy gọi là những bậc chuyển hoá.

Trên đàn piano, phím trắng là các bậc cơ bản, phím đen là các bậc chuyển hoá.

5.2. Dấu hoá

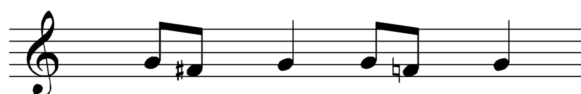
Khi một âm được nâng cao lên nửa cung gọi là *Thăng* (kí hiệu #), nếu nâng cao lên một cung gọi là *thăng kép* (kí hiệu x).

Khi một âm hạ thấp xuống nửa cung gọi là *Giáng* (kí hiệu b), nếu hạ thấp xuống một cung gọi là *giáng kép* (kí hiệu bb). Ví dụ :

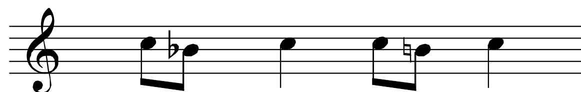


Các bậc chuyển hoá được gọi theo tên của các bậc cơ bản cùng với các kí hiệu thăng, giáng.

Nốt nhạc đang thăng hoặc giáng, nếu muốn trở lại độ cao cơ bản, phải dùng dấu hoàn (còn gọi là dấu bình). Ví dụ :



Ví dụ khác :



Các kí hiệu thăng, giáng, thăng kép, giáng kép, hoàn gọi là các dấu hoá.

Để viết tên nốt nhạc bằng chữ cái La-tinh có dấu thăng, giáng, khi đó dấu thăng được thay bằng chữ is, thăng kép thay bằng isis, giáng thay bằng es, giáng kép thay bằng eses. Ví dụ :

Viết	*Đọc*	*Trường hợp đặc biệt*
Cis Dis Gis	Đô thăng Rê thăng Son thăng	
Es As Des	Mi giáng La giáng Rê giáng	Nốt nhạc viết bằng nguyên âm (A, E) thì bỏ chữ e thứ nhất trong cụm es cho dễ đọc.
Disis Gisis	Rê thăng kép Son thăng kép	
Geses Eses Ases	Son giáng kép Mi giáng kép La giáng kép	Nốt nhạc viết bằng nguyên âm (A, E) thì bỏ chữ e thứ nhất trong cụm eses cho dễ đọc

5.3. Hoá biểu và dấu hoá bất thường

– *Hoá biểu :* Là một hoặc một số dấu hoá nằm cố định ở đầu khuông nhạc (bên phải khoá nhạc). Hoá biểu bao giờ cũng cùng loại hoặc là dấu thăng hoặc là dấu giáng, chúng xuất hiện theo một thứ tự nhất định và có hiệu lực trong suốt bản nhạc.

Bài hát có hoá biểu một dấu giáng :

Chú ếch con

Hơi nhanh – Vui

Nhạc và lời : PHAN NHÂN

Kìa chú là chú ếch con có đôi là đôi mắt tròn. Chú ngồi học bài một mình bên hố bom kề vườn xoan. Bao nhiêu chú trê non cùng bao cô cá rô ron. Tung tăng chiếc vây son nhịp theo tiếng ếch vang dồn. Kìa

(Kìa) chú là chú ếch con bé ngoan là ngoan nhất nhà. Chú học thuộc bài xong rồi chú hát thi cùng họa mi. Bao nhiêu chú chim ri cùng bao cô cá rô phi. Nghe tiếng hát mê li cùng vui thích chí cười... ...khì.

Bài hát có hoá biểu ba dấu thăng :

Con chim non

Nhạc và lời : LÝ TRỌNG

Con chim non trên cành hoa, hót véo von, hót véo von. Em yêu chim, em mến chim, vì mỗi lần chim hót em vui.

Chim ơi chim, chim đừng bay hót nữa đi, hót nữa đi. Em yêu chim, em mến chim, vì mỗi lần chim hót em vui.

Ví dụ bài hát có hoá biểu một dấu thăng :

Đếm sao

(Trích)

Nhạc và lời : VĂN CHUNG

Vừa phải – Nhịp nhàng

Một ông sao sáng, hai ông sáng
sao. Ba ông sao sáng, sáng
chiếu muôn ánh vàng. Bốn ông sáng
sao, kìa năm ông sao sáng. Kìa
sáu ông sáng sao trên trời cao.

– *Dấu hoá bất thường :* Là những dấu hoá xuất hiện trước các nốt nhạc. Dấu hoá bất thường có hiệu lực với nốt đó và những nốt cùng cao độ đứng sau nó trong ô nhịp.

Dấu hoá bất thường không có hiệu lực với nốt cao hơn (hoặc thấp hơn) quãng tám đứng sau nó trong ô nhịp. Nếu muốn, những nốt đó cũng phải viết thêm dấu hoá. Ví dụ :

Dấu hoá bất thường còn có hiệu lực với cả nốt nhạc ở nhịp sau, trong trường hợp nó được nối với nốt nhạc bị hoá ở nhịp trước. Ví dụ :

Ví dụ :

Bác Hồ người cho em tất cả

Nhạc : HOÀNG LONG – HOÀNG LÂN
Lời : Phỏng thơ PHONG THU

Hồn nhiên – Trong sáng

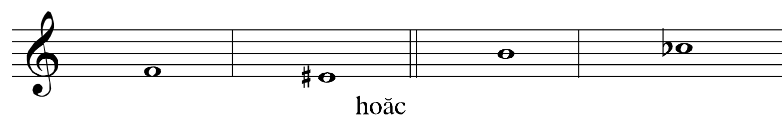
mp

Cho ánh nắng ban mai là những sớm bình minh. Cho những đêm trăng
đẹp là chị Hằng tươi xinh. Cây cho trái và cho hoa
sông cho tôm và cho cá đồng ruộng cho bông lúa chim tặng lời reo
ca. Anh bộ đội đến nhà cho em lòng dũng cảm. Cô giáo cho bài
giảng yêu xóm làng thiết tha. Cùng em vượt đường xa xôi
là chiếc khăn quàng thắm tươi. Cho em tất cả Người mang
cho em cuộc đời mới tươi sáng đầy ước mơ. Người
cho em tất cả là Bác Hồ Chí Minh.

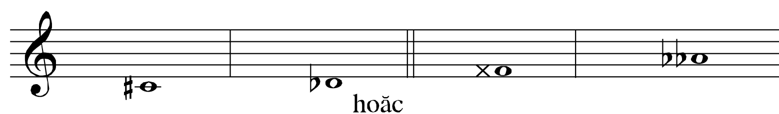
5.4. Trùng âm

Các âm có độ cao bằng nhau nhưng khác nhau về cách viết gọi là trùng âm. Hệ thống bình quân chia quãng tám thành 12 nửa cung bằng nhau nên ở cùng một bậc chuyển hoá nó có thể là âm nâng cao của bậc cơ bản ở dưới nó nửa cung mà cũng có thể là âm hạ thấp của bậc cơ bản ở trên nó nửa cung.

– Trùng âm có thể xảy ra giữa một bậc cơ bản và một bậc chuyển hoá. Ví dụ :



– Trùng âm có thể xảy ra giữa hai bậc chuyển hoá. Ví dụ :

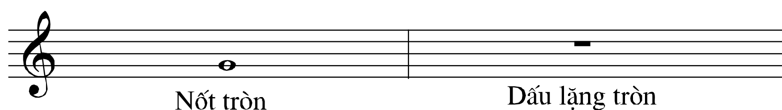


§6. DẤU LẶNG, DẤU TĂNG TRƯỜNG ĐỘ

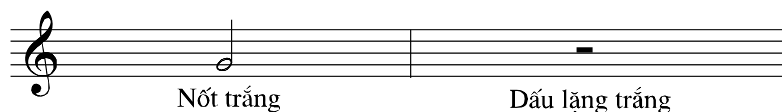
6.1. Dấu lặng

Dấu lặng là kí hiệu chỉ sự ngừng vang của âm thanh. Độ dài của dấu lặng tương đương như độ dài của hình nốt. Ví dụ :

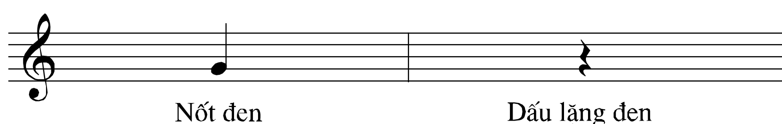
– Dấu lặng tròn có thời gian yên lặng bằng thời gian ngân của nốt tròn :



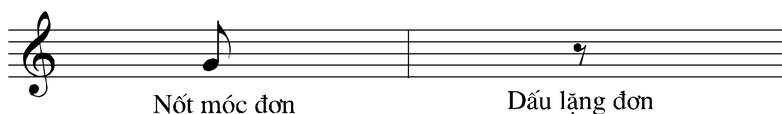
– Dấu lặng trắng có thời gian yên lặng bằng thời gian ngân của nốt trắng :



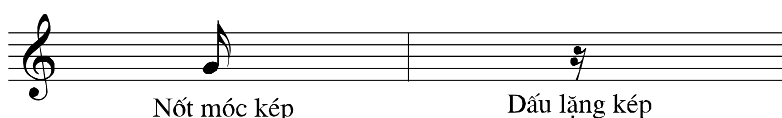
– Dấu lặng đen có thời gian yên lặng bằng thời gian ngân của nốt đen :



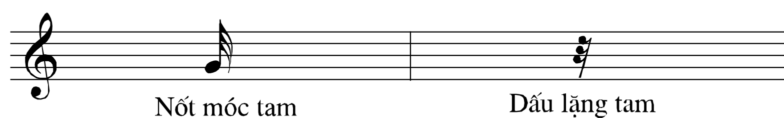
– Dấu lặng đơn có thời gian yên lặng bằng thời gian ngân của nốt móc đơn :



– Dấu lặng kép có thời gian yên lặng bằng thời gian ngân của nốt móc kép :



– Dấu lặng tam có thời gian yên lặng bằng thời gian ngân của nốt móc tam :



Ví dụ về bản nhạc có dấu lặng :

Chim chích bông

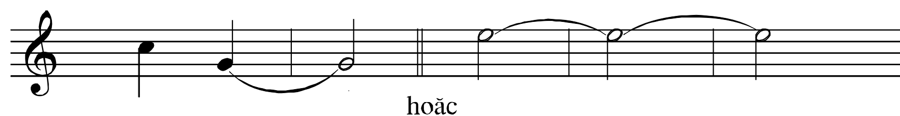
Nhạc : VĂN DUNG
Lời : Thơ NGUYỄN VIẾT BÌNH

Nhí nhảnh

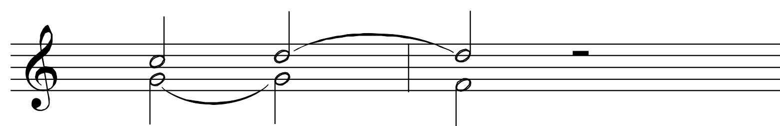
Chim chích bông bé tẹo teo. Rất hay
trèo từ cành na ra cành bưởi sang bụi chuối. Em vẫy
gọi chích bông ơi! Luống rau xanh sâu đang
phá. Chim xuống nhé có thích không? Chú chích
bông liền sà xuống bắt sâu cùng và luôn
mồm: Thích thích thích! Thích thích thích.

6.2. Dấu tăng trường độ

– *Dấu nối :* Dấu nối là hình vòng cung nối những nốt nằm cạnh nhau có cùng cao độ. Trường độ của nhóm bằng tổng trường độ các nốt trong nhóm. Ví dụ :



Cách viết dấu nối : Chiều cong xuống của dấu nối ở giai điệu thường ngược với đuôi nốt. Nếu trên khuông nhạc có hai bè, chiều cong xuống của dấu nối ở mỗi bè cùng hướng với đuôi nốt. Ví dụ :



– *Dấu chấm dôi :* Là dấu chấm đặt ở bên phải thân nốt nhạc, dấu chấm dôi làm tăng thêm một nửa giá trị trường độ của nốt nhạc đó. Ví dụ :

Ví dụ :

Đi học về

Hồn nhiên – Nhí nhảnh *Nhạc và lời* : HOÀNG LONG – HOÀNG LÂN

Đi học về (là) đi học về.

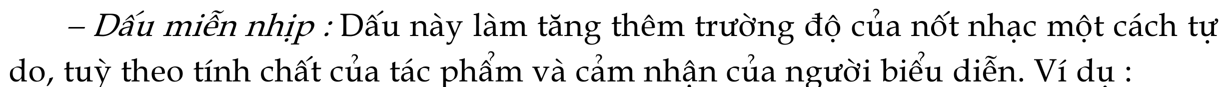
Em vào nhà đến chào cha mẹ.

Cha khen em rằng: "Con rất ngoan".

Mẹ âu yếm thơm lên má em.

Ngoài ra còn có dấu chấm dôi kép (hai dấu chấm dôi). Dấu chấm dôi thứ hai làm tăng thêm một nửa giá trị trường độ của dấu chấm dôi đầu. Ví dụ :

Dấu chấm dôi và dấu chấm dôi kép còn được dùng với dấu lặng. Ví dụ sau có dấu chấm dôi dùng cho nốt nhạc và dấu lặng :



– *Dấu miễn nhịp :* Dấu này làm tăng thêm trường độ của nốt nhạc một cách tự do, tuỳ theo tính chất của tác phẩm và cảm nhận của người biểu diễn. Ví dụ :

Em là bông hồng nhỏ

Nhạc và lời : TRỊNH CÔNG SƠN

Tình cảm – Trong sáng

Em sẽ là mùa xuân của mẹ. Em sẽ
(Trang sách) hồng nằm mơ màng ngủ. Em gối
(Cây có) rừng bầy chim làm tổ. Sông có

là màu nắng của cha. Em đến trường học bao điều
đầu trên những vần thơ. Em thấy mình là bông hồng...
nguồn từ suối chảy ra. Tim mỗi người là quê nhà...

1. lạ. Môi hé cười là những nụ hoa. Trang sách...

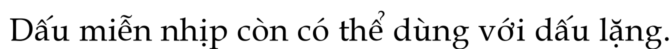
2. ...nhỏ, bay giữa trời làm mát ngày qua. Trời mênh mông, đất hiền

hòa. Bàn chân em đi nhè nhẹ đưa em vào tình người bao

la. Cây có... 3. ...nhỏ. Tình nồng thắm như mặt trời xa.

Dấu miễn nhịp còn có thể dùng với dấu lặng.

Ví dụ :



§7. MỘT SỐ DẤU VIẾT TẮT

7.1. Dấu nhắc lại

Dấu nhắc lại viết bằng kí hiệu ‖: :‖

Dấu này dùng để nhắc lại một đoạn nhạc hoặc toàn bộ bản nhạc. Ví dụ :

Nhớ ơn Bác

Nhạc và lời : PHAN HUỲNH ĐIỂU

Thong thả

Ai yêu nhi đồng bằng Bác Hồ Chí Minh. Ai

yêu Bác Hồ Chí Minh bằng các em nhi đồng.

A! Có Bác Hồ đời em được ấm no.
"Cháu nhớ Bác Hồ nên cháu càng rất ngoan.

Chúng em múa ca càng nhớ công ơn Bác Hồ.
Cháu xin kính dâng ngàn đoá hoa lên Bác Hồ".

Dấu hoá bất thường không có hiệu lực với nốt cao hơn (hoặc thấp hơn) quãng tám đứng sau nó trong ô nhịp. Nếu muốn, những nốt đó cũng phải viết thêm dấu hoá. Ví dụ :

Dấu hoá bất thường còn có hiệu lực với cả nốt nhạc ở nhịp sau, trong trường hợp nó được nối với nốt nhạc bị hoá ở nhịp trước. Ví dụ :

Nếu cuối đoạn nhạc ở lần nhắc lại có sự thay đổi so với lần đầu, người ta dùng dấu ngoặc vuông với số 1 cho lần diễn đầu. Khi nhắc lại lần thứ 2 sẽ bỏ đoạn nhạc trong ngoặc vuông 1, để vào tiếp đoạn nhạc ở ngoặc vuông thứ 2. Ví dụ :

Hoà bình cho bé

Nhạc và lời : HUY TRẦN

Vừa phải – Nhịp nhàng

Cờ hoà bình bay phấp phới giữa trời xanh biếc
Hoà bình là tia nắng ấm thắm hồng môi bé
1.
xanh. Kìa đàn bồ câu trắng trắng mắt tròn xoe hiền
xinh. Nhịp nhàng cùng cất tiếng hát...
2.
hoà.
...tay vòng tay bé ngoan.

Cháu vẫn nhớ trường mầm non

Nhạc và lời : HOÀNG LÂN

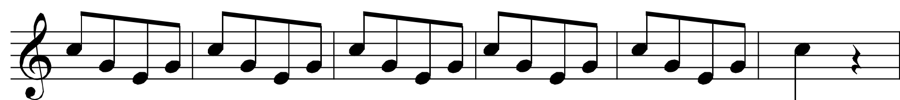
Bầu trời như xanh hơn, hoa lá như tươi hơn.
Bầu trời như xanh hơn, hoa lá như tươi hơn.
Hôm nay sân trường muôn sắc tươi màu. Tạm biệt trường mẫu
Hôm nay tưng bừng náo nức trong lòng. Mùa hè này đã
giáo. Cháu nhớ cỏ sân trường, cháu nhớ từng hàng
lớn. Cháu sắp vào lớp một, cháu nhớ trường mầm
1. 2.
cây nhớ bàn ghế thân yêu
non cô dạy... ...cháu lớn khôn.

Ca khúc có nhiều lời, có thể dùng 3 hay 4 ngoặc vuông, cách nhắc lại theo nguyên tắc như trên.

Khi cần nhắc lại nhịp nào đó vài lần, dùng dấu ⁒

Ví dụ khi viết :

Cần thực hiện là :



7.2. Dấu Segno và dấu Coda

Dấu Segno (còn gọi là dấu hồi) viết bằng kí hiệu 𝄋

Dấu này có tác dụng tương đương dấu nhắc lại. Dấu Segno thường dùng trong những tác phẩm có hình thức lớn hoặc dùng với đoạn nhạc có khuôn khổ lớn hơn so với dấu nhắc lại. Phải đặt dấu Segno ở hai đầu của đoạn nhạc cần nhắc lại. Ví dụ :

Gọi bướm

Vui – Hơi nhanh

Nhạc và lời : ĐÀO NGỌC DUNG

ở Con bướm là con bướm xinh là con
(Con) bướm là con bướm xinh là con

bướm là con bướm hồng. Con bướm là con bướm
bướm là con bướm hồng. Con bướm là con bướm

xinh là con bướm là con bướm trắng. Bướm
xinh là con bướm là con bướm trắng. Bướm
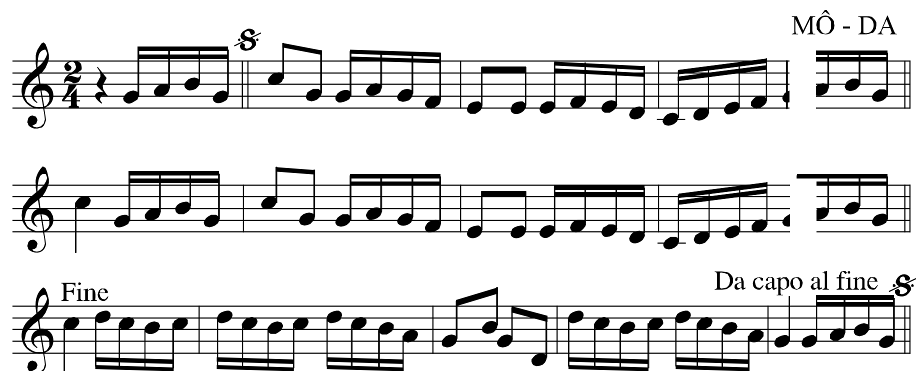
ơi là bướm! Này bướm hãy về đây
ơi là bướm! Này bướm đã về nơi

chơi. ở đây có vườn hoa thắm, ngàn hoa
đây. Đậu trên tóc của em nhé, đậu trên

thắm nở trên đất vàng. Bướm ơi về đây vui
áo vải hoa mới này. Bướm ơi ở đây vui

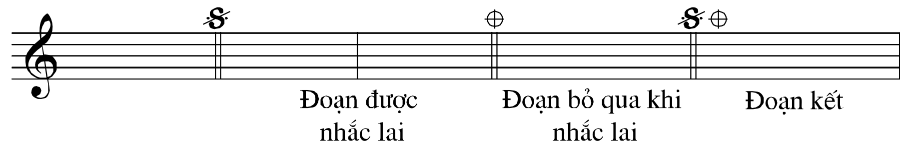
chơi, cùng chúng em về đây vui chơi Con
chơi, cùng chúng em về đây vui... chơi.

Có tác phẩm gồm ba phần, nếu không muốn chép lại phần thứ ba (vì lặp lại giống phần đầu), cần viết fine (hết) ở cuối phần thứ nhất, viết Da capo al fine ở cuối phần thứ hai. Ví dụ :



Dấu Coda (nghĩa là kết thúc) viết bằng kí hiệu: ⊕

Dấu Coda thường đi kèm với dấu hồi. Bản nhạc có dấu Coda và dấu hồi được trình bày theo trình tự sau :



– Trình bày từ đầu đến dấu hồi thứ hai.

– Nhắc lại từ dấu hồi thứ nhất đến dấu Coda thứ nhất.

– Không trình bày đoạn từ dấu Coda thứ nhất đến dấu Coda thứ hai.

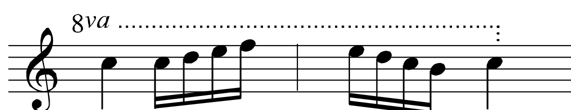
– Trình bày tiếp từ dấu Coda thứ hai đến hết.

7.3. Dấu chuyển quãng tám

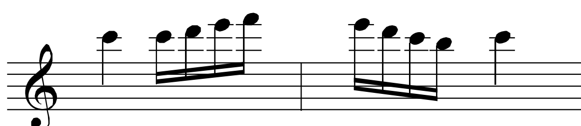
Dấu chuyển quãng tám dùng bằng kí hiệu 8va....

Dấu chuyển quãng tám ghi một đoạn nhạc cần đưa lên cao hoặc hạ thấp xuống một quãng tám. Dùng dấu này sẽ tránh phải viết nhiều dòng kẻ phụ, gây khó khăn khi đọc nốt nhạc.

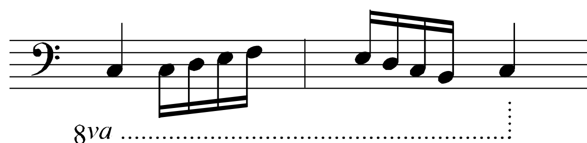
Khi đưa lên một quãng tám, kí hiệu viết phía trên khuông nhạc. Ví dụ khi viết :



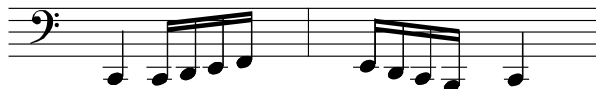
Cần thực hiện là :



Khi đưa xuống một quãng tám, kí hiệu viết phía dưới khuông nhạc. Ví dụ khi viết :



Cần thực hiện là :



7.4. Cách ghi nhạc hai bè
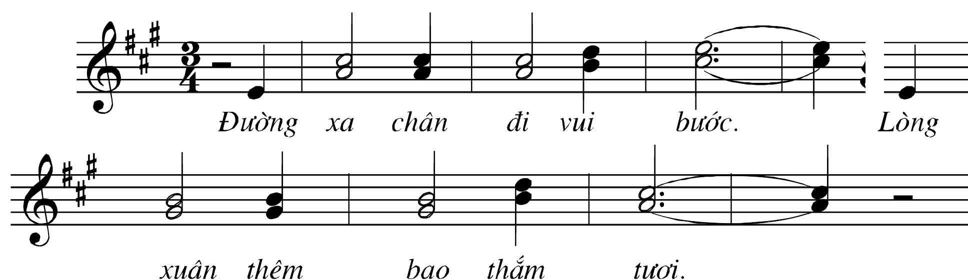
Ngoài những bản nhạc, bài hát chỉ có một bè, còn có loại bài nhiều bè, trong đó đơn giản nhất là bài hai bè. Có thể ghi các bè trên khuông nhạc bằng hai cách :

– Đuôi nốt nhạc của hai bè quay cùng chiều. Thường áp dụng với bài có bè trên luôn cao hơn bè dưới. Ví dụ :

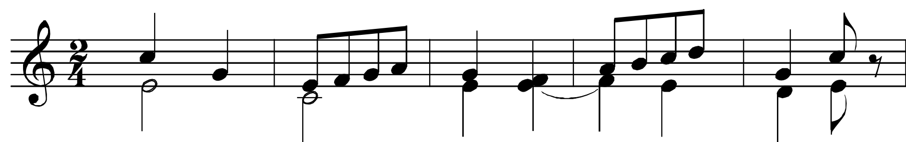
Nhạc rừng

(Trích)

Nhạc và lời : HOÀNG VIỆT



– Đuôi nốt nhạc của hai bè quay ngược chiều. Thường áp dụng với bài có tính chất phức điệu (hai giai điệu độc lập về tiết tấu) hoặc ở bè dưới đôi khi có nốt cao hơn bè trên. Ví dụ :



CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

a) Câu hỏi
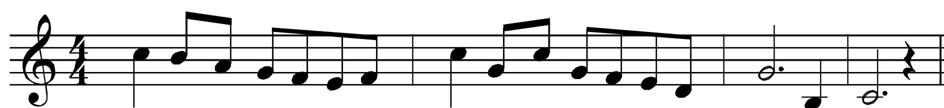
1. Trình bày khái niệm về âm nhạc ?
2. Âm thanh dùng trong âm nhạc có những thuộc tính nào ?
3. Hệ thống âm thanh đầy đủ trong âm nhạc gồm bao nhiêu âm ?
4. Kể tên các bậc cơ bản trong âm nhạc ?
5. Các bậc cơ bản được ghi bằng những chữ cái nào ?
6. Trình bày cấu tạo của khuông nhạc và các dòng kẻ phụ ?
7. Giới thiệu những loại khoá thường dùng trong âm nhạc ?
8. Tại sao các bài hát thường ghi bằng khoá Sol ?
9. Khoá Fa dùng cho những nhạc cụ nào ?
10. Trình bày khoảng cách về cao độ giữa các âm cơ bản ?
11. Thế nào gọi là quãng tám ?
12. Có bao nhiêu quãng 8 trong thang âm đầy đủ ? Tên của các quãng tám ?
13. Thế nào là hệ thống bình quân ?
14. Kể tên các loại dấu hoá ?
15. Hãy giải thích về hiệu lực của dấu hoá bất thường ?
16. Hoá biểu là gì ?
17. Thế nào là trùng âm ? Nêu ví dụ ?
18. Dấu lặng là gì ? Nêu ví dụ ?
19. Kể tên các loại dấu làm tăng trường độ ?
20. Dấu chuyển quãng 8 có tác dụng gì ?

b) Bài tập viết

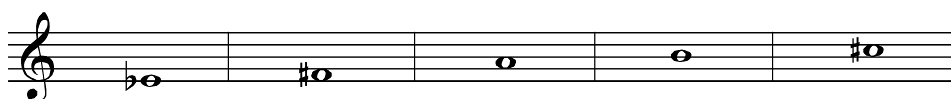
1. Viết trên khuông nhạc dùng khoá Sol các nốt từ Đô1 đến Mi2, với trường độ là nốt đen.

2. Viết trên khuông nhạc dùng khoá Fa các nốt từ Sol quãng tám lớn đến Đô1, với trường độ là nốt móc đơn.

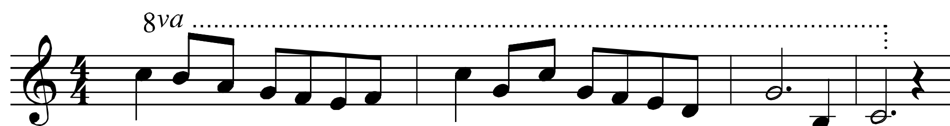
3. Chuyển giai điệu sau thấp xuống quãng 8 và viết ở khoá Fa.



4. Viết các âm trùng với những âm sau.



5. Viết lại giai điệu sau cho đúng với cao độ thực tế.



6. Viết lại giai điệu sau cho đúng với cao độ thực tế.

8va

c) Bài tập trên đàn

1. Thực hiện trên đàn piano hoặc đàn phím điện tử nét nhạc sau.

2. Thực hiện trên đàn piano hoặc đàn phím điện tử nét nhạc sau.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI CÂU HỎI

Câu 1. Trình bày khái niệm về âm nhạc ?

Âm nhạc là nghệ thuật dùng âm thanh và nhịp điệu để diễn tả tư tưởng và tình cảm của con người.

Câu 2. Âm thanh dùng trong âm nhạc có những thuộc tính nào ?

Âm thanh dùng trong âm nhạc có bốn thuộc tính là : cao độ, trường độ, cường độ và âm sắc.

Câu 3. Hệ thống âm thanh đầy đủ trong âm nhạc gồm bao nhiêu âm ?

Gồm 88 âm.

Câu 4. Kể tên các bậc cơ bản trong âm nhạc ?

Đô, Rê, Mi, Fa, Sol, La, Si.

Câu 5. Các bậc cơ bản được ghi bằng những chữ cái nào ?

– Để trả lời câu hỏi này, cần đọc giáo trình ở mục 2.3.

Câu 6. Trình bày cấu tạo của khuông nhạc và các dòng kẻ phụ ?

– Để trả lời câu hỏi này, cần đọc giáo trình ở mục 3.1.

Câu 7. Giới thiệu những loại khoá thường dùng trong âm nhạc ?

– Để trả lời câu hỏi này, cần tóm tắt những ý chính ở mục 3.2.

Câu 8. Tại sao các bài hát thường ghi bằng khoá Sol ?

Các bài hát thường viết trên khuông nhạc dùng khoá Sol vì giọng hát con người phù hợp với cao độ ở khu vực này.

Câu 9. Khoá Fa dùng cho những nhạc cụ nào ?

– Để trả lời câu hỏi này, cần đọc giáo trình ở mục 3.2.

Câu 10. Trình bày khoảng cách về cao độ giữa các âm cơ bản ?

– Để trả lời câu hỏi này, cần đọc giáo trình ở mục 3.4.

Câu 11. Thế nào gọi là quãng tám ?

– Để trả lời câu hỏi này, cần đọc giáo trình ở mục 4.1.

Câu 12. Có bao nhiêu quãng 8 trong thang âm đầy đủ ? Tên của các quãng tám ?

– Để trả lời câu hỏi này, cần đọc giáo trình ở mục 4.1.

Câu 13. Thế nào là hệ thống bình quân ?

– Để trả lời câu hỏi này, cần đọc giáo trình ở mục 4.2.

Câu 14. Kể tên các loại dấu hoá ?

Các kí hiệu thăng, giáng, thăng kép, giáng kép, hoàn gọi là các dấu hoá.

Câu 15. Hãy giải thích về hiệu lực của dấu hoá bất thường ?

– Để trả lời câu hỏi này, cần tóm tắt những ý chính ở mục 5.3.

Câu 16. Hoá biểu là gì ?

Hoá biểu là một hoặc một số dấu hoá nằm cố định đầu khuông nhạc (bên phải khoá nhạc). Hoá biểu bao giờ cũng cùng loại hoặc là dấu thăng hoặc là dấu giáng, chúng xuất hiện theo một thứ tự nhất định và có hiệu lực trong suốt bản nhạc.

Câu 17. Thế nào là trùng âm ? Nêu ví dụ ?

– Để trả lời câu hỏi này, cần tóm tắt những ý chính ở mục 5.4.

Câu 18. Dấu lặng là gì ? Nêu ví dụ ?

– Để trả lời câu hỏi này, cần tóm tắt những ý chính ở mục 6.1.

Câu 19. Kể tên các loại dấu làm tăng trường độ ?

Gồm có dấu nối, dấu chấm dôi và dấu miễn nhịp.

– Để trả lời câu hỏi này, cần tóm tắt những ý chính ở mục 6.2.

Câu 20. Dấu chuyển quãng 8 có tác dụng gì ?

– Để trả lời câu hỏi này, cần đọc giáo trình ở mục 7.3.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI TẬP VIẾT

Bài tập 1. Viết trên khuông nhạc dùng khoá Sol các nốt từ Đô1 đến Mi2, với trường độ là nốt đen.

– Để làm bài tập này, người học cần nắm được vị trí các nốt từ Đô1 đến Mi2 trên khuông nhạc dùng khoá Sol.

– Lưu ý khi đuôi nốt nhạc quay lên, đuôi nốt chạm vào bên phải thân nốt. Khi đuôi nốt nhạc quay xuống, đuôi nốt chạm vào bên trái thân nốt.

Bài tập 2. Viết trên khuông nhạc dùng khoá Fa các nốt từ Sol quãng tám lớn đến Đô1, với trường độ là nốt móc đơn.

– Để làm bài tập này, người học cần nắm được vị trí các nốt từ Sol quãng tám lớn đến Đô1 trên khuông nhạc dùng khoá Fa.

– Lưu ý viết đúng đuôi và móc đơn.

HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH BÀI TẬP TRÊN ĐÀN

Bài tập 1 và 2.

– Mục tiêu của bài tập không phải để luyện kĩ thuật mà để người học hiểu về cách thể hiện cao độ và trường độ trong âm nhạc.

– Để thực hiện 2 bài tập này, người học cần đọc tên các nốt trên khuông nhạc.

– Đàn giai điệu từng chuỗi âm ngắn, thực hiện chậm kết hợp đọc tên nốt nhạc.

– Dù không nhằm luyện tập kĩ thuật nhưng cần bấm ngón tay hợp lí, người học có thể viết thứ tự ngón tay dưới các nốt nhạc.

– Đàn giai điệu cả nét nhạc.

– Tập giai điệu với tốc độ hơi nhanh.

Chương II
TIẾT TẤU, NHỊP

Mục tiêu

Cung cấp cho người học những kiến thức :

- Tiết tấu, trường độ cơ bản và trường độ tự do.
- Trọng âm, tiết nhịp, loại nhịp, vạch nhịp, nhịp lấy đà.
- Nhịp đơn, nhịp phức, nhịp biến đổi.
- Đảo phách, nghịch phách.
- Nhịp độ, cách đánh nhịp.

§1. TIẾT TẤU, TRƯỜNG ĐỘ CƠ BẢN VÀ TRƯỜNG ĐỘ TỰ DO

1.1. Tiết tấu

Tiết tấu là sự tương quan về trường độ của các âm thanh nối tiếp nhau. Trong âm nhạc có sự luân phiên trường độ của âm thanh, đó là sự phối hợp của các âm thanh có trường độ khác nhau. Khi liên kết với nhau theo một thứ tự nhất định, trường độ của âm thanh tạo ra nhóm tiết tấu (còn gọi là hình tiết tấu). Hình tiết tấu là đường nét tiêu biểu về trường độ của tác phẩm âm nhạc.

Ví dụ :

Bài ca đi học

Nhịp đi – Khoẻ

Nhạc và lời : PHAN TRẦN BẢNG

Bình minh dâng lên ánh lên giọt
(Trường) em xa xa khuất sau hàng

sương long lanh. Đàn bướm phơi
cây cao cao. Ngày tháng tới

phới lướt trên cành hoa rung rinh. Bầy
đã thắm bao tình em thương yêu. Đùa

chim xinh xinh hót vang lùm cây xanh
nô tung tăng nắm tay cùng vui ca

xanh. Chào đón chúng em mau bước nhanh
vang. Nhịp bước bước nhanh cô giáo đón

chân tới trường. Trường...
em tới ...trường.

Hình tiết tấu của bản nhạc trên là :



1.2. Trường độ cơ bản và trường độ tự do

Nếu nốt đen được chia thành 2 nốt móc đơn, đó là trường độ cơ bản. Nếu nốt đen được chia thành 3 nốt móc đơn (ngân dài đều nhau), đó là trường độ tự do. Tương tự với các loại trường độ khác.

– *Trường độ cơ bản :* Một nốt tròn ngân dài bằng hai nốt trắng hoặc bốn nốt đen...

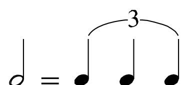
𝅝 = 2𝅗𝅥 = 4♩ = 8♪ = 16𝅘𝅥𝅯

– *Trường độ tự do :* Là những trường độ được tạo nên do sự phân chia khác với trường độ cơ bản.

Ta thường gặp các hình thức phân chia tự do sau :

+ Chùm ba : nốt nhạc được chia làm ba phần đều nhau. Ví dụ :

Nốt trắng chia thành ba nốt đen :



Ví dụ :

Như chim ưu phiền

Nhạc và lời : TRỊNH CÔNG SƠN

Nhe nhàng

Tôi như chim ưu phiền bay về cuối dòng sông. Con sông mang tin buồn, nằm chờ những đoá hồng. Tôi như chim vô vọng linh hồn rất mỏng manh. Trong tim tôi có lần một mùa ôi rất lạnh.

Nốt đen chia thành ba nốt móc đơn :



Ví dụ :

Serenade

F. SHUBERT

Nốt móc đơn chia thành ba nốt móc kép :



+ Chùm năm : nốt nhạc được chia làm năm phần đều nhau. Ví dụ :

Nốt trắng chia thành năm nốt móc đơn :



Nốt đen chia thành năm nốt móc kép :



Một số bản nhạc còn dùng các chùm 6, 7, 8... Tuy nhiên đó là các trường hợp hiếm gặp.

§2. TRỌNG ÂM, TIẾT NHỊP, LOẠI NHỊP, VẠCH NHỊP, NHỊP LẤY ĐÀ

2.1. Trọng âm và tiết nhịp

Trong tiết tấu của tác phẩm âm nhạc, có một số âm được vang lên với cường độ lớn hơn, nổi bật hơn, đó là trọng âm.

Những trường độ có thời gian bằng nhau giữa hai trọng âm nối tiếp, đó là tiết nhịp (còn gọi là nhịp). Trong mỗi nhịp, chỉ có một trọng âm.

Trong nhịp, những trường độ bằng nhau có trọng âm và không có trọng âm, đó là phách. Phách có trọng âm gọi là phách mạnh, phách không có trọng âm gọi là phách mạnh vừa hoặc phách nhẹ.

Cần hiểu về phách và nhịp như sau :

– Phách và nhịp là đơn vị đo trường độ trong âm nhạc.

– Phách là khoảng thời gian trôi qua giữa hai tiếng gõ liền kề.

– Nhịp là khoảng thời gian trôi qua giữa hai phách mạnh liền kề.

– Độ dài của phách và nhịp thay đổi tuỳ thuộc vào tốc độ của từng bản nhạc.

2.2. Loại nhịp và vạch nhịp

Loại nhịp được kí hiệu bằng số chỉ nhịp. Số chỉ nhịp được đặt sau khoá nhạc và hoá biểu (nếu có). Số chỉ nhịp gồm hai chữ số, số bên trên chỉ số phách có trong mỗi nhịp, số bên dưới chỉ trường độ mỗi phách bằng một phần mấy của nốt tròn.

Một số loại nhịp thường gặp :

– Nhịp $\frac{2}{4}$: Nhịp $\frac{2}{4}$ có hai phách, mỗi phách có trường độ bằng một nốt đen (nốt đen có trường độ bằng một phần tư nốt tròn). Nhịp $\frac{2}{4}$ có phách 1 là phách mạnh, phách 2 là phách nhẹ. Ví dụ :

Múa vui

Nhạc và lời : LƯU HỮU PHƯỚC

Vui – Rộn ràng

Cùng nhau múa xung quanh vòng. Cùng nhau múa cùng vui.
Cùng nhau múa xung quanh vòng. Vui cùng nhau múa đều.
Nắm tay nhau, bắt tay nhau. Vui cùng vui múa ca.
Nắm tay nhau, bắt tay nhau. Vui cùng vui múa đều.

– Nhịp $\frac{3}{4}$: Nhịp $\frac{3}{4}$ có ba phách, mỗi phách có trường độ bằng một nốt đen. Nhịp $\frac{3}{4}$ có phách 1 là phách mạnh, phách 2 và 3 là phách nhẹ. Ví dụ :

Bụi phấn

Vừa phải – Tha thiết *Nhạc và lời* : VŨ HOÀNG – LÊ VĂN LỘC

Khi thầy viết bảng, bụi phấn rơi rơi. Có hạt bụi
nào rơi trên bục giảng, có hạt bụi nào vương trên tóc thầy Em
(Mai)

nào rơi trên bục giảng, có hạt bụi nào vương trên tóc thầy Em
(Mai)

yêu phút giây này. Thầy em tóc như bạc thêm. Bạc
sau lớn nên người. Làm sao có thể nào quên. Ngày

1

thêm vì bụi phấn, để cho em bài học hay.
xưa thầy dạy...

2

Mai... ... dỗ khi em tuổi còn thơ. Khi...

– Nhịp $\frac{4}{4}$ (còn được viết là C) : Nhịp $\frac{4}{4}$ có bốn phách, mỗi phách có trường độ bằng một nốt đen. Nhịp $\frac{4}{4}$ có phách 1 là phách mạnh, phách 3 là phách mạnh vừa, phách 2 và 4 là phách nhẹ.

Ví dụ :

Ước mơ

Nhạc : TRUNG QUỐC
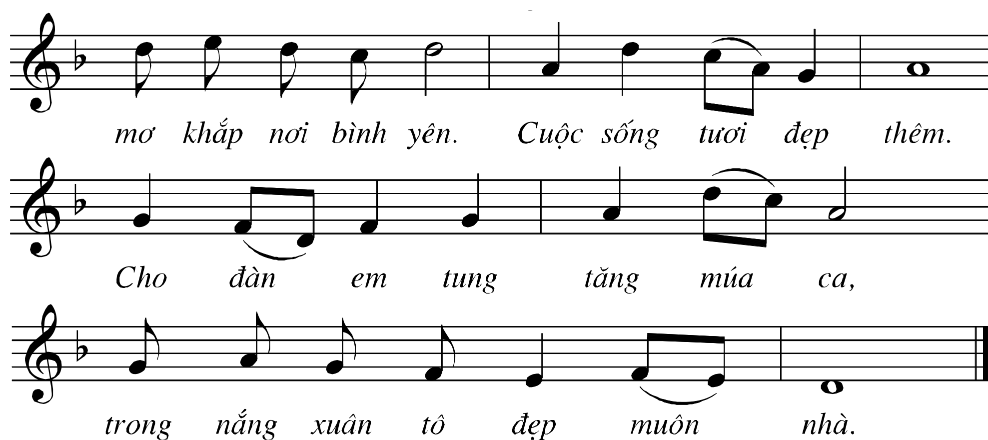
Thiết tha, trìu mến

Lời Việt : AN HOÀ

Gió vờn cánh hoa bay dưới trời. Đàn bướm xinh dạo

chơi. Trên cành cây chim ca líu lo.

Như hát lên bao lời mong chờ. Em khao khát ước

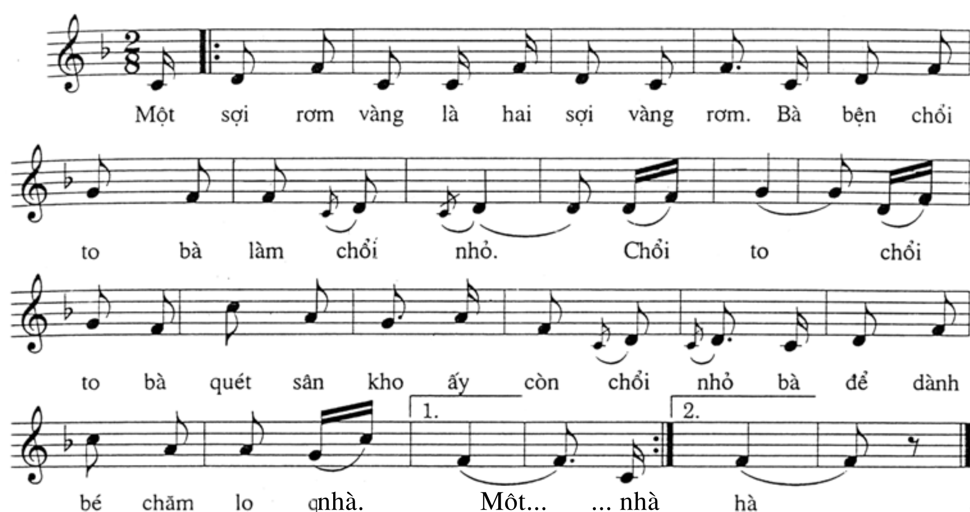


– Nhịp $\frac{2}{8}$: Nhịp $\frac{2}{8}$ có hai phách, mỗi phách có trường độ bằng một nốt móc đơn (nốt móc đơn có trường độ bằng một phần tám của nốt tròn). Nhịp $\frac{2}{8}$ có phách 1 là phách mạnh, phách 2 là phách nhẹ. Ví dụ :

Bé quét nhà

Vui – Dí dỏm

Nhạc và lời : HÀ ĐỨC HẬU



– Nhịp $\frac{3}{8}$: Nhịp $\frac{3}{8}$ có ba phách, mỗi phách có trường độ bằng một nốt móc đơn. Phách 1 là phách mạnh, phách 2 và 3 là phách nhẹ. Ví dụ :

Tre ngà bên Lăng Bác

Tha thiết

Nhạc và lời : HÀN NGỌC BÍCH

Bên Lăng Bác Hồ có đôi khóm tre ngà.

Đón gió đâu về mà đu đưa, đu đưa. Đón nắng đâu

về mà thêu hoa, thêu hoa. Rất trong là tiếng chim, tiếng

chim chuyền ngây thơ. Rất xanh tiếng sáo diều, tiếng sáo trời ngân

nga. Một khoảng trời quê hương thân yêu về bên

Bác, cho em về ca hát dưới mái tóc tre ngà.

– Nhịp $\frac{6}{8}$: Nhịp $\frac{6}{8}$ có sáu phách, mỗi phách có trường độ bằng một nốt móc đơn. Nhịp $\frac{6}{8}$ có phách 1 là phách mạnh, phách 4 là phách mạnh vừa, còn lại là phách nhẹ. Ví dụ :

Chỉ có một trên đời

Nhạc : TRƯƠNG QUANG LỤC

Nhẹ nhàng – Tình cảm

Lời : Thơ LIÊN XÔ (cũ)

Trên trời cao có muôn vàn ánh sao. Trên đồng
xanh có muôn vàn cây lúa. Con chim rừng có muôn vàn tiếng
ca. Cây trong vườn có muôn vàn lá hoa. A
a a a á a. Riêng mặt trời chỉ có một mà
thôi và mẹ em chỉ có một trên đời. Riêng mặt
trời chỉ có một mà thôi và mẹ em chỉ có
một trên đời. 1. Trên trời... 2. ...đời.

– Nhịp $\frac{2}{2}$ (còn được viết là C): Nhịp $\frac{2}{2}$ có hai phách, mỗi phách có trường độ bằng một nốt trắng (nốt trắng có trường độ bằng một phần hai của nốt tròn). Nhịp $\frac{2}{2}$ có phách 1 là phách mạnh, phách 2 là phách nhẹ.

Ví dụ :

Nụ cười

Nhạc NGA

Phỏng dịch lời : PHẠM TUYÊN

Hơi nhanh

Cho trời sáng lên cùng với bao nụ cười.
(Cho trời) sáng lên và áng mây tươi hồng.

Cầu vồng thêm lung linh bao sắc ánh lên ở khắp trời.
Đẩy lùi xa bao nhiêu u ám gió mưa và bão bùng.

Nụ cười tươi chúng ta cùng chung niềm vui.
Rừng âm u đã thức dậy đón ngày mới.

Trong cuộc sống đầm ấm yên vui ta cùng cất tiếng cười.
Trong làn nắng lộng gió ban mai vang bài ca yêu đời.

Để làn mây không bay đi xa những giọt mưa bay bay bên

ta. Để dòng nước từ con suối xinh thành dòng sông sóng xô.

Tiếng cười vui luôn luôn bên ta. Tiếng cười sẽ luôn luôn ngân

xa. Tiếng cười là bạn đường tháng năm của tuổi niên thiếu ta.

Tiếng cười vui luôn luôn bên ta. Tiếng cười sẽ luôn luôn ngân

xa. Tiếng cười là bạn đường tháng 1 năm không thể nào

xoá nhoà. Cho trời... 2. ...năm vẫn tràn ngập lòng ta.

Trên khuông nhạc, nhịp có thể được gọi là ô nhịp. Các ô nhịp được phân cách nhau bằng những vạch thẳng đứng trên khuông nhạc gọi là vạch nhịp (hoặc gạch nhịp). Những nốt nhạc nằm sát sau vạch nhịp bao giờ cũng là phách mạnh.

Trong bản nhạc còn sử dụng hai vạch nhịp đứng sát nhau, gọi là vạch kép (hoặc vạch nhịp đôi). Vạch kép có hai loại.

– Vạch kép có hai nét không tô đậm, dùng trong các trường hợp :

+ Thay đổi nhịp. Ví dụ :

Hoa thơm bướm lượn

Dân ca quan họ BẮC NINH

Ối hoa tôi là này đóa hoa thơm Ố
tình là con bướm lượn ố tình là con bướm dạo ơ. Bớ cái
duyên có a ru hời. Bớ cái duyên có cái
duyên có a ru hời. Bướm lượn là
bướm ới a nó bay, bướm dạo là
bướm ơi a nó bay.

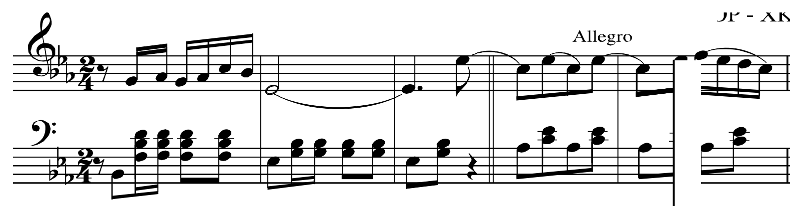
+ Thay đổi khoá. Ví dụ :

+ Ngăn cách các quãng, hợp âm. Ví dụ :

+ Chuyển sang đoạn nhạc mới. Ví dụ :
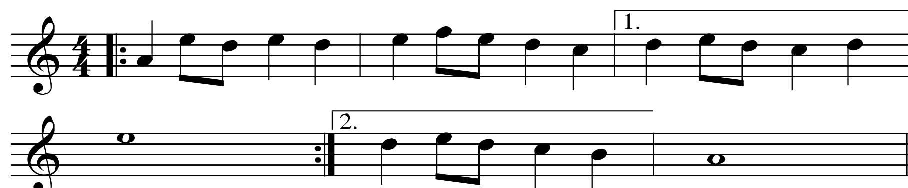
Vũ khúc Napoli

TRAI - CỐP - XKI



– Vạch kép có một nét tô đậm, dùng trong các trường hợp :

+ Đi cùng dấu nhắc lại hoặc dấu hồi. Ví dụ :



+ Kết thúc tác phẩm.
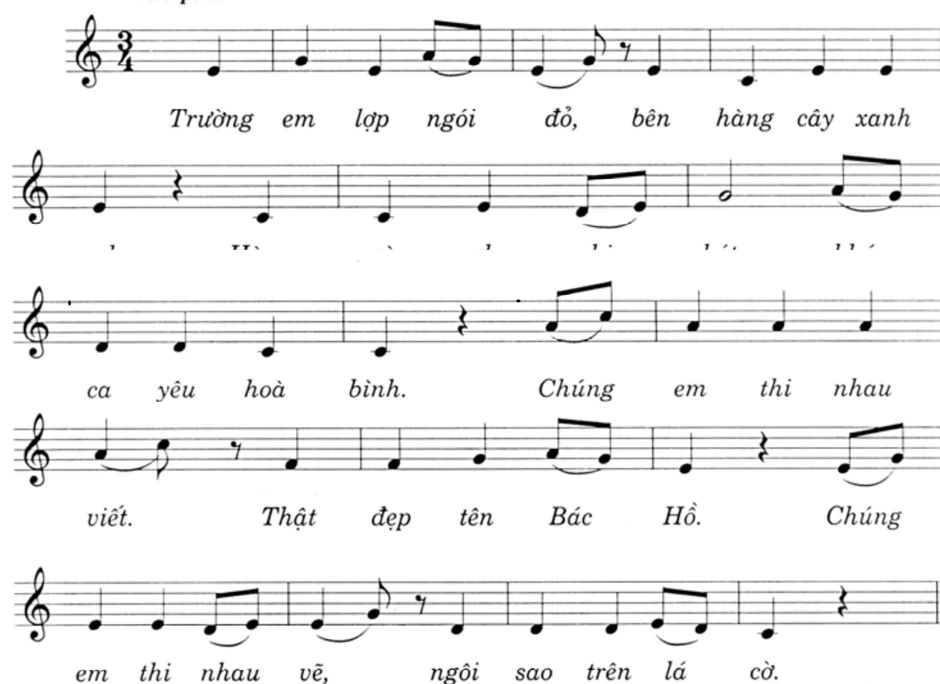
2.3. Nhịp lấy đà

Nhịp mở đầu của bản nhạc không đủ số phách theo quy định của số chỉ nhịp, gọi là nhịp lấy đà.

Một số cách trình bày bản nhạc có nhịp lấy đà :

– Bản nhạc có nhịp lấy đà thì nhịp kết thúc sẽ không đủ số phách, tổng số phách ở nhịp lấy đà và nhịp kết thúc sẽ bằng một nhịp đầy đủ. Ví dụ :

Trường em



– Thêm dấu lặng vào nhịp mở đầu, hình thức là nhịp đủ số phách nhưng thực chất là nhịp lấy đà. Ví dụ :

Những bông hoa những bài ca

Nhạc và lời : HOÀNG LONG

Tươi vui – Náo nức

Cùng nhau cầm tay đi đến thăm các thầy các
(Thầy) cô dạy em mong chúng em sẽ cùng lớn

cô. Lời hát rộn rã bao bé em bước trên đường
khôn. Học tốt học mãi ghi nhớ trong những trang vở

phố. Ngàn hoa nở tươi khoe sắc hương dưới ánh mặt
mới. Mùa thu đẹp tươi bao ước mơ sáng gương mặt

trời. Náo nức tiếng cười say sưa yêu
người. Nhớ mãi công thầy nhớ mãi ơn

đời. Những đoá hoa tươi màu đẹp nhất,
này. Những khúc ca bao lời đẹp nhất,

1. 2.

chúng em xin tặng các thầy các cô. Thầy ...
chúng em xin tặng các thầy các ... ... cô.

– Nhiều tác phẩm (đặc biệt là ca khúc) có nhịp lấy đà nhưng nhịp kết thúc vẫn đủ trường độ. Trong bản nhạc, nhịp duy nhất có thể thiếu trường độ, đó là nhịp mở đầu.

Ví dụ :

Em vẫn nhớ trường xưa

Vui – Tha thiết *Nhạc và lời* : THANH SƠN

Trường làng em có hàng tre
(Tình quê) hương gắn liền yêu

xanh, cây rợp bóng mát yêu đời yên lành. Nhịp cầu
thương, bao mùa mưa nắng em vẫn đến trường. Thầy cô

1.
tre lối về nhà em, qua rẫy nương xanh thấy vui êm
em đã dạy cho em, yêu nước yêu ...

2.
đềm. Tình quê ...
... quê và yêu gia đình.

Tre xanh kia sẽ có ngày rồi già, chồi
Em siêng năng gắng học hành ngày ngày, rồi

non vươn lên thắm cây vườn mượt mà.
mai sau đây sẽ nên người thành tài.

Trường học này là cây hoa, còn nụ cười là hương hoa
Dù cuộc đời nhịp thoi đưa, từng mùa hè từng cơn mưa ...

1. 2.
bay toả khắp quê nhà.
... em vẫn nhớ trường xưa.

§3. NHỊP ĐƠN, NHỊP PHỨC, NHỊP BIẾN ĐỔI

3.1. Nhịp đơn và cách phân nhóm trường độ

Nhịp đơn là những loại nhịp có một, hai hoặc ba phách, trong đó chỉ có một phách mạnh (trọng âm).
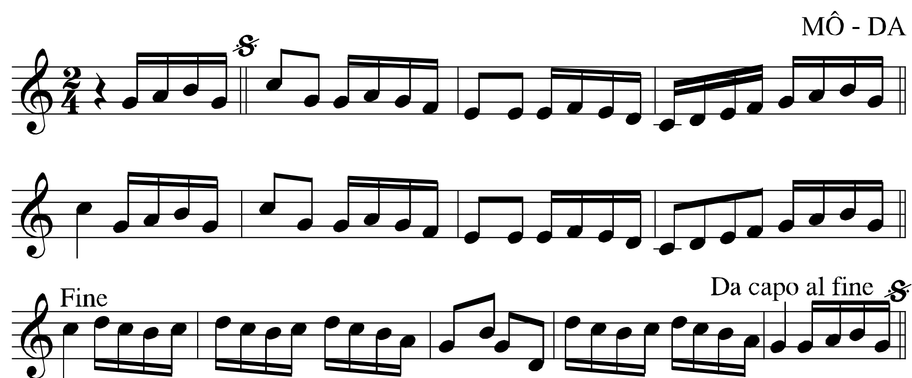
+ Những nhịp có một phách : $\frac{1}{2}, \frac{1}{4}, \frac{1}{8}$.

+ Những nhịp có hai phách : $\frac{2}{2}, \frac{2}{4}, \frac{2}{8}$.

+ Những nhịp có ba phách : $\frac{3}{2}, \frac{3}{4}, \frac{3}{8}$.

Trường độ các nốt nhạc trong mỗi nhịp được liên kết với nhau thành nhóm gọi là phân nhóm trường độ. Phân nhóm trường độ là sự phân chia các nốt trong nhịp thành từng nhóm cho phù hợp với cơ cấu của loại nhịp, thường dùng cho nhạc không lời. Phân nhóm trường độ sẽ làm cho người biểu diễn dễ dàng trong việc thể hiện tác phẩm.

Đối với các loại nhịp đơn, các nốt thuộc từng phách phải được tập hợp lại thành từng nhóm tách rời nhau. Như vậy trong nhịp có bao nhiêu phách thì sẽ có bấy nhiêu nhóm trường độ. Ví dụ :



3.2. Nhịp phức và cách phân nhóm trường độ

Nhịp phức được hình thành trên cơ sở liên kết hai hay nhiều nhịp đơn cùng loại. Do vậy số lượng phách mạnh ở nhịp phức sẽ tương đương với số nhịp đơn có trong thành phần của nó.
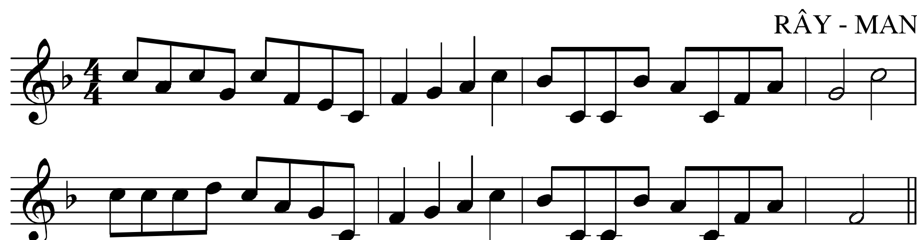
Trọng âm của nhịp đơn thứ nhất là phách mạnh còn các trọng âm ở các nhịp đơn kế tiếp là phách mạnh vừa. Một số loại nhịp phức thường gặp :

$\frac{4}{4}\left(\frac{2}{4}+\frac{2}{4}\right)$

$\frac{6}{8}\left(\frac{3}{8}+\frac{3}{8}\right)$

$\frac{9}{8}\left(\frac{3}{8}+\frac{3}{8}+\frac{3}{8}\right)$

Cách phân nhóm trường độ ở nhịp phức là : mỗi nhịp đơn trong đó được liên kết thành một nhóm riêng. Ví dụ :



3.3. Nhịp hỗn hợp và cách phân nhóm trường độ

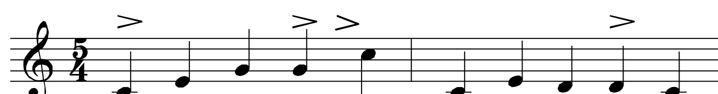
Nhịp hỗn hợp là loại nhịp được hình thành bởi sự kết hợp hai hay nhiều loại nhịp đơn khác nhau. Ví dụ :

$\frac{5}{4}\left(\frac{2}{4}+\frac{3}{4}\right)$

$\frac{5}{4}\left(\frac{3}{4}+\frac{2}{4}\right)$

$\frac{5}{8}\left(\frac{2}{8}+\frac{3}{8}\right)$

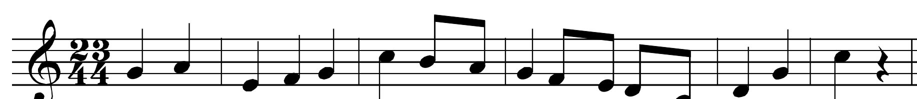
Trọng âm trong loại nhịp hỗn hợp phân bố không đều, phụ thuộc vào trọng âm của từng loại nhịp đơn trong đó. Trọng âm của nhịp đơn thứ nhất là phách mạnh còn trọng âm của các nhịp đơn tiếp theo là các phách mạnh vừa. Ví dụ :



3.4. Nhịp biến đổi

Đoạn nhạc sử dụng từ hai loại nhịp trở lên gọi là đoạn nhạc có nhịp biến đổi. Nhịp biến đổi có thể xảy ra một cách có chu kì hoặc không có chu kì.

– Nhịp biến đổi theo chu kì được ghi bằng hai số chỉ nhịp ở đầu bản nhạc (hay đoạn nhạc), theo trật tự tiếp nối các loại nhịp trong mỗi chu kì. Ví dụ :



Trong ví dụ trên, một nhịp $\frac{2}{4}$ đan xen liên tục với một nhịp $\frac{3}{4}$.

– Nhịp biến đổi không theo chu kì thì số chỉ nhịp được đặt ngay trước chỗ cần thay đổi. Ví dụ :

Ru em

Dân ca Xơđăng (Tây Nguyên)
Ghi âm và đặt lời : LÊ TOÀN HÙNG

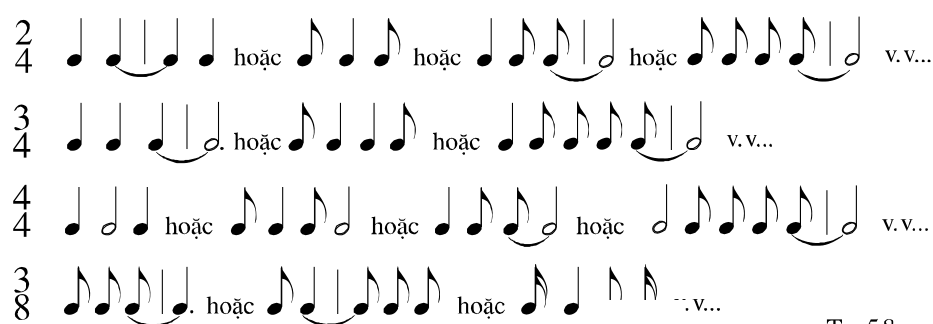
Em ơi em ngủ cho ngoan, để mẹ đi chặt cây chuối nơi xa
em nằm ngủ cho ngoan. Ngoài rừng xa cha đang đi kiếm măng non
nín đi ơi em ơi, em ngủ đừng khóc em.
Ngoài rừng xa cha đang đi kiếm măng non, ngủ ngoan ơi em ơi.
Nơi xa mẹ tìm được nhiều ngọn rau non,
đừng khóc nữa ơi em ơi.

§4. ĐẢO PHÁCH, NGHỊCH PHÁCH

4.1. Đảo phách

Đảo phách là hiện tượng một âm bắt đầu vang lên ở phách nhẹ hoặc phần nhẹ của phách ngân sang phách mạnh hoặc phần mạnh của phách tiếp theo. Hiện tượng này làm thay đổi trọng âm của âm thanh dẫn đến sự thay đổi nhịp điệu đều đặn của bản nhạc. Nói cách khác, đảo phách là kiểu nối tiếp tiết tấu, trong đó trọng âm tiết tấu không trùng với trọng âm của tiết nhịp.

Một số dạng đảo phách thường gặp :



Tr.58

Ví dụ :

Em như chim câu trắng

Tươi mát – Trong sáng *Nhạc và lời* : TRẦN NGỌC

Em như chim bồ câu tung cánh giữa trời.

Em như chim bồ câu trắng bay giữa trời.

Em mong sao không có nước mắt rơi chia lìa.

Em momg sao trên trái đất hoa thơm nở bốn mùa.

Em mong sao trên trái đất mỗi con người,

như em đây là chim trắng chim hòa bình. Sống

để yêu nhau giữ đẹp trái đất xanh.

4.2. Nghịch phách

Nghịch phách giống đảo phách ở chỗ trọng âm của tiết tấu giai điệu lại rơi vào phách yếu hoặc phần yếu của phách, không trùng với trọng âm của tiết nhịp. Khác ở chỗ phách mạnh hoặc phần mạnh của phách được thay bằng dấu lặng. Ví dụ :

Ru con

Dân ca Nam Bộ NAM BỘ

Gió mùa thu mẹ ru (mà) con ngủ

năm (ơ) canh chầy năm (ơ) canh chầy. Thức

đủ vừa năm. Hỡi chàng chàng ơi! Hỡi

người người ơi! Em nhớ tới chàng. Em

nhớ tới chàng. Hãy nín nín đi con. Hãy

ngủ ngủ đi con, con hời mà con hỡi con

Chậm dần hạm dầm
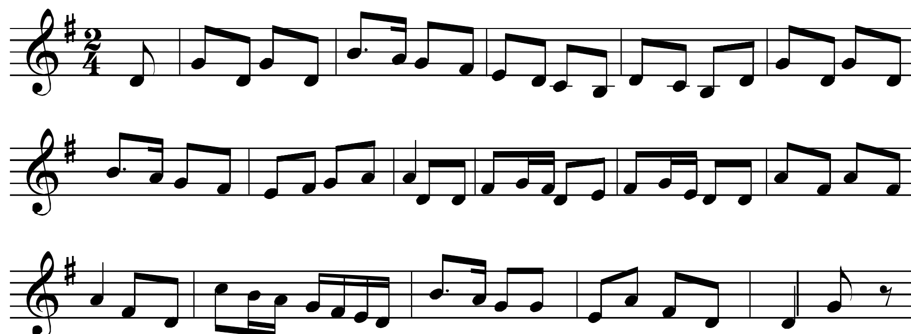
hỡi con hời, con hỡi con hời hỡi con.

§5. NHỊP ĐỘ, CÁCH ĐÁNH NHỊP

5.1. Nhịp độ
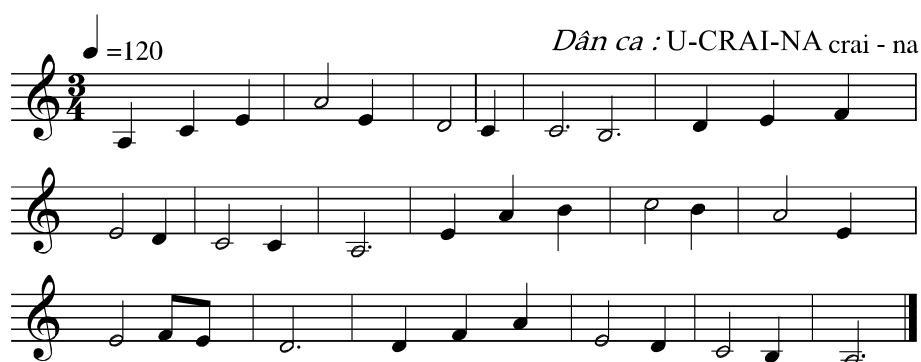
Nhịp độ là tốc độ chuyển động của tiết tấu, thường được ghi ở đầu bản nhạc. Tiếng Italia là ngôn ngữ phổ biến để ghi nhịp độ trong âm nhạc. Tuy nhiên, ở mỗi nước, người ta còn dùng tiếng nước mình để dễ phổ cập.

Allegro BÉT -TÔ-VEN



Ngoài ra, còn cách ghi bằng kí hiệu (ví dụ ♩ = 120). Cách ghi này nhằm diễn đạt : tốc độ của bản nhạc là 120 phách/phút. Mỗi phách có giá trị bằng nốt đen.

Quê hương



Dưới đây là một số thuật ngữ chỉ nhịp độ.

Tiếng Italia	*Ý nghĩa tiếng Việt*	*Số lượng phách trong 1 phút*	*Ghi chú*
Largo	Cực chậm	40 đến 43	Nhóm nhịp độ chậm
Grave	Rất chậm, trịnh trọng	44 đến 47	
Larghetto	Chậm, nặng nề	48 đến 51	
Lento	Chậm vừa	52 đến 55	
Adagio	Hơi chậm	56 đến 59	
Andante	Khoan thai	60 đến 62	Nhóm nhịp độ trung bình
Andante con moto	Khoan thai, linh hoạt	63 đến 65	
Andantino	Thong thả	66 đến 70	
Andantino quasi allegretto	Thong thả, hơi nhanh	71 đến 79	
Moderato	Vừa phải	80 đến 99	
Allegretto moderato	Nhanh vừa	100 đến 115	Nhóm nhịp độ nhanh
Allegro	Nhanh	116 đến 125	
Vivace	Nhanh, nhộn nhịp	126 đến 142	

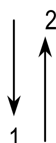
Presto	Rất nhanh, rất vội	143 đến 183	
Prestissimo	Cực nhanh	184 trở lên	

5.2. Sơ đồ và cách đánh nhịp

Mỗi loại nhịp có sơ đồ (đường chỉ huy) riêng, tuỳ theo tính chất từng tác phẩm, có nhiều cách đánh nhịp khác nhau. Ngay trong một tác phẩm, cách đánh nhịp có thể thay đổi theo từng đoạn, câu, tiết nhạc.

Dưới đây là một số loại nhịp hay gặp và cách đánh nhịp cơ bản :

– Nhịp 2 phách : gồm nhịp $\frac{2}{2}$, $\frac{2}{4}$, $\frac{2}{8}$ hoặc nhịp $\frac{6}{4}$ và $\frac{6}{8}$ (ở tốc độ nhanh).

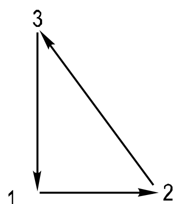


Sơ đồ

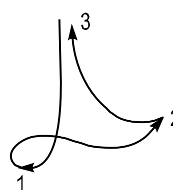


Đường nét thực tế

– Nhịp 3 phách : gồm nhịp $\frac{3}{4}$, $\frac{3}{8}$, $\frac{3}{2}$ hoặc nhịp $\frac{9}{4}$ và $\frac{9}{8}$ (ở tốc độ chậm).

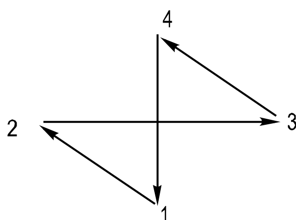


Sơ đồ

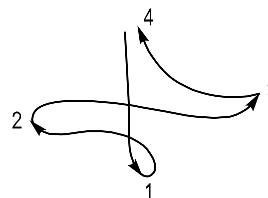


Đường nét thực tế

– Nhịp 4 phách : gồm nhịp $\frac{4}{2}$, $\frac{4}{4}$, $\frac{4}{8}$, $\frac{12}{2}$ hoặc nhịp $\frac{4}{2}$ (ở tốc độ rất chậm).

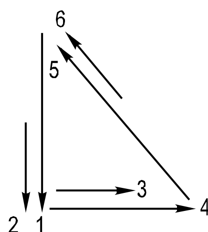


Sơ đồ

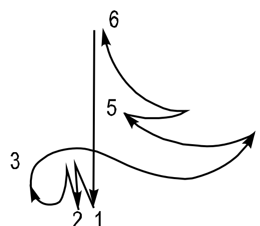


Đường nét thực tế

– Nhịp 6 phách : gồm nhịp $\frac{6}{8}$, $\frac{6}{4}$.



Sơ đồ



Đường nét thực tế

Một vài điểm cần lưu ý khi đánh nhịp :

– Bàn tay ở tư thế chuẩn bị đánh nhịp để ngang vai, tay chuyển động lên cao không quá đỉnh đầu, xuống thấp không dưới bụng.

– Đường nét chuyển động của bàn tay thật rõ ràng, không nên rườm rà hoặc uốn lượn mà không có mục đích.

– Trong đường nét thực tế, phách 1 chuyển động dài hơn các phách khác vì bàn tay chuyển động nhanh hơn, nhấn mạnh hơn. Tuy nhiên, độ dài về hình học ở đường nét thực tế không có nghĩa phách 1 ngân dài hơn các phách khác.

– Mỗi phách đều có điểm phách, muốn tạo được điểm phách thì khi đánh đến cuối phách, phải dừng lại ở đó một khoảnh khắc rất ngắn rồi mới nảy lên để tạo đà cho phách sau.

– Nhịp $\frac{3}{8}$ đánh ở tốc độ nhanh, bàn tay chuyển động theo hình e-líp xuôi hoặc ngược chiều kim đồng hồ. Những cách đánh nhịp 9 phách hoặc 12 phách không giới thiệu trong sách này, người học có thể tìm hiểu thêm trong sách viết về chỉ huy âm nhạc.

– Khi đánh nhịp ở tốc độ chậm (Grave, Larghetto, Lento, Adagio) nên mở rộng động tác đánh nhịp. Ở tốc độ nhanh (Allegro, Vivace, Presto...) phải thu gọn động tác, hạn chế hoạt động ở cánh tay mà chuyển sang cổ tay, ngón tay.

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

a) Câu hỏi

1. Trình bày khái niệm về tiết tấu ?

2. Thế nào là trường độ cơ bản và trường độ tự do ?

3. Phách là gì ? Nhịp là gì ?

4. Phách có trọng âm gọi là gì ?

5. Phách không có trọng âm gọi là gì ?

6. Nhịp $\frac{2}{4}$ cho biết điều gì ?

7. Nhịp $\frac{3}{4}$ cho biết điều gì ?

8. Nhịp $\frac{4}{4}$ cho biết điều gì ?

9. Nhịp $\frac{3}{8}$ cho biết điều gì ?

10. Nhịp $\frac{6}{8}$ cho biết điều gì ?

11. Nhịp $\frac{2}{2}$ cho biết điều gì ?

12. Thế nào là nhịp lấy đà ?

13. Thế nào là nhịp đơn ? Nêu ví dụ ?

14. Thế nào là nhịp phức ? Nêu ví dụ ?

15. Thế nào là nhịp biến đổi ?

16. Đảo phách là gì ?

17. Nghịch phách là gì ?

18. Nhịp độ là gì ?

b) Bài tập viết

1. Tự viết 8 nhịp ở số chỉ nhịp $\frac{2}{4}$ trong đó có sử dụng các dạng trường độ : nốt trắng, nốt đen, nốt đen chấm dôi, móc đơn, móc đơn chấm dôi, móc kép.

2. Tự viết 8 nhịp ở số chỉ nhịp $\frac{3}{4}$ trong đó có đảo phách, nghịch phách.

3. Tự viết 8 nhịp ở số chỉ nhịp $\frac{4}{4}$ trong đó có dấu hoá, dấu nối, dấu luyến.

4. Tự viết 8 nhịp ở số chỉ nhịp $\frac{3}{8}$ trong đó có dấu lặng đen, lặng đơn, móc đơn chấm dôi, móc kép.

5. Tự viết 8 nhịp ở số chỉ nhịp $\frac{6}{8}$ trong đó có dấu nối, dấu luyến, nốt đen chấm dôi.

6. Tự viết 8 nhịp ở số chỉ nhịp $\frac{2}{2}$ trong đó có nhịp lấy đà, đảo phách, dấu chấm dôi, dấu nối.
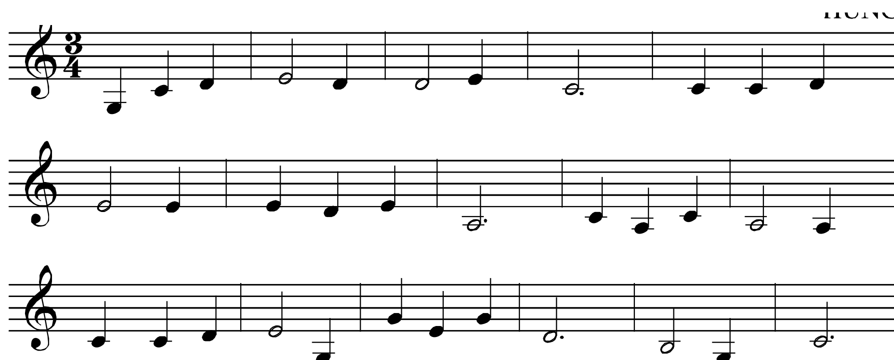
c) Bài tập trên đàn

1. Thực hiện trên đàn piano hoặc đàn phím điện tử giai điệu sau :

Đếm sao

Nhạc : VĂN CHUNG

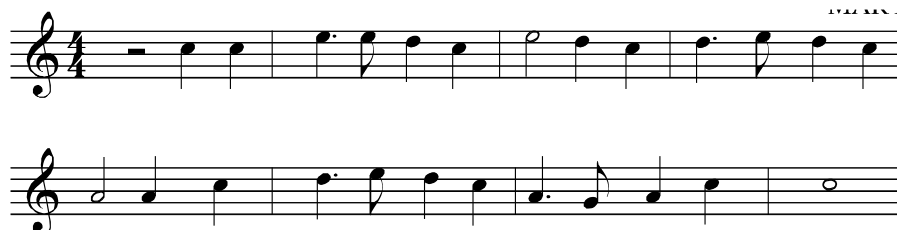
Vừa phải – Nhịp nhàng



2. Thực hiện trên đàn piano hoặc đàn phím điện tử giai điệu sau :

Năm trăm dặm

PETER PAUL & MARY



HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI CÂU HỎI

Câu 1. Trình bày khái niệm về tiết tấu ?

Tiết tấu là sự tương quan về trường độ của các âm thanh nối tiếp nhau.

Câu 2. Thế nào là trường độ cơ bản và trường độ tự do ?

– Để trả lời câu hỏi này, cần tóm tắt những ý chính ở mục 1.2.

Câu 3. Phách là gì ? Nhịp là gì ?

– Để trả lời câu hỏi này, cần tóm tắt những ý chính ở mục 2.1.

Câu 4. Phách có trọng âm gọi là gì ?

– Để trả lời câu hỏi này, cần tóm tắt những ý chính ở mục 2.1.

Câu 5. Phách không có trọng âm gọi là gì ?

– Để trả lời câu hỏi này, cần tóm tắt những ý chính ở mục 2.1.

Câu 6. Nhịp $\frac{2}{4}$ cho biết điều gì ?

Nhịp $\frac{2}{4}$ có hai phách, mỗi phách có trường độ bằng một nốt đen (nốt đen có trường độ bằng một phần tư nốt tròn). Nhịp $\frac{2}{4}$ có phách 1 là phách mạnh, phách 2 là phách nhẹ.

Câu 7, 8, 9, 10, 11. Cách trả lời tương tự như câu 6.

Câu 12. Thế nào là nhịp lấy đà ?

Nhịp mở đầu của bản nhạc không đủ số phách theo quy định của số chỉ nhịp, gọi là nhịp lấy đà.

Câu 13. Thế nào là nhịp đơn ? Nêu ví dụ ?

– Nhịp đơn là những loại nhịp có một, hai hoặc ba phách, trong đó chỉ có một phách mạnh (trọng âm).

– Tham khảo ví dụ ở mục 3.1.

Câu 14. Thế nào là nhịp phức ? Nêu ví dụ ?

– Để trả lời câu hỏi này, cần tóm tắt những ý chính ở mục 3.2.

Câu 15. Thế nào là nhịp biến đổi ?

– Để trả lời câu hỏi này, cần tóm tắt những ý chính ở mục 3.4.

Câu 16. Đảo phách là gì ?

Đảo phách là hiện tượng một âm bắt đầu vang lên ở phách nhẹ hoặc phần nhẹ của phách ngân sang phách mạnh hoặc phần mạnh của phách tiếp theo. Hiện tượng này làm thay đổi trọng âm của âm thanh dẫn đến sự thay đổi nhịp điệu đều đặn của bản nhạc.

Câu 17. Nghịch phách là gì ?

– Để trả lời câu hỏi này, cần tóm tắt những ý chính ở mục 4.2.

Câu 18. Nhịp độ là gì ?

– Để trả lời câu hỏi này, cần tóm tắt những ý chính ở mục 5.1.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI TẬP VIẾT

Bài tập 1. Tự viết 8 nhịp ở số chỉ nhịp $\frac{2}{4}$ trong đó có sử dụng các dạng trường độ : nốt trắng, nốt đen, nốt đen chấm dôi, móc đơn, móc đơn chấm dôi, móc kép.

– Mục tiêu của bài tập này không phải để viết được những giai điệu hay, mà người học cần biết sử dụng các dạng trường độ cho đúng.

– Người học có thể viết các loại cao độ bất kì, có thể chỉ dùng một loại cao độ.

Làm các bài tập 2, 3, 4, 5, 6 tương tự.

HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH BÀI TẬP TRÊN ĐÀN

Bài tập 1.

– Đàn giai điệu từng chuỗi âm ngắn, thực hiện chậm kết hợp đọc tên nốt nhạc.

– Thể hiện đúng phách mạnh và phách nhẹ ở nhịp $\frac{3}{4}$.

– Người học có thể viết thứ tự ngón tay dưới các nốt nhạc.

– Đàn giai điệu cả đoạn nhạc.

Thực hiện bài tập 2 tương tự.

Chương III
QUÃNG

Mục tiêu

Cung cấp cho người học những kiến thức :

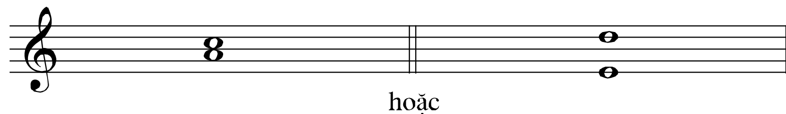
- Khái niệm, cách đọc tên, độ lớn của quãng
- Quãng Diatonic, quãng Cromatic
- Quãng trùng, quãng đơn, quãng kép
- Đảo quãng
- Quãng thuận, quãng nghịch

§1. KHÁI NIỆM, CÁCH ĐỌC TÊN, ĐỘ LỚN CỦA QUÃNG

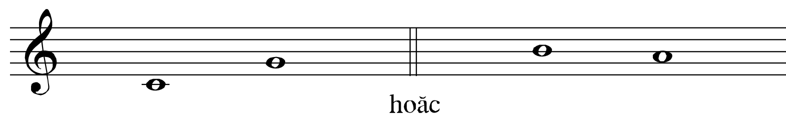
1.1. Khái niệm về quãng

Trong âm nhạc, quãng là sự kết hợp đồng thời hoặc nối tiếp của hai âm thanh (nốt nhạc). Quãng là nhân tố quan trọng để hình thành giai điệu và hoà âm trong âm nhạc.

– Quãng hoà thanh : hai âm vang lên đồng thời. Ví dụ :

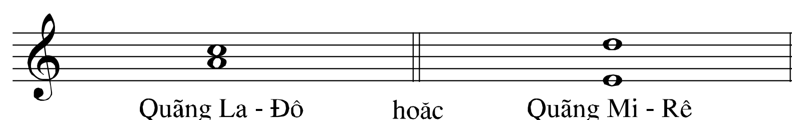


– Quãng giai điệu : hai âm vang lên nối tiếp. Ví dụ :

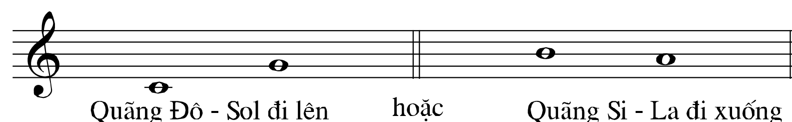


1.2. Cách đọc tên quãng

Trong một quãng, âm bên dưới gọi là âm gốc, âm ở trên gọi là âm ngọn. Với quãng hoà thanh, đọc âm gốc trước sau đó là âm ngọn. Ví dụ :



Với quãng giai điệu, đọc âm phát ra trước rồi đến âm phát ra sau kèm với hướng chuyển động của quãng. Ví dụ :



1.3. Độ lớn của quãng

Độ lớn của quãng được xác định bởi giá trị số lượng và giá trị chất lượng.

– *Giá trị số lượng :* Biểu hiện bằng số lượng các bậc có trong quãng.

Ví dụ : Quãng Đô1 – Sol1 có giá trị số lượng là 5, vì nó chứa năm bậc là : Đô – Rê – Mi – Fa – Sol.

Quãng Rê1 – Fa1 có giá trị số lượng là 3, vì nó chứa ba bậc : Rê – Mi – Fa.

– *Giá trị chất lượng :* Biểu hiện bằng số cung và nửa cung có trong quãng.

Ví dụ : Quãng Đô1 – Sol1 có giá trị chất lượng là 3,5 cung.

Quãng Rê1 – Fa1 có giá trị chất lượng là 1,5 cung.

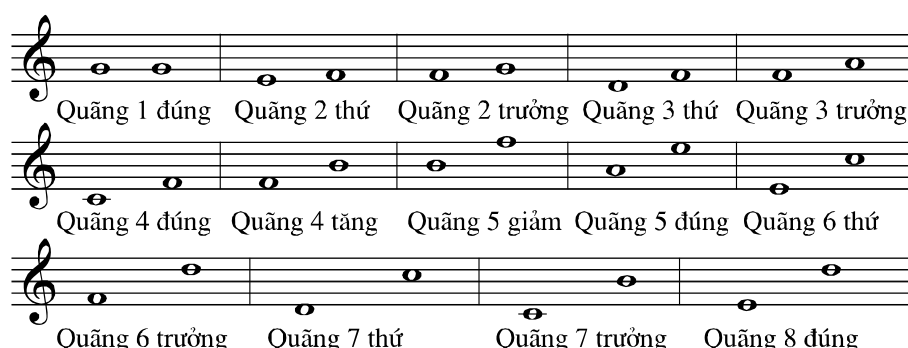
Giá trị chất lượng của quãng được thể hiện bằng các tên : đúng, trưởng, thứ, tăng, giảm, tăng kép, giảm kép.

§2. QUÃNG DIATONIC, QUÃNG CROMATIC

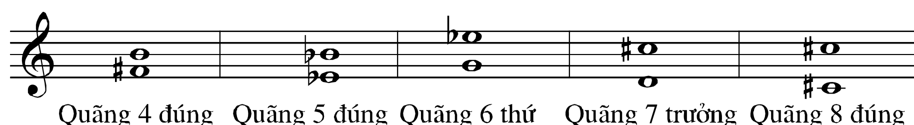
2.1. Quãng Diatonic

Quãng Diatonic (còn gọi là quãng cơ bản) được hình thành từ các bậc cơ bản với nhau, các bậc cơ bản với bậc chuyển hoá hoặc các bậc chuyển hoá với nhau.

– Quãng Diatonic hình thành từ các bậc cơ bản. Ví dụ :



– Quãng Diatonic hình thành từ các bậc cơ bản với bậc chuyển hoá hoặc các bậc chuyển hoá với nhau. Ví dụ :
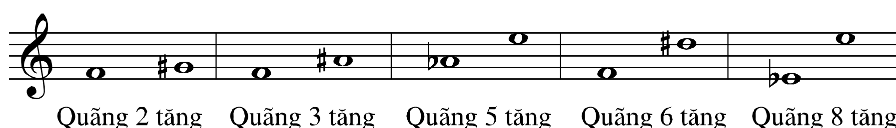


Quãng Diatonic là 14 loại quãng sau :

Quãng 1 đúng (1Đ)	0 cung
Quãng 2 thứ (2t)	0,5 cung
Quãng 2 trưởng (2T)	1 cung
Quãng 3 thứ (3t)	1, 5 cung
Quãng 3 trưởng (3T)	2 cung
Quãng 4 đúng (4Đ)	2, 5 cung
Quãng 4 tăng (4+)	3 cung
Quãng 5 giảm (5–)	3 cung
Quãng 5 đúng (5Đ)	3, 5 cung
Quãng 6 thứ (6t)	4 cung
Quãng 6 trưởng (6T)	4, 5 cung
Quãng 7 thứ (7t)	5 cung
Quãng 7 trưởng (7T)	5, 5 cung
Quãng 8 đúng (8Đ)	6 cung
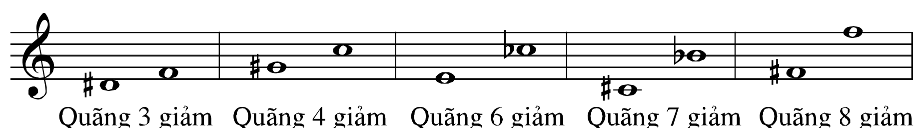
2.2. Quãng Cromatic

Quãng Cromatic là tất cả các quãng tăng và quãng giảm (trừ quãng 4 tăng và quãng 5 giảm).

– Quãng tăng là quãng có độ lớn số lượng bằng quãng đúng hoặc quãng trưởng, nhưng giá trị chất lượng lớn hơn nửa cung. Ví dụ :



– Quãng giảm là quãng có giá trị số lượng bằng quãng đúng hoặc quãng thứ, nhưng giá trị chất lượng nhỏ hơn nửa cung. Ví dụ :



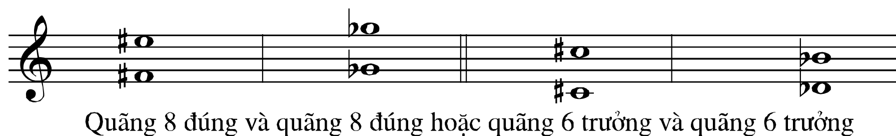
Ngoài quãng tăng và quãng giảm, còn quãng tăng kép và giảm kép nhưng đó là những trường hợp hiếm gặp.

3. QUÃNG TRÙNG, QUÃNG ĐƠN, QUÃNG KÉP

3.1. Quãng trùng

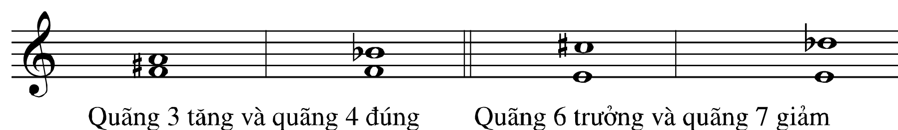
Quãng trùng là hiện tượng hai hay nhiều quãng có âm thanh vang lên giống nhau nhưng cách viết khác nhau và ý nghĩa khác nhau. Có hai loại quãng trùng :

– Các quãng có giá trị số lượng bằng nhau. Ví dụ :



Quãng 8 đúng và quãng 8 đúng hoặc quãng 6 trưởng và quãng 6 trưởng

– Các quãng có giá trị số lượng khác nhau. Ví dụ :



Quãng 3 tăng và quãng 4 đúng　　Quãng 6 trưởng và quãng 7 giảm

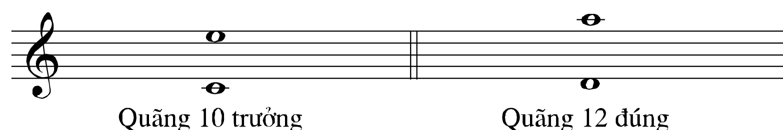
3.2. Quãng đơn và quãng kép

Quãng đơn là quãng có độ lớn số lượng tối đa là 8.

Quãng kép (còn gọi là quãng ghép), là quãng có giá trị số lượng lớn hơn 8. Mỗi quãng kép là một quãng đơn cộng thêm một quãng 8 đúng (có trường hợp cộng thêm 2 hay 3 quãng tám nhưng ít dùng hơn). Giá trị chất lượng của các quãng kép giống như quãng đơn.

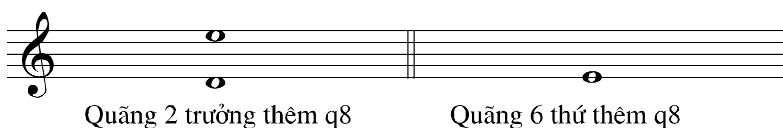
Có hai cách gọi quãng kép :

– Gọi tên theo giá trị số lượng thực tế của quãng cùng với giá trị chất lượng của quãng đơn. Ví dụ :



Quãng 10 trưởng　　Quãng 12 đúng

– Gọi tên theo quãng đơn thêm một quãng 8 để thành quãng kép. Ví dụ :

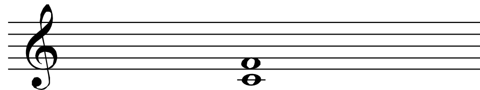


Quãng 2 trưởng thêm q8　　Quãng 6 thứ thêm q8

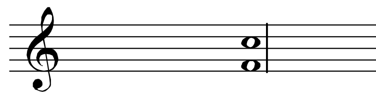
§4. ĐẢO QUÃNG

4.1. Khái niệm về đảo quãng

Trong một quãng, khi ta đưa âm gốc lên quãng tám đúng, nó sẽ trở thành âm ngọn. Ngược lại, khi ta đưa âm ngọn xuống quãng tám đúng, nó sẽ trở thành âm gốc. Hiện tượng chuyển các âm lên hoặc xuống quãng tám như vậy gọi là đảo quãng. Ví dụ có quãng Đô1 – Fa1.



Đưa nốt Đô1 lên quãng 8 đúng, trở thành Đô2, khi đó được quãng mới là Fa1 – Đô2.

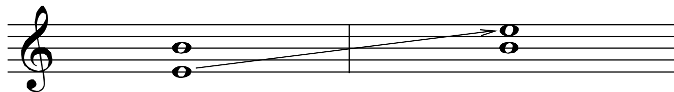


4.2. Những cách đảo quãng

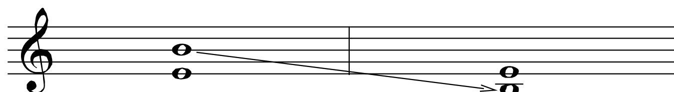
- ***Đảo quãng đơn***

– Có hai cách đảo quãng đơn là :

+ Giữ nguyên âm ngọn, đưa âm gốc lên một quãng 8 đúng. Ví dụ :



+ Giữ nguyên âm gốc, đưa âm ngọn xuống một quãng 8 đúng. Ví dụ :

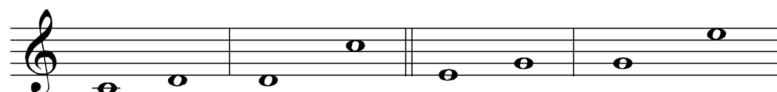


– Quan hệ giữa quãng chưa đảo và quãng đảo của nó có đặc điểm sau :

+ Tổng giá trị số lượng của hai quãng là 9.

Quãng 2 sẽ đảo thành quãng 7 ; quãng 3 đảo thành quãng 6 ; quãng 4 đảo thành quãng 5 ; quãng 5 đảo thành quãng 4...

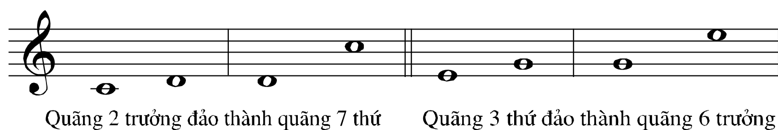
Ví dụ :



Quãng 2 trưởng đảo thành quãng 7 thứ　　Quãng 3 thứ đảo thành quãng 6 trưởng

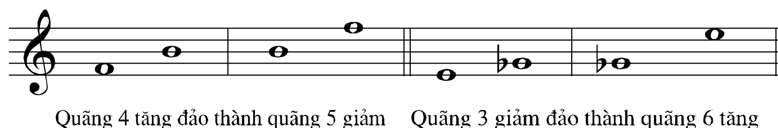
+ Giá trị chất lượng trừ quãng đúng vẫn thành quãng đúng còn các quãng khác thay đổi tính chất theo từng cặp :

Quãng trưởng đảo thành quãng thứ, quãng thứ đảo thành quãng trưởng. Ví dụ :
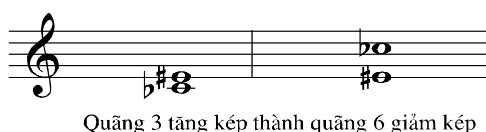


Quãng 2 trưởng đảo thành quãng 7 thứ   Quãng 3 thứ đảo thành quãng 6 trưởng

Quãng tăng đảo thành quãng giảm, quãng giảm đảo thành quãng tăng. Ví dụ :



Quãng 4 tăng đảo thành quãng 5 giảm   Quãng 3 giảm đảo thành quãng 6 tăng

Quãng tăng kép đảo thành quãng giảm kép, quãng giảm kép đảo thành quãng tăng kép. Ví dụ :
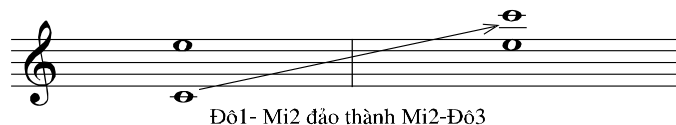


Quãng 3 tăng kép thành quãng 6 giảm kép

• ***Đảo quãng kép***
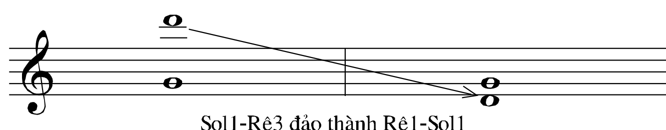
– Có ba cách đảo quãng kép là :

+ Giữ nguyên âm ngọn, đưa âm gốc lên hai quãng 8 đúng. Ví dụ :
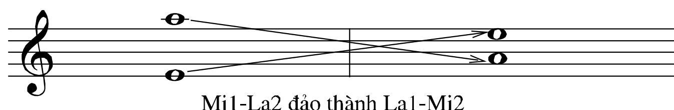


Đô1- Mi2 đảo thành Mi2-Đô3

+ Giữ nguyên âm gốc, đưa âm ngọn xuống hai quãng 8 đúng. Ví dụ :



Sol1-Rê3 đảo thành Rê1-Sol1

+ Đồng thời đưa âm ngọn xuống một quãng 8 đúng và đưa âm gốc lên một quãng 8 đúng. Ví dụ :



Mi1-La2 đảo thành La1-Mi2

– Quan hệ của quãng kép với quãng đảo của nó có đặc điểm sau :

+ Về giá trị chất lượng giống như quy luật với quãng đơn đã nêu ở trên.

+ Tổng giá trị số lượng giữa hai quãng là 16. Ví dụ :

Quãng 9 trưởng	đảo thành	quãng 7 thứ
Quãng 10 thứ	đảo thành	quãng 6 trưởng
Quãng 11 đúng	đảo thành	quãng 5 đúng
Quãng 12 giảm	đảo thành	quãng 4 tăng.

§5. QUÃNG THUẬN, QUÃNG NGHỊCH

5.1. Quãng thuận

Trong âm nhạc, quãng thuận là hai âm của quãng vang lên (đồng thời hoặc nối tiếp) tạo cảm giác hoà hợp, êm tai.

Các quãng thuận được chia làm các mức độ sau :

– Quãng rất thuận : 1 đúng, 8 đúng.

– Quãng thuận : 4 đúng, 5 đúng.

– Quãng thuận vừa : quãng 3 trưởng, quãng 3 thứ, quãng 6 trưởng, quãng 6 thứ.

Khi đảo quãng, những quãng thuận vẫn là quãng thuận.

5.2. Quãng nghịch

Quãng nghịch là hai âm của quãng vang lên tạo cảm giác không hoà hợp, nghịch tai.

Các quãng nghịch gồm có : quãng 2 trưởng, quãng 2 thứ, quãng 7 trưởng, quãng 7 thứ và các quãng tăng, quãng giảm.

Khi đảo quãng, những quãng nghịch vẫn là quãng nghịch.

5.3. Ứng dụng của quãng thuận, quãng nghịch

Trong các tác phẩm âm nhạc, người ta thường kết hợp sử dụng đan xen những quãng thuận và nghịch để tạo nên sự tương phản và đa dạng về âm thanh. Tuy nhiên, người sáng tác hay dùng các quãng thuận để viết bè cho ca khúc, ví dụ :

Dàn đồng ca mùa hạ

(Trích)

Nhạc : LÊ MINH CHÂU

Lời : Phỏng thơ NGUYỄN MINH NGUYÊN

tiếng

hát, bè trầm hoà bè cao trong màn xanh lá dày.

Tiếng ve ngân trong veo, đung đưa rặng tre ngà, lời

dịu dàng thương yêu mang bao niềm tha thiết. Lời ve

ngân da diết, se sợi chỉ âm thanh, khâu những

đường rạo rực vào nền mây biếc xanh. Dàn

đồng ca mùa hạ, ngân trong lá suốt ngày, mặt đất tràn tiếng

nhạc dậy nghe nào mầm cây. Ve ve ve ve ve. Ve

ve ve ve ve. Ve ve ve ve ve. Ve ve ve ve ve.

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

a) Câu hỏi

1. Quãng là gì ? Sự khác nhau giữa quãng hoà thanh và quãng giai điệu ?
2. Tên gọi của các âm trong quãng ?
3. Khi đọc tên quãng hoà thanh, cần đọc âm nào trước, âm nào sau ?

4. Khi đọc tên quãng giai điệu, cần đọc âm nào trước, âm nào sau ?

5. Quãng được xác định bởi yếu tố nào ?

6. Giá trị chất lượng của quãng được biểu hiện bằng những tên nào ?

7. Kể tên các quãng Diatonic hình thành từ các bậc cơ bản ?

8. Có bao nhiêu quãng cơ bản ?

9. Tính số cung và nửa cung có trong các quãng cơ bản ?

10. Quãng Cromatic là gì ?

11. Quãng tăng được hình thành như thế nào ? Nêu ví dụ ?

12. Quãng giảm được hình thành như thế nào ? Nêu ví dụ ?

13. Thế nào là quãng trùng ? Nêu ví dụ ?

14. Thế nào là quãng đơn ? Nêu ví dụ ?

15. Thế nào là quãng kép ? Nêu ví dụ ?

16. Thế nào là đảo quãng ?

17. Các cách đảo quãng đơn ? Nêu ví dụ ?

18. Các cách đảo quãng kép ? Nêu ví dụ ?

19. Giá trị số lượng và chất lượng thay đổi như thế nào giữa một quãng đơn với thể đảo của nó ?

20. Giá trị số lượng và chất lượng thay đổi như thế nào giữa một quãng kép với thể đảo của nó ?

21. Thế nào là quãng thuận và quãng nghịch ?

22. Kể tên các quãng thuận và quãng nghịch trong những quãng cơ bản ?

b) Bài tập viết

1. Lấy Đô1 làm âm gốc, xây dựng các quãng giai điệu :

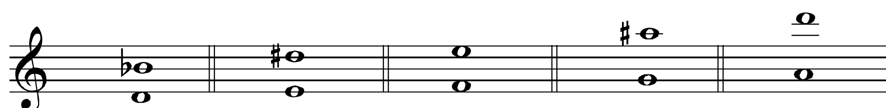
   3 thứ, 3 trưởng, 4 đúng, 5 giảm, 6 thứ, 7 trưởng, 8 đúng.

2. Lấy Rê2 làm âm ngọn, xây dựng các quãng hoà thanh :

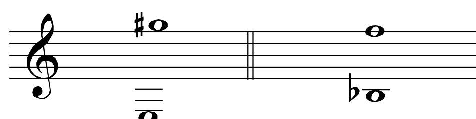
   3 trưởng, 4 đúng, 5 tăng, 6 trưởng, 7 thứ, 8 đúng.

3. Lấy Mi1 làm gốc, xây dựng 5 quãng Cromatic khác nhau.

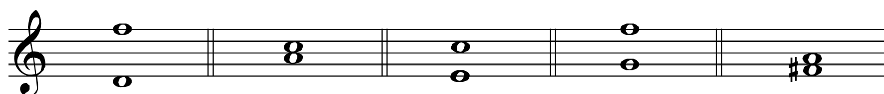
4. Xác định giá trị số lượng và chất lượng của các quãng sau.



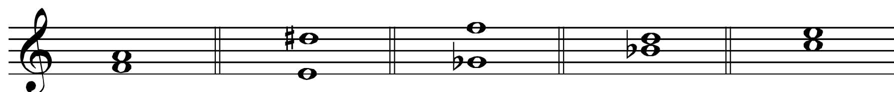
5. Đảo quãng dưới đây bằng 3 cách.



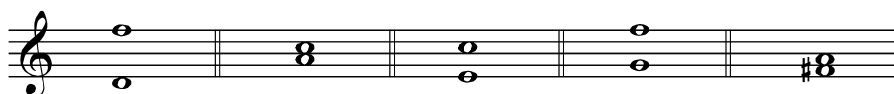
6. Xác định giá trị của các quãng dưới đây, viết thêm dấu hoá để chuyển chúng thành các quãng trưởng.



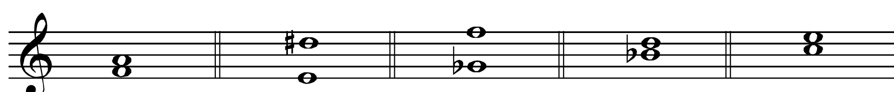
7. Xác định giá trị của các quãng dưới đây, viết thêm dấu hoá để chuyển chúng thành các quãng thứ.



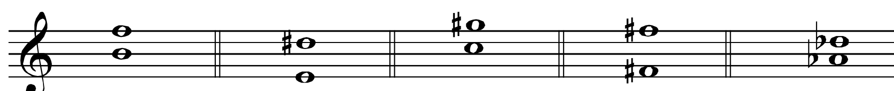
8. Xác định giá trị của các quãng dưới đây, viết thêm dấu hoá để chuyển chúng thành các quãng tăng.



9. Xác định giá trị của các quãng dưới đây, viết thêm dấu hoá để chuyển chúng thành các quãng giảm.



10. Tìm các quãng trùng của những quãng sau.

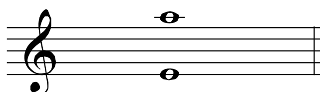


c) Bài tập trên đàn

1. Lấy Sol1 làm âm gốc, thực hiện trên đàn các quãng hoà thanh : 3 thứ, 3 trưởng, 4 đúng, 5 đúng, 6 thứ, 7 trưởng, 8 đúng.

2. Lấy Mi2 làm âm ngọn, thực hiện trên đàn các quãng giai điệu : 2 thứ, 2 trưởng, 3 thứ, 3 trưởng, 4 đúng, 5 đúng, 6 trưởng, 7 thứ, 8 đúng.

3. Đàn quãng kép sau, rồi thực hiện 3 cách đảo quãng.



HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI CÂU HỎI

Câu 1. Quãng là gì ? Sự khác nhau giữa quãng hoà thanh và quãng giai điệu ?

Quãng là sự kết hợp đồng thời hoặc nối tiếp của hai âm thanh.

– Quãng hoà thanh : hai âm vang lên đồng thời.

– Quãng giai điệu : hai âm vang lên nối tiếp.

Câu 2. Tên gọi của các âm trong quãng ?

– Để trả lời câu hỏi này, cần đọc giáo trình ở mục 1.2.

Câu 3. Khi đọc tên quãng hoà thanh, cần đọc âm nào trước, âm nào sau ?

– Để trả lời câu hỏi này, cần đọc giáo trình ở mục 1.2.

Câu 4. Khi đọc tên quãng giai điệu, cần đọc âm nào trước, âm nào sau ?

– Để trả lời câu hỏi này, cần đọc giáo trình ở mục 1.2.

Câu 5. Độ lớn của quãng được xác định bởi yếu tố nào ?

Độ lớn của quãng được xác định bởi giá trị số lượng và giá trị chất lượng.

Câu 6. Giá trị chất lượng của quãng được biểu hiện bằng những tên nào ?

Giá trị chất lượng của quãng được biểu hiện bằng các tên : đúng, trưởng, thứ, tăng, giảm, tăng kép, giảm kép.

Câu 7. Kể tên các quãng Diatonic hình thành từ các bậc cơ bản ?

– Để trả lời câu hỏi này, cần đọc giáo trình ở mục 2.1.

Câu 8. Có bao nhiêu quãng cơ bản ?

– Để trả lời câu hỏi này, cần đọc giáo trình ở mục 2.1.

Câu 9. Tính số cung và nửa cung có trong các quãng cơ bản ?

– Để trả lời câu hỏi này, cần đọc giáo trình ở mục 2.1.

Câu 10. Quãng Cromatic là gì ?

– Để trả lời câu hỏi này, cần đọc giáo trình ở mục 2.2.

Câu 11. Quãng tăng được hình thành như thế nào ? Nêu ví dụ ?

– Để trả lời câu hỏi này, cần đọc giáo trình ở mục 2.2.

Câu 12. Quãng giảm được hình thành như thế nào ? Nêu ví dụ ?

– Để trả lời câu hỏi này, cần đọc giáo trình ở mục 2.2.

Câu 13. Thế nào là quãng trùng ? Nêu ví dụ ?

– Để trả lời câu hỏi này, cần đọc giáo trình ở mục 3.1.

Câu 14. Thế nào là quãng đơn ? Nêu ví dụ ?

– Để trả lời câu hỏi này, cần đọc giáo trình ở mục 3.2.

Câu 15. Thế nào là quãng kép ? Nêu ví dụ ?

– Để trả lời câu hỏi này, cần đọc giáo trình ở mục 3.2.

Câu 16. Thế nào là đảo quãng ?

Khi đưa âm gốc lên quãng tám đúng, nó sẽ trở thành âm ngọn. Ngược lại, khi đưa âm ngọn xuống quãng tám đúng, nó sẽ trở thành âm gốc. Hiện tượng chuyển các âm lên hoặc xuống quãng tám như vậy gọi là đảo quãng.

Câu 17. Các cách đảo quãng đơn ? Nêu ví dụ ?

– Để trả lời câu hỏi này, cần đọc giáo trình ở mục 4.2.

Câu 18. Các cách đảo quãng kép ? Nêu ví dụ ?

– Để trả lời câu hỏi này, cần đọc giáo trình ở mục 4.2.

Câu 19. Giá trị số lượng và chất lượng thay đổi như thế nào giữa một quãng đơn với thể đảo của nó ?

– Để trả lời câu hỏi này, cần đọc giáo trình ở mục 4.2.

Câu 20. Giá trị số lượng và chất lượng thay đổi như thế nào giữa một quãng kép với thể đảo của nó ?

– Để trả lời câu hỏi này, cần đọc giáo trình ở mục 4.2.

Câu 21. Thế nào là quãng thuận và quãng nghịch ?

Quãng thuận là hai âm vang lên tạo cảm giác hoà hợp, êm tai. Quãng nghịch là hai âm vang lên tạo cảm giác không hoà hợp, nghịch tai.

Câu 22. Kể tên các quãng thuận và quãng nghịch trong những quãng cơ bản ?

– Để trả lời câu hỏi này, cần đọc giáo trình ở mục 5.1 và 5.2.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI TẬP VIẾT

Bài tập 1. Lấy Đô1 làm âm gốc, xây dựng các quãng giai điệu : 3 thứ, 3 trưởng, 4 đúng, 5 giảm, 6 thứ, 7 trưởng, 8 đúng.

– Cần xác định, quãng giai điệu là hai âm vang lên nối tiếp.

– Sau khi viết âm gốc, cần xác định giá trị số lượng (số bậc), để xác định vị trí của âm ngọn.

– Sau khi xác định được âm ngọn, cần xác định đúng giá trị chất lượng (số cung trong từng quãng).

Thực hiện các bài tập tiếp theo với quy trình tương tự.

HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH BÀI TẬP TRÊN ĐÀN

Bài tập 1. Lấy Sol1 làm âm gốc, thực hiện trên đàn các quãng hoà thanh : 3 thứ, 3 trưởng, 4 đúng, 5 đúng, 6 thứ, 7 trưởng, 8 đúng.

– Cần bấm hai âm vang lên đồng thời, bấm kết hợp đọc tên quãng.

– Quãng 3 thứ : Sol – Si giáng.

– Quãng 3 trưởng : Sol – Si.

Thực hiện tương tự với các quãng tiếp theo.

Thực hiện tương tự với bài tập 2, 3.

Chương IV
ĐIỆU THỨC VÀ GIỌNG

Mục tiêu

Cung cấp cho người học những kiến thức :

- Điệu thức, âm ổn định và âm không ổn định.
- Điệu thức trưởng, gam trưởng tự nhiên.
- Điệu thức thứ, gam thứ tự nhiên.
- Giọng.
- Điệu trưởng hoà thanh, điệu trưởng giai điệu.
- Điệu thứ hoà thanh, điệu thứ giai điệu.
- Điệu thức năm âm.

§1. ĐIỆU THỨC, ÂM ỔN ĐỊNH VÀ ÂM KHÔNG ỔN ĐỊNH

1.1. Khái niệm về điệu thức

Điệu thức là hệ thống thể hiện mối tương quan về cao độ của các âm thanh trong tác phẩm âm nhạc.
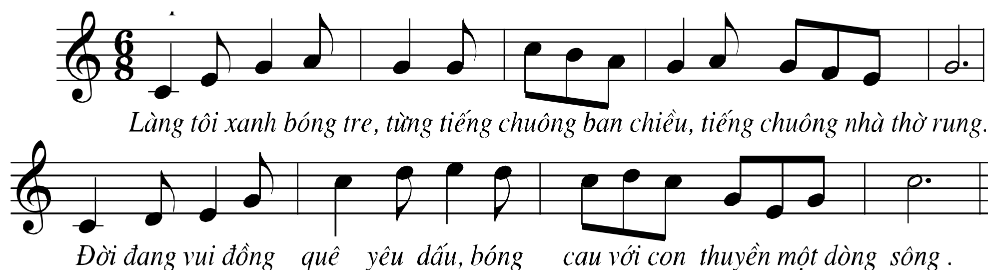
Điệu thức là một phương tiện diễn tả quan trọng của âm nhạc. Màu sắc, tính chất âm nhạc được hình thành qua cơ cấu và mối tương quan điệu thức đã góp phần thể hiện nội dung của tác phẩm.

1.2. Âm ổn định và âm không ổn định

Trong điệu thức có một số âm nổi lên như những âm tựa của giai điệu, tạo cảm giác yên tĩnh, ổn định. Tác phẩm âm nhạc thường được mở đầu và kết thúc ở những âm tựa này, đó là những âm ổn định. Ngược lại có một số âm khác lại tạo cảm giác không ổn định và có khuynh hướng hút dẫn về các âm tựa, đó là âm không ổn định. Ví dụ :

Làng tôi

Vừa phải *Nhạc và lời* : VĂN CAO



Phân tích ví dụ trên :

Các âm ổn định thường có trường độ dài hơn các âm khác và chúng thường ở vị trí đầu phách hoặc ở những phách có trọng âm của nhịp. Trong ba âm ổn định trên nổi rõ hơn cả đó là âm Đô. Âm này là chỗ tựa chủ yếu cho toàn bộ giai điệu, nó tạo cảm giác ổn định, thăng bằng. Âm này được gọi là âm chủ (hoặc chủ âm).

Các âm khác trong giai điệu này như Rê, Fa, La, Si là những âm không ổn định. Các âm này có đặc tính là bị hút dẫn về các âm ổn định liền kề với nó.

Việc chuyển từ âm không ổn định về âm ổn định gọi là giải quyết.

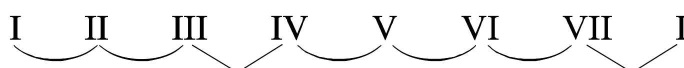
Vậy có thể hiểu điệu thức là hệ thống các mối tương quan giữa các âm ổn định và các âm không ổn định trong một giai điệu hay trong một tác phẩm âm nhạc.

Trong nền âm nhạc chuyên nghiệp và âm nhạc dân gian của các nước trên thế giới có nhiều dạng điệu thức khác nhau. Đó là các loại điệu thức năm âm, bảy âm, mười hai âm... Tuy nhiên điệu thức bảy âm (trưởng và thứ) của âm nhạc phương Tây được dùng phổ biến nhất.

§2. ĐIỆU THỨC TRƯỞNG, GAM TRƯỞNG TỰ NHIÊN

2.1. Điệu thức trưởng

Điệu thức trưởng là điệu thức gồm có bảy bậc âm (thứ tự các bậc được ghi bằng chữ số La Mã), trong đó có âm I, âm III và âm V là âm ổn định. Bậc I và bậc III tạo thành quãng 3 trưởng, bậc III và bậc V tạo thành quãng 3 thứ. Bậc I và bậc V tạo thành quãng 5 đúng. Công thức của điệu thức trưởng là :

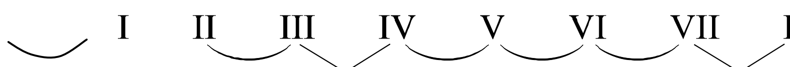


Điệu thức trưởng kí hiệu là Dur (tiếng La–tinh nghĩa là cứng).

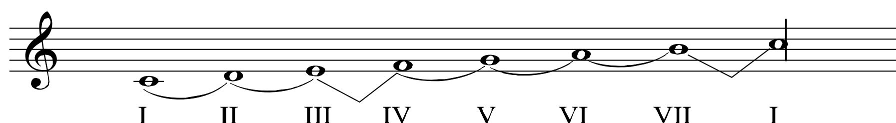
2.2. Gam trưởng tự nhiên

Sự sắp xếp 7 âm thanh của điệu thức theo thứ tự từ thấp lên cao hay ngược lại từ cao xuống thấp tính từ âm chủ (bậc I) đến âm chủ ở quãng tám liền kề được gọi là gam. Các âm thanh tạo thành gam gọi là các bậc. Như vậy là bậc của điệu thức cũng là bậc của gam.

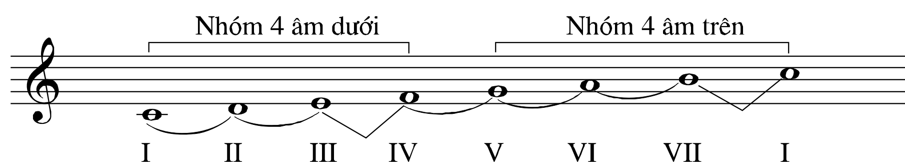
Gam trưởng tự nhiên có công thức giống điệu thức trưởng :



Tương quan về quãng giữa các bậc trong gam trưởng tự nhiên tính từ dưới lên, là 2T – 2T – 2t – 2T – 2T – 2T – 2t. Ví dụ gam Đô trưởng tự nhiên :



Gam trưởng tự nhiên có cấu tạo là hai nhóm bốn âm giống nhau về cơ cấu quãng. Hai nhóm này nối liền với nhau bằng quãng 2 trưởng.

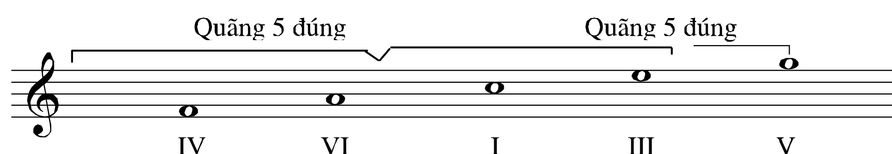


Các bậc của gam đều có tên riêng phản ánh chức năng của chúng trong điệu thức :

Bậc I	Âm chủ	Kí hiệu : T (Tonique)
Bậc II	Âm thượng chủ	Kí hiệu : SII
Bậc III	Âm trung	Kí hiệu : DTIII
Bậc IV	Âm hạ át	Kí hiệu : S (Sousdominante)
Bậc V	Âm át	Kí hiệu : D (Dominante)
Bậc VI	Âm thượng át	Kí hiệu : TSVI
Bậc VII	Âm dẫn lên	Kí hiệu : DVII

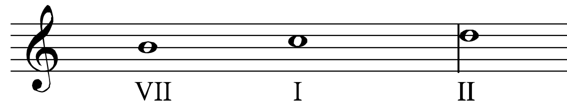
Trong bảy bậc của gam, bậc I, bậc IV và bậc V là các bậc chính. Các bậc còn lại là bậc II, bậc III, bậc VI và bậc VII là các bậc phụ.

Âm át nằm trên âm chủ một quãng 5 đúng, âm bậc III nằm giữa hai âm trên nên gọi là âm trung. Âm hạ át nằm dưới âm chủ một quãng 5 đúng, âm bậc VI gọi là âm thượng át. Ví dụ ở gam Đô trưởng :



Âm thượng át   Âm trung

Âm bậc II gọi là âm thượng chủ, âm bậc VII gọi là âm dẫn lên. Ví dụ ở gam Đô trưởng :



Âm dẫn lên   Âm thượng chủ

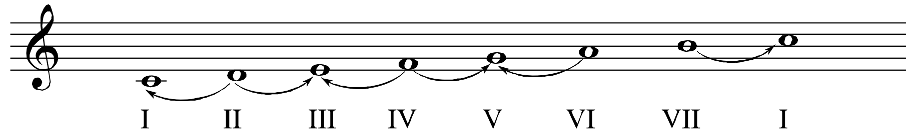
Ở điệu trưởng bậc I, bậc III và bậc V là những bậc ổn định. Sự ổn định của ba bậc này không giống nhau. Bậc I (âm chủ) ổn định nhất, nó là trung tâm của điệu thức.

Các bậc II, bậc IV, bậc VI và bậc VII là các bậc không ổn định, trong giai điệu các bậc này có khuynh hướng hút về các bậc ổn định đứng liền kề với nó. Tính chất hút dẫn của các bậc không ổn định cũng khác nhau, nó phụ thuộc vào các yếu tố sau :

– Quãng giữa bậc không ổn định đến các bậc ổn định càng nhỏ thì sức hút càng lớn. Ví dụ từ bậc IV hút về bậc III hoặc bậc VII hút lên bậc I là quãng 2 thứ sẽ mạnh hơn bậc IV lên bậc V hay bậc II lên bậc III là quãng 2 trưởng.

– Bậc ổn định nào có tính ổn định hơn thì sức hút sẽ mạnh hơn. Ví dụ : Bậc II hút về bậc I (âm chủ) sẽ mạnh hơn là hút về bậc III.

Khuynh hướng giải quyết từ các bậc không ổn định về các bậc ổn định trong điệu trưởng tự nhiên thể hiện qua sơ đồ sau. Ví dụ ở gam Đô trưởng :



§3. ĐIỆU THỨC THỨ, GAM THỨ TỰ NHIÊN

3.1. Điệu thức thứ

Điệu thức thứ là điệu thức gồm có bảy bậc âm, trong đó có âm I, âm III và âm V là âm ổn định. Bậc I và bậc III tạo thành quãng 3 thứ, bậc III và bậc V tạo thành quãng 3 trưởng. Bậc I và bậc V tạo thành quãng 5 đúng. Công thức của điệu thức thứ là :



Điệu thứ kí hiệu là moll (tiếng La–tinh nghĩa là mềm).

3.2. Gam thứ tự nhiên

Gam thứ tự nhiên có công thức giống điệu thức thứ :

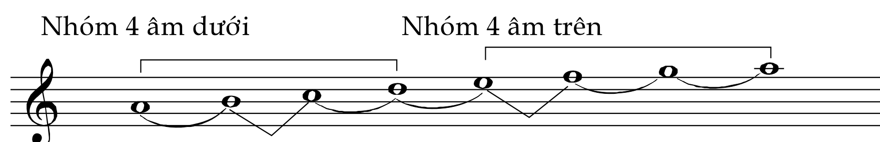


Gam thứ tự nhiên cũng có cấu tạo gồm hai nhóm 4 âm, hai nhóm được nối với nhau bằng quãng 2 trưởng. Hai nhóm này có cơ cấu quãng không giống nhau

Nhóm 4 âm dưới : 2T – 2t – 2T.

Nhóm 4 âm trên : 2t – 2T – 2T.

Ví dụ ở gam La thứ :

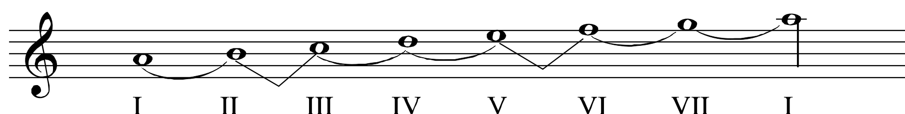


Quãng 2 thứ trong gam thứ không đòi hỏi phải giải quyết về âm chủ như ở gam trưởng. Điều này tạo nên cảm giác mềm mại trong gam thứ tự nhiên.

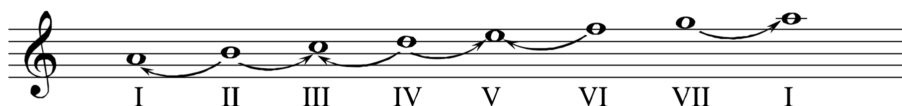
Các bậc của gam thứ có kí hiệu và tên gọi giống như điệu trưởng chỉ khác về thứ tự quãng 2 giữa các bậc.

Cũng như giọng Đô trưởng, giọng La thứ tự nhiên có các bậc đều là các âm cơ bản của hàng âm. Thứ tự quãng 2 giữa các bậc trong giọng La thứ cũng là cấu trúc chung của các giọng thứ tự nhiên.

Cũng giống như điệu trưởng, ở điệu thứ các bậc I, bậc IV và bậc V là các bậc chính. Các bậc II, III, bậc VI và bậc VII là các bậc phụ.



Các âm ổn định của điệu thứ cũng là các âm bậc I, bậc III và bậc V, tuy nhiên sức hút của các âm không ổn định về âm ổn định có thay đổi. Bậc II và bậc VII hút về âm chủ trên quãng 2 trưởng (1 cung), sức hút nửa cung là ở bậc II về bậc III và bậc IV về bậc V. Đây là sơ đồ hút dẫn của các âm không ổn định trong điệu thứ tự nhiên, ví dụ gam La thứ :



§4. GIỌNG

4.1. Khái niệm về giọng

Giọng (còn gọi là điệu tính) là điệu thức được thể hiện ở một độ cao nhất định.

Tên một giọng bao gồm hai phần : tên của âm chủ và tên của điệu thức. Ví dụ về một số giọng trưởng :

Giọng Đô trưởng	C-dur
Giọng Sol trưởng	G-dur
Giọng Mi giáng trưởng	Es-dur
Giọng Fa thăng trưởng	Fis-dur

Tên âm chủ của giọng trưởng thường được viết bằng chữ hoa.

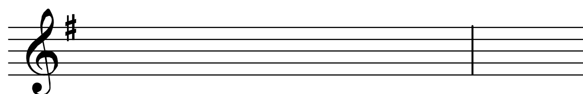
Ví dụ về một số giọng thứ :

Giọng Đô thứ :	c-moll
Giọng La thứ :	a-moll
Giọng Fa thăng thứ :	fis-moll...

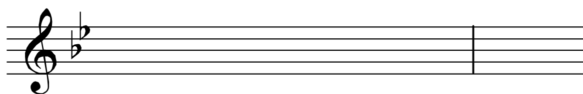
Tên âm chủ của giọng thứ thường được viết bằng chữ thường.

Giọng trưởng và giọng thứ có thể được thành lập trên bất kì bậc cơ bản hay bậc chuyển hoá nào. Mặc dù âm chủ là các bậc khác nhau nhưng mối tương quan giữa các bậc trong giọng đều giống nhau.

Chỉ có giọng Đô trưởng và giọng La thứ có các bậc đều là bậc cơ bản còn các giọng khác phải dùng các dấu hoá để thay đổi các bậc cho phù hợp với điệu thức. Số lượng dấu hoá ở từng giọng có khác nhau. Ví dụ :



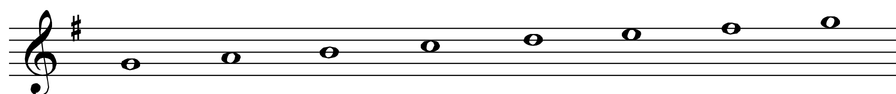
Hoặc :



4.2. Các giọng trưởng có dấu thăng

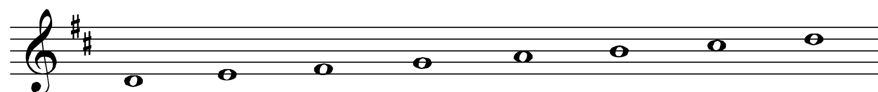
Bắt đầu từ giọng Đô trưởng (là giọng tiêu biểu của điệu thức trưởng), lấy bậc V của nó làm âm chủ của giọng tiếp theo ta sẽ có giọng Sol trưởng. Trong giọng Sol trưởng, âm Fa phải tăng lên nửa cung vì giữa bậc VII và âm chủ chỉ cách nhau

nửa cung. Do vậy giọng Sol trưởng có một dấu thăng ở hoá biểu. Công thức giọng Sol trưởng :

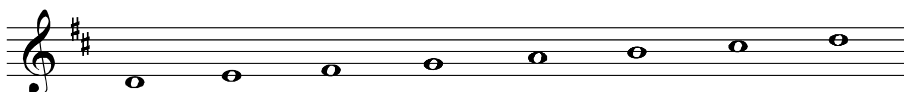


Tiếp đó, lấy âm bậc V của giọng trước làm âm chủ của giọng tiếp theo sẽ có lần lượt các giọng trưởng có từ 1 đến 7 dấu thăng. Hệ thống các giọng trưởng có từ 1 đến 7 dấu thăng là :

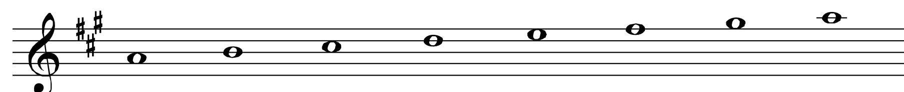
Giọng Sol trưởng (G-dur)



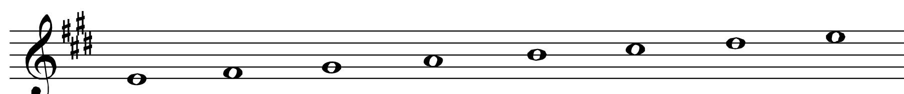
Giọng Rê trưởng (D-dur)



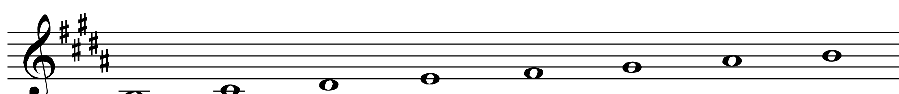
Giọng La trưởng (A-dur)



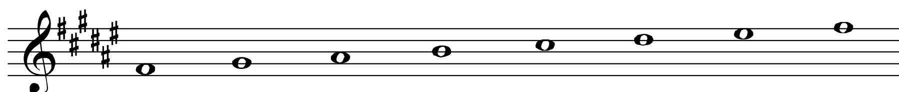
Giọng Mi trưởng (E-dur)



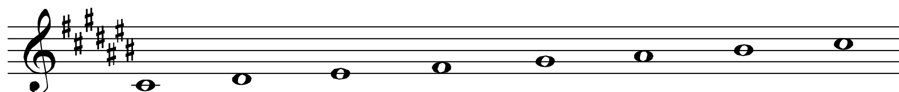
Giọng Si trưởng (B-dur)



Giọng Fa thăng trưởng (Fis-dur)



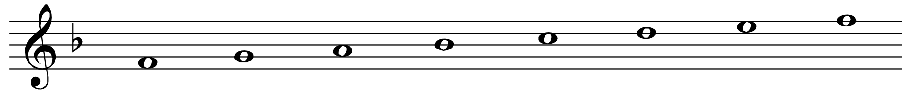
Giọng Đô thăng trưởng (Cis-dur)



4.3. Các giọng trưởng có dấu giáng

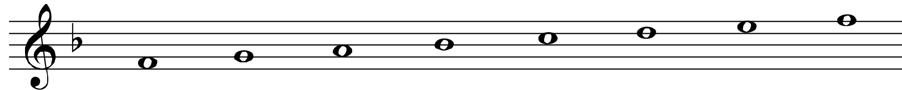
Bắt đầu từ giọng Đô trưởng, đi xuống một quãng 5 đúng ta sẽ có giọng Fa trưởng. Trong giọng Fa trưởng, âm bậc IV (âm Si) phải giáng xuống cho phù hợp

với công thức của giọng trưởng. Do vậy giọng Fa trưởng có một dấu giáng ở hoá biểu. Công thức giọng Fa trưởng :

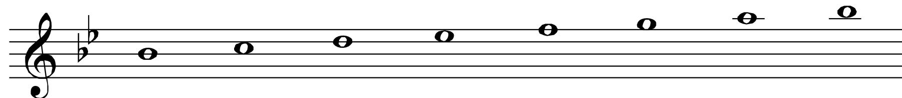


Tiếp đó, tuần tự đi xuống quãng 5 đúng từ âm chủ của giọng trước đến âm chủ của giọng sau, sẽ có lần lượt các giọng trưởng có từ 1 đến 7 dấu giáng. Hệ thống các giọng trưởng có từ 1 đến 7 dấu giáng là :

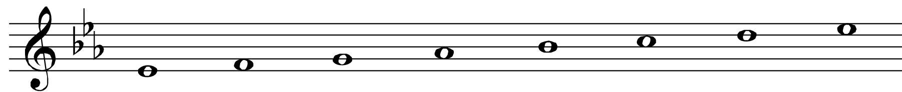
Giọng Fa trưởng (F-dur)



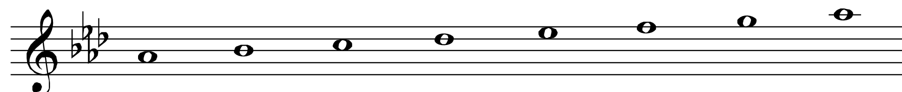
Giọng Si giáng trưởng (Bb-dur)



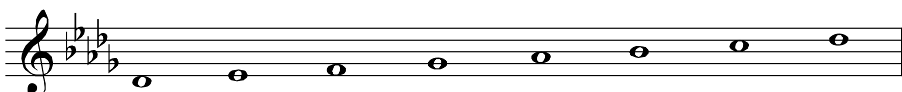
Giọng Mi giáng trưởng (Es-dur)



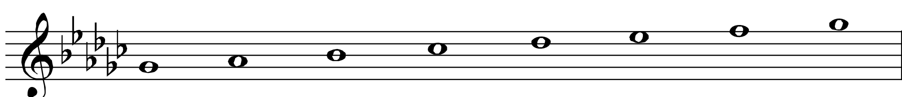
Giọng La giáng trưởng (As-dur)



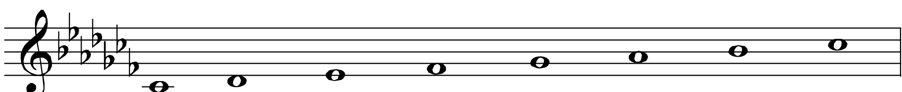
Giọng Rê giáng trưởng (Des-dur)



Giọng Sol giáng trưởng (Ges-dur)

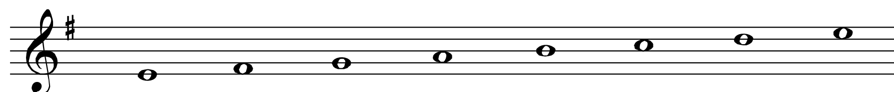


Giọng Đô giáng trưởng (Ces-dur)



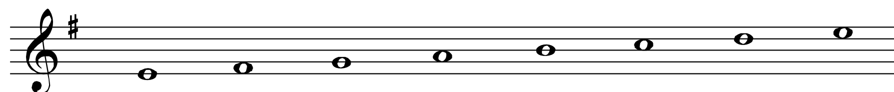
4.4. Các giọng thứ có dấu thăng

Bắt đầu từ giọng La thứ (là giọng tiêu biểu của điệu thức thứ), lấy bậc V của nó làm âm chủ của giọng tiếp theo ta sẽ có giọng Mi thứ. Trong giọng Mi thứ, âm Fa phải tăng lên nửa cung vì giữa âm chủ và bậc II chỉ cách nhau nửa cung. Do vậy giọng Mi thứ có một dấu thăng ở hoá biểu. Công thức giọng Mi thứ :

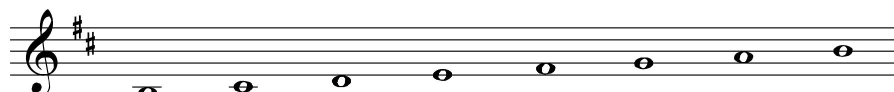


Tiếp đó, lấy âm bậc V của giọng trước làm âm chủ của giọng tiếp theo sẽ có lần lượt các giọng thứ có từ 1 đến 7 dấu thăng. Hệ thống các giọng thứ có từ 1 đến 7 dấu thăng là :

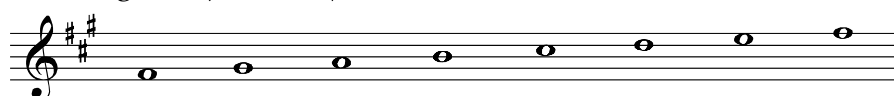
Giọng Mi thứ (e-moll)



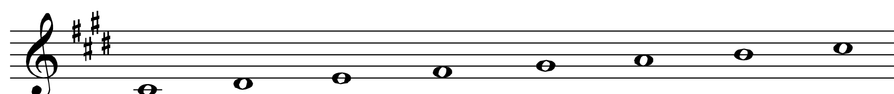
Giọng Si thứ (b–moll)



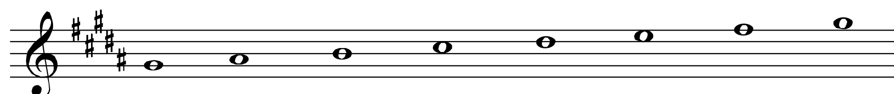
Giọng Fa thăng thứ (fis–moll)



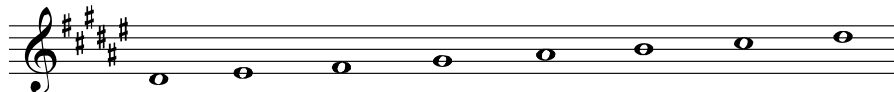
Giọng Đô thăng thứ (cis–moll)



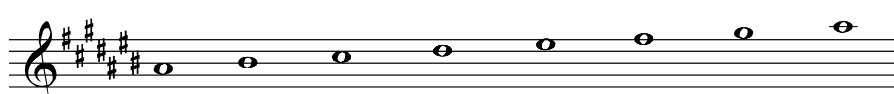
Giọng Sol thăng thứ (gis–moll)



Giọng Rê thăng thứ (dis–moll)

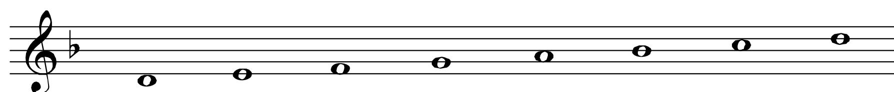


Giọng La thăng thứ (ais–moll)



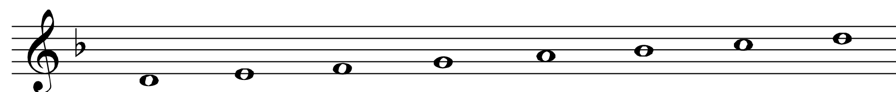
4.5. Các giọng thứ có dấu giáng

Bắt đầu từ giọng La thứ, đi xuống một quãng 5 đúng ta sẽ có giọng Rê thứ. Trong giọng Rê thứ, âm bậc VI (âm Si) phải giáng xuống cho phù hợp với công thức của giọng thứ. Do vậy giọng Rê thứ có một dấu giáng ở hoá biểu. Công thức giọng Rê thứ :

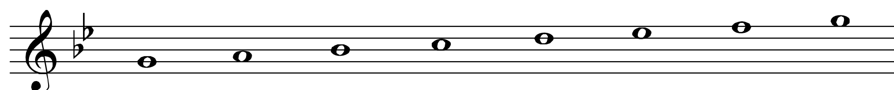


Tiếp đó, tuần tự đi xuống quãng 5 đúng từ âm chủ của giọng trước đến âm chủ của giọng sau, sẽ có lần lượt các giọng thứ có từ 1 đến 7 dấu giáng. Hệ thống các giọng thứ có từ 1 đến 7 dấu giáng là :

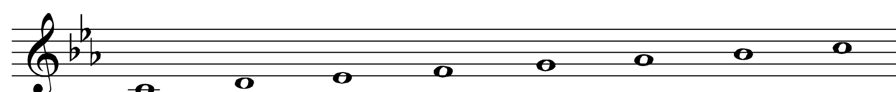
Giọng Rê thứ (d-moll)



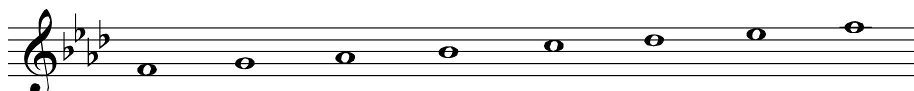
Giọng Sol thứ (g-moll)



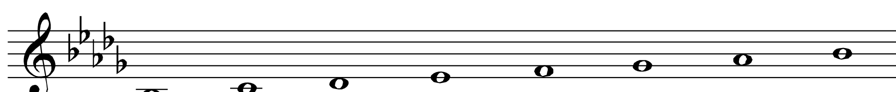
Giọng Đô thứ (c-moll)



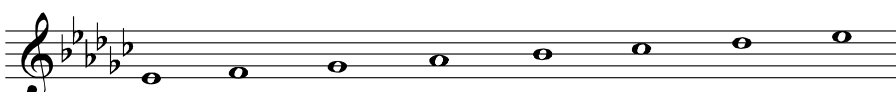
Giọng Fa thứ (f-moll)



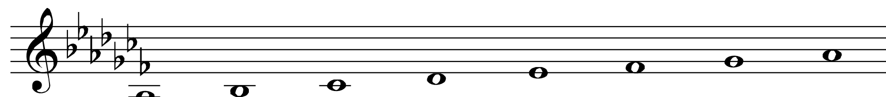
Giọng Si giáng thứ (bes-moll)



Giọng Mi giáng thứ (es-moll)



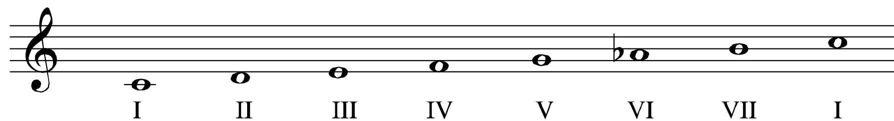
Giọng La giáng thứ (as-moll)



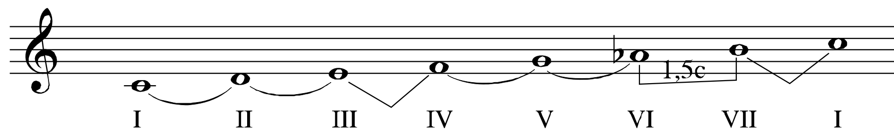
§5. ĐIỆU TRƯỞNG HOÀ THANH, ĐIỆU TRƯỞNG GIAI ĐIỆU

5.1. Điệu trưởng hoà thanh

Ngoài điệu trưởng tự nhiên, trong nhiều tác phẩm âm nhạc còn gặp dạng điệu thức trưởng có bậc VI hạ thấp xuống nửa cung. Điệu thức này gọi là điệu trưởng hoà thanh.



Bậc VI hạ thấp đã khiến cho sức hút dẫn từ bậc VI về bậc V ổn định trở nên mạnh hơn và hình thành quãng hai tăng đặc trưng giữa bậc VI và bậc VII. Công thức của điệu trưởng hoà thanh, ví dụ giọng Đô trưởng hoà thanh :
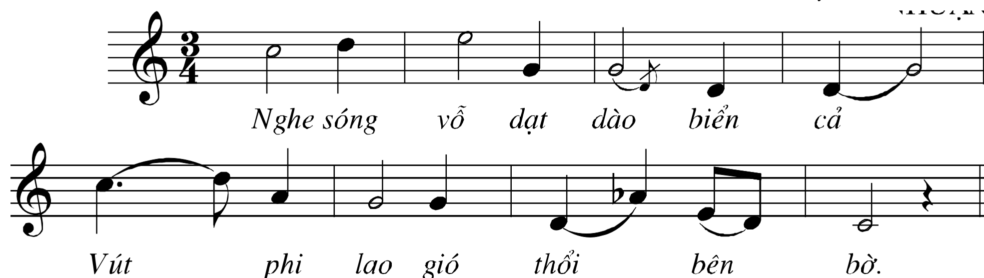


Dấu hoá hạ thấp bậc VI được viết trước nốt nhạc dưới hình thức dấu hoá bất thường. Ví dụ :

Việt Nam quê hương tôi

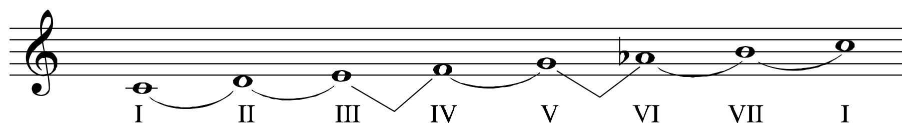
(Trích)

Nhạc và lời : ĐỖ NHUẬN



5.2. Điệu trưởng giai điệu

Một dạng điệu thức trưởng ít dùng hơn đó là điệu trưởng giai điệu. Điệu trưởng giai điệu là điệu trưởng có bậc VI và bậc VII hạ thấp xuống nửa cung.

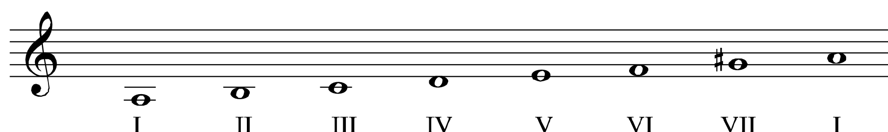


Trong thực tế, điệu trưởng giai điệu hầu như chỉ được dùng khi giai điệu đi xuống. Dấu hoá hạ thấp bậc VI và bậc VII được viết trước nốt nhạc dưới hình thức dấu hoá bất thường.

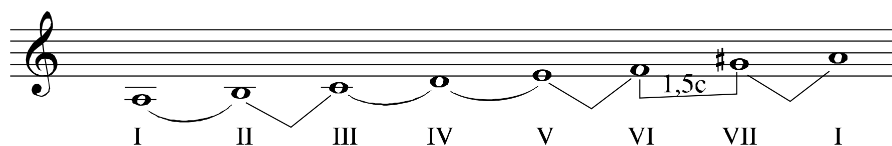
§6. ĐIỆU THỨ HOÀ THANH, ĐIỆU THỨ GIAI ĐIỆU

6.1. Điệu thứ hoà thanh

Ngoài điệu thứ tự nhiên, trong nhiều tác phẩm âm nhạc còn gặp dạng điệu thức thứ có bậc VII được nâng cao nửa cung. Điệu thức này gọi là điệu thứ hoà thanh. Việc nâng cao bậc VII là do sự cần thiết tăng cường sức hút dẫn về âm chủ.



Công thức của điệu thứ hoà thanh, ví dụ giọng La thứ hoà thanh :



Dấu hoá nâng cao bậc VII được viết trước nốt nhạc dưới hình thức dấu hoá bất thường. Ví dụ :

Cánh én tuổi thơ

(Trích)

Nhạc và lời : PHẠM TUYÊN

Những cánh én chấp chới của mọi tuổi thơ.

Những cánh én lấp lánh đầy nhạc và thơ.

Em ước mong sao bầu trời chẳng đen bóng mây.

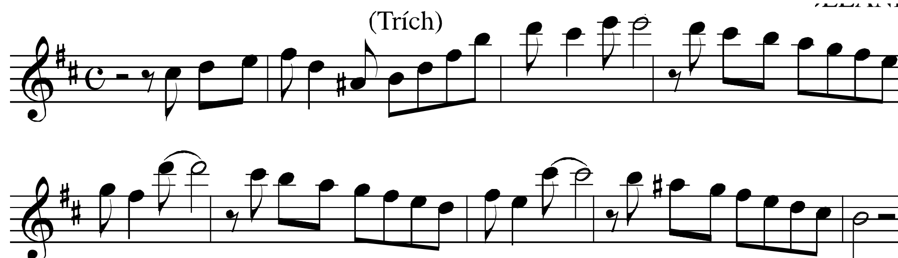
Để ngàn chim hót để đàn én bay.

Ví dụ khác :

Toccata

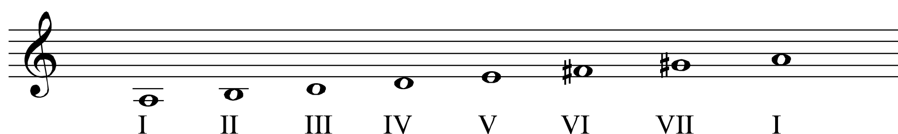
(Trích)

GASTON ROLLAND



6.2. Điệu thứ giai điệu

Điệu thứ giai điệu là điệu thứ có bậc VI và bậc VII được tăng lên nửa cung.
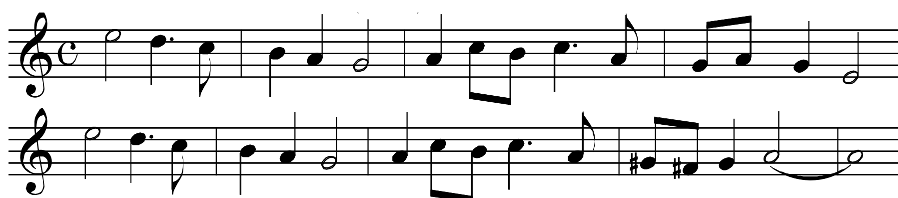


Điệu thứ giai điệu tạo nên sức hút về âm chủ nên có âm hưởng của điệu thức trưởng. Điệu thứ giai điệu chủ yếu được dùng ở hướng chuyển động đi lên của gam, khi đi xuống thường trở lại điệu thứ tự nhiên. Tuy nhiên cũng có những ngoại lệ, ví dụ :

Tình yêu màu xanh

(Trích)

ANDRE POPP



§7. ĐIỆU THỨC NĂM ÂM

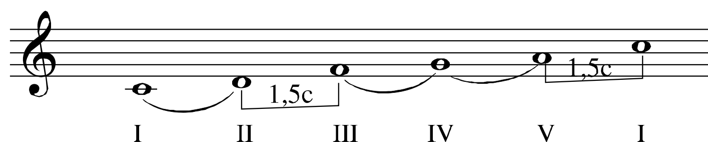
7.1. Khái niệm về điệu thức năm âm

Có rất nhiều bài dân ca và những tác phẩm âm nhạc cổ truyền ở Việt Nam được viết trên các điệu thức năm âm. Nhiều nhạc sĩ cũng khai thác điệu thức năm âm để sáng tạo nên những tác phẩm âm nhạc mới.

Điệu thức năm âm là điệu thức gồm 5 bậc. Khoảng cách hẹp nhất về cao độ giữa hai bậc nối tiếp là 1 cung, khoảng cách rộng nhất về cao độ giữa hai bậc nối tiếp là 1, 5 cung. Nền âm nhạc dân gian của nhiều nước trên thế giới sử dụng điệu thức này như Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên, Việt Nam... Mỗi nước lại có những dạng điệu thức năm âm của riêng mình, vì thế điệu thức năm âm cũng phát triển rất đa dạng và phong phú.

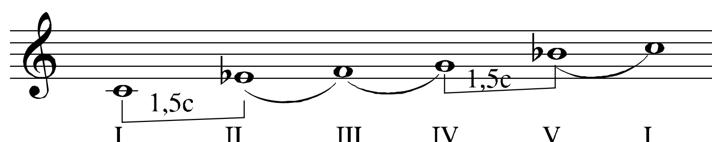
7.2. Một số điệu thức năm âm

– Điệu thức năm âm loại I :



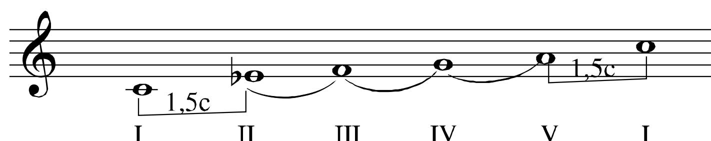
Điệu thức này gọi là điệu Bắc, thường có tính chất vui, khoẻ.

– Điệu thức năm âm loại II :



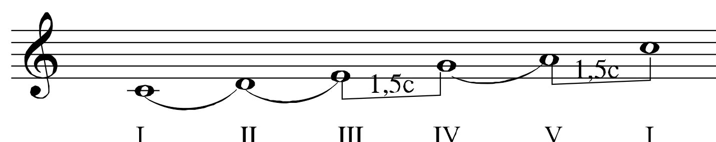
Điệu thức này gọi là điệu Nam, có tính chất mềm mại, duyên dáng.

– Điệu thức năm âm loại III :



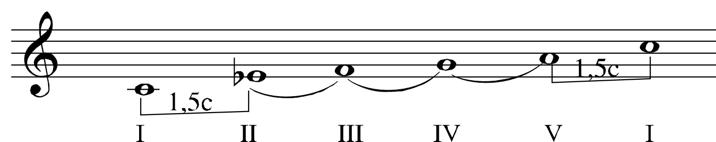
Điệu thức này gọi là điệu Nam xuân.

– Điệu thức năm âm loại IV :



Điệu thức này gọi là điệu Huỳnh.

– Điệu thức năm âm loại V :



Điệu thức này gọi là điệu Oán, được dùng phổ biến trong âm nhạc cổ truyền Nam Bộ, có tính chất mềm mại, buồn da diết.

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

a) Câu hỏi

1. Trình bày khái niệm về điệu thức ?

2. Trong điệu thức có những loại âm gì ? Tính chất của từng loại âm ?

3. Âm ổn định nhất trong điệu thức gọi là âm gì ?

4. Sự chuyển tiếp từ âm không ổn định về âm ổn định gọi là gì ?

5. Thế nào là điệu thức trưởng ? Trình bày khoảng cách về cao độ giữa các bậc trong điệu thức trưởng tự nhiên ?

6. Hãy giới thiệu về âm ổn định và không ổn định trong điệu thức trưởng ?

7. Gam là gì ? Các bậc của gam sắp xếp như thế nào ?

8. Ngoài kí hiệu bằng chữ số La Mã, các bậc của gam còn có tên gọi như thế nào ? Nêu ý nghĩa của các tên gọi đó ?

9. Những bậc chính trong gam là những bậc nào ? Các bậc còn lại gọi là những bậc gì ?

10. Thế nào là điệu thức thứ ? Trình bày khoảng cách về cao độ giữa các bậc trong điệu thức thứ tự nhiên ?

11. Trình bày sự chuyển tiếp từ các âm không ổn định sang các âm ổn định trong điệu thứ tự nhiên ?

12. Giọng là gì ? Tên của giọng bao gồm những yếu tố nào ?

13. Kể tên các giọng trưởng có từ 1 đến 7 dấu thăng ?

14. Kể tên các giọng trưởng có từ 1 đến 7 dấu giáng ?

15. Kể tên các giọng thứ có từ 1 đến 7 dấu thăng ?

16. Kể tên các giọng thứ có từ 1 đến 7 dấu giáng ?

17. Đọc thứ tự các dấu thăng trên hoá biểu ?

18. Đọc thứ tự các dấu giáng trên hoá biểu ?

19. Điệu trưởng hoà thanh khác điệu trưởng tự nhiên ở bậc nào ?

20. Thế nào là điệu trưởng giai điệu ?

21. Thế nào là điệu thứ hoà thanh ?

22. Thế nào là điệu thứ giai điệu ?

23. Thế nào là điệu thức năm âm ? Giới thiệu tên một vài điệu thức năm âm ?

b) Bài tập viết

1. Sử dụng những kiến thức đã học để viết 16 nhịp ở giọng Đô trưởng, số chỉ nhịp $\frac{2}{4}$.

2. Sử dụng những kiến thức đã học để viết 8 nhịp ở giọng La thứ, số chỉ nhịp $\frac{3}{4}$.

3. Sử dụng những kiến thức đã học để viết 8 nhịp ở giọng Sol trưởng, số chỉ nhịp $\frac{4}{4}$.

4. Sử dụng những kiến thức đã học để viết 16 nhịp ở giọng Mi thứ, số chỉ nhịp $\frac{3}{8}$.

5. Sử dụng những kiến thức đã học để viết 8 nhịp ở giọng Fa trưởng, số chỉ nhịp $\frac{6}{8}$.

6. Sử dụng những kiến thức đã học để viết 8 nhịp ở giọng Rê thứ hoà thanh, số chỉ nhịp $\frac{2}{2}$.

7. Sử dụng những kiến thức đã học để viết 8 nhịp ở giọng Mi thứ hoà thanh, số chỉ nhịp $\frac{3}{4}$.

c) Bài tập trên đàn

1. Thực hiện trên đàn piano hoặc đàn phím điện tử gam Rê trưởng tự nhiên.
2. Thực hiện trên đàn gam Rê trưởng hoà thanh.
3. Thực hiện trên đàn gam Rê trưởng giai điệu.
4. Thực hiện trên đàn gam Mi thứ tự nhiên.
5. Thực hiện trên đàn gam Mi thứ hoà thanh.
6. Thực hiện trên đàn gam Mi thứ giai điệu.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI CÂU HỎI

Câu 1. Trình bày khái niệm về điệu thức ?

Điệu thức là hệ thống thể hiện mối tương quan về cao độ của các âm thanh trong tác phẩm âm nhạc.

Câu 2. Trong điệu thức có những loại âm gì ? Tính chất của từng loại âm ?

– Để trả lời câu hỏi này, cần đọc và tóm tắt những ý chính ở mục 1.2.

Câu 3. Âm ổn định nhất trong điệu thức gọi là âm gì ?

– Âm chủ.

Câu 4. Sự chuyển tiếp từ âm không ổn định về âm ổn định gọi là gì ?

– Giải quyết.

Câu 5. Thế nào là điệu thức trưởng ? Trình bày khoảng cách về cao độ giữa các bậc trong điệu thức trưởng tự nhiên ?

– Để trả lời câu hỏi này, cần đọc và tóm tắt những ý chính ở mục 2.1.

Câu 6. Hãy giới thiệu về âm ổn định và không ổn định trong điệu thức trưởng?

– Để trả lời câu hỏi này, cần đọc và tóm tắt những ý chính ở mục 2.2.

Câu 7. Gam là gì? Các bậc của gam sắp xếp như thế nào?

– Để trả lời câu hỏi này, cần đọc và tóm tắt những ý chính ở mục 2.2.

Câu 8. Ngoài kí hiệu bằng chữ số La Mã, các bậc của gam còn có tên gọi như thế nào? Nêu ý nghĩa của các tên gọi đó?

– Để trả lời câu hỏi này, cần đọc và tóm tắt những ý chính ở mục 2.2.

Câu 9. Những bậc chính trong gam là những bậc nào? Các bậc còn lại gọi là những bậc gì?

– Để trả lời câu hỏi này, cần đọc và tóm tắt những ý chính ở mục 2.2.

Câu 10. Thế nào là điệu thức thứ? Trình bày khoảng cách về cao độ giữa các bậc trong điệu thức thứ tự nhiên?

– Để trả lời câu hỏi này, cần đọc và tóm tắt những ý chính ở mục 3.1.

Câu 11. Trình bày sự chuyển tiếp từ các âm không ổn định sang các âm ổn định trong điệu thứ tự nhiên?

– Để trả lời câu hỏi này, cần đọc và tóm tắt những ý chính ở mục 3.2.

Câu 12. Giọng là gì? Tên của giọng bao gồm những yếu tố nào ?

Giọng (còn gọi là điệu tính) là điệu thức được thể hiện ở một độ cao nhất định. Tên giọng gồm tên của âm chủ và tên của điệu thức.

Câu 13. Kể tên các giọng trưởng có từ 1 đến 7 dấu thăng ?

– Để trả lời câu hỏi này, cần đọc giáo trình ở mục 4.2.

Câu 14. Kể tên các giọng trưởng có từ 1 đến 7 dấu giáng ?

– Để trả lời câu hỏi này, cần đọc giáo trình ở mục 4.3.

Câu 15. Kể tên các giọng thứ có từ 1 đến 7 dấu thăng ?

– Để trả lời câu hỏi này, cần đọc giáo trình ở mục 4.4.

Câu 16. Kể tên các giọng thứ có từ 1 đến 7 dấu giáng ?

– Để trả lời câu hỏi này, cần đọc giáo trình ở mục 4.5.

Câu 17. Đọc thứ tự các dấu thăng trên hoá biểu ?

Fa – Đô – Sol – Rê – La – Mi– Si.

Câu 18. Đọc thứ tự các dấu giáng trên hoá biểu ?

Si – Mi – La – Rê – Sol – Đô – Fa.

Câu 19. Điệu trưởng hoà thanh khác điệu trưởng tự nhiên ở bậc nào ?

– Để trả lời câu hỏi này, cần đọc giáo trình ở mục 5.1.

Câu 20. Thế nào là điệu trưởng giai điệu ?

– Để trả lời câu hỏi này, cần đọc giáo trình ở mục 5.2.

Câu 21. Thế nào là điệu thứ hoà thanh ?

– Để trả lời câu hỏi này, cần đọc giáo trình ở mục 6.1.

Câu 22. Thế nào là điệu thứ giai điệu ?

– Để trả lời câu hỏi này, cần đọc giáo trình ở mục 6.2.

Câu 23. Thế nào là điệu thức năm âm ? Giới thiệu tên một vài điệu thức năm âm ?

– Để trả lời câu hỏi này, cần đọc và tóm tắt những ý chính ở mục 7.1 và 7.2.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI TẬP VIẾT

Bài tập 1. Sử dụng những kiến thức đã học để viết 16 nhịp ở giọng Đô trưởng, số chỉ nhịp $\frac{2}{4}$.

– Mục tiêu của bài tập này không phải để viết được những giai điệu hay, mà người học cần thể hiện đúng những yêu cầu của bài tập.

– Đoạn nhạc không cần viết hoá biểu.

– Người học có thể viết các loại cao độ bất kì nhưng âm kết thúc cần là âm Đô.

Thực hiện các bài tập tiếp theo tương tự. Lưu ý viết hoá biểu các giọng cho chính xác. Giọng Rê thứ hoà thanh hoặc Mi thứ hoà thanh, cần viết dấu thăng ở âm bậc VII.

HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH BÀI TẬP TRÊN ĐÀN

Bài tập 1. Thực hiện trên đàn piano hoặc đàn phím điện tử gam Rê trưởng tự nhiên.

– Cần xác định gam Rê trưởng tự nhiên có âm Fa thăng và Đô thăng.

– Đàn chậm kết hợp đọc tên từng âm.

– Cần sắp xếp ngón tay hợp lí.

Thực hiện tương tự các bài tập tiếp theo.

Chương V
XÁC ĐỊNH GIỌNG, DỊCH GIỌNG

Mục tiêu

Cung cấp cho người học những kiến thức :

- Cách xác định giọng.
- Quan hệ họ hàng giữa các giọng.
- Chuyển giọng, dịch giọng.

§1. CÁCH XÁC ĐỊNH GIỌNG

1.1. Cách xác định giọng

Xác định giọng là việc rất cần thiết khi tìm hiểu hoặc luyện tập một tác phẩm âm nhạc. Điều này giúp người học định hướng được thang âm, giai điệu và hoà âm của tác phẩm.

Muốn xác định giọng của bản nhạc, phải dựa vào hai yếu tố là hoá biểu và âm kết thúc bản nhạc. Một số bản nhạc còn phải dựa vào những yếu tố khác như các dấu hoá bất thường, những âm ổn định trong bản nhạc.

1.2. Xác định giọng trưởng dựa vào hoá biểu

Dựa vào hoá biểu để dễ dàng tìm được âm chủ của các giọng trưởng.

– Với hoá biểu có dấu thăng, từ dấu thăng cuối cùng tiến lên một quãng hai thứ sẽ là âm chủ của giọng.

Ví dụ : Bản nhạc có hoá biểu 5 dấu thăng, từ dấu La thăng lên quãng 2 thứ ta có âm Si. Đây là giọng Si trưởng.

– Đối với hoá biểu có dấu giáng, âm chủ của giọng sẽ là dấu giáng đứng trước dấu giáng cuối cùng của hoá biểu.

Ví dụ : Bản nhạc có hoá biểu có 3 dấu giáng (Sib, Mib, Lab), vậy Mi giáng sẽ là âm chủ của giọng Mi giáng trưởng. Nếu hoá biểu có 5 dấu giáng (Sib, Mib, Lab, Rêb, Solb), vậy Rê giáng sẽ là âm chủ của giọng Rê giáng trưởng.

1.3. Xác định giọng dựa vào hoá biểu và âm kết thúc

Dựa vào hoá biểu và âm kết thúc, sẽ xác định được giọng của hầu hết các bản nhạc (trừ bản nhạc không kết thúc về âm chủ).

Hoá biểu	*Âm kết thúc*	*Giọng*
Không hoá biểu	Đô	Đô trưởng
Không hoá biểu	La	La thứ
Một dấu thăng	Sol	Sol trưởng
Một dấu thăng	Mi	Mi thứ
Một dấu giáng	Fa	Fa trưởng
Một dấu giáng	Rê	Rê thứ
Hai dấu thăng	Rê	Rê trưởng
Hai dấu thăng	Si	Si thứ
Hai dấu giáng	Si (giáng)	Si giáng trưởng
Hai dấu giáng	Sol	Sol thứ
Ba dấu thăng	La	La trưởng
Ba dấu thăng	Fa (thăng)	Fa thăng thứ
Ba dấu giáng	Mi (giáng)	Mi giáng trưởng
Ba dấu giáng	Đô	Đô thứ
Bốn dấu thăng	Mi	Mi trưởng
Bốn dấu thăng	Đô (thăng)	Đô thăng thứ
Bốn dấu giáng	La (giáng)	La giáng trưởng
Bốn dấu giáng	Fa	Fa thứ
Năm dấu thăng	Si	Si trưởng
Năm dấu thăng	Sol (thăng)	Sol thăng thứ
Năm dấu giáng	Rê (giáng)	Rê giáng trưởng
Năm dấu giáng	Si (giáng)	Si giáng thứ
Sáu dấu thăng	Fa (thăng)	Fa thăng trưởng
Sáu dấu thăng	Rê (thăng)	Rê thăng thứ
Sáu dấu giáng	Sol (giáng)	Sol giáng trưởng
Sáu dấu giáng	Mi (giáng)	Mi giáng thứ
Bảy dấu thăng	Đô (thăng)	Đô thăng trưởng
Bảy dấu thăng	La (thăng)	La thăng thứ
Bảy dấu giáng	Đô (giáng)	Đô giáng trưởng
Bảy dấu giáng	La (giáng)	La giáng thứ

Nhiều bản nhạc không kết thúc về âm chủ, khi đó xác định giọng điệu phải dựa vào những âm ổn định trong bản nhạc. Ví dụ :

Mùa hoa phượng nở

Nhạc và lời : HOÀNG VÂN

Nhanh – Vui

Tu hú kêu, tu hú kêu hoa gạo đỏ hoa phượng
(Tung cánh) chim, bay khắp nơi dưới bầu trời lứa tuổi

nở đầy ước mơ hy vọng.
trẻ Tổ quốc đang mong chờ. (Nhạc......................................)
trẻ Tổ quốc đang mong chờ. (Nhạc......................................)

Tu hú kêu, tu hú kêu, mùa quả chín vào mùa
Ta bước đi trong nắng mai, ngàn việc tốt giục lòng

thi, tình bạn trong sáng dưới mái trường
ta, học tập gương sáng bao anh hùng. (Nhạc..........

....) Ve ve ve, hè về, vui vui
Hãy nhớ lấy lời Người, hãy nhớ

vui hè về. Cây xanh xanh rợp bóng ven đường. Hương sen
lấy lời Người. Mang trong tim màu thắm khăn quàng. Mang trong

1. 2.

thơm toả ngát muôn nhà. Tung cánh
tim màu thắm hoa ...phượng.

§2. QUAN HỆ HỌ HÀNG GIỮA CÁC GIỌNG

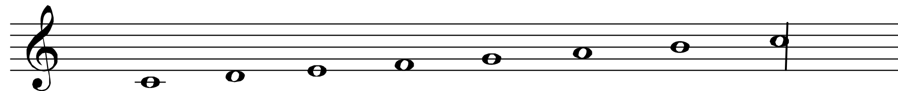
Trong hệ thống điệu thức 7 âm, các giọng trưởng và giọng thứ có những mối quan hệ qua lại với nhau. Mối quan hệ họ hàng gần hay xa giữa các giọng cũng

như sự chuyển tiếp từ giọng này sang giọng khác là một trong những phương tiện diễn cảm có ý nghĩa nghệ thuật đối với một tác phẩm âm nhạc. Nó đưa vào âm nhạc sự đa dạng và phong phú về màu sắc đồng thời hỗ trợ cho sự phát triển của tác phẩm.

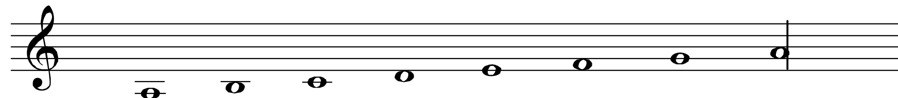
2.1. Giọng song song

Một giọng trưởng và một giọng thứ có cùng hoá biểu, gọi là hai giọng song song. Hai giọng song song là hai giọng có thành phần âm giống nhau. Ví dụ giọng Đô trưởng song song với giọng La thứ :

Giọng Đô trưởng :

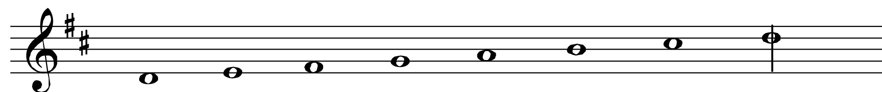


Giọng La thứ :

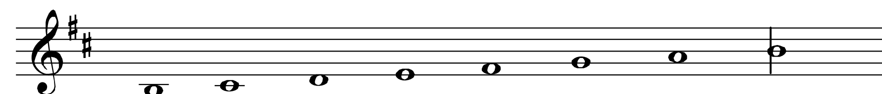


Hoặc giọng Rê trưởng song song với giọng Si thứ.

Giọng Rê trưởng :



Giọng Si thứ :



Âm chủ của giọng thứ thấp hơn âm chủ của giọng trưởng song song một quãng 3 thứ. Hay có thể hiểu một cách khác là bậc VI của giọng trưởng sẽ là âm chủ của giọng thứ song song. Nếu biết tên giọng trưởng ở hoá biểu nào, sẽ tìm được tên giọng thứ ở hoá biểu đó.

2.2. Giọng cùng tên

Một giọng trưởng và một giọng thứ có cùng âm chủ, gọi là hai giọng cùng tên. Ví dụ :

– Giọng Đô trưởng cùng tên với giọng Đô thứ.

– Giọng Rê trưởng cùng tên với giọng Rê thứ.

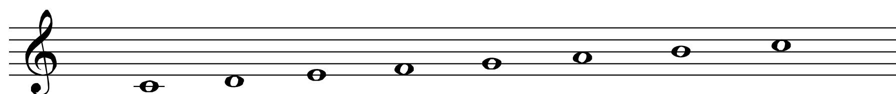
– Giọng Mi trưởng cùng tên với giọng Mi thứ.

– Giọng Fa trưởng cùng tên với giọng Fa thứ.

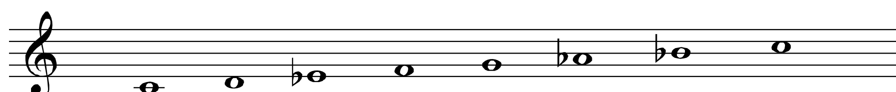
– Giọng Sol trưởng cùng tên với giọng Sol thứ...

Giữa hai giọng cùng tên, ba âm ở bậc III, bậc VI và bậc VII có cao độ khác nhau. Ví dụ so sánh giữa giọng Đô trưởng và giọng Đô thứ.

Giọng Đô trưởng :



Giọng Đô thứ :



§3. CHUYỂN GIỌNG, DỊCH GIỌNG

3.1. Chuyển giọng và chuyển tạm

Chuyển giọng và chuyển tạm vừa là thủ pháp sáng tác, vừa là phương tiện phát triển âm nhạc, tạo nên sự phong phú về màu sắc trong tác phẩm. Chuyển giọng và chuyển tạm thường xuất hiện những dấu hoá bất thường ở giai điệu, có trường hợp thay đổi hoá biểu của bản nhạc.

– Chuyển giọng là bản nhạc có một đoạn chuyển sang giọng mới. Đoạn nhạc mới được củng cố và phát triển xung quanh chủ âm. Chuyển giọng thường thay đổi hoá biểu của bản nhạc.

Ví dụ :

Quê hương

Nhạc : GIÁP VĂN THẠCH

Thong thả – Yêu thương *Lời* : Thơ ĐỖ TRUNG QUÂN

Quê hương là chùm khế ngọt cho con trèo hái mỗi
ngày. Quê hương là đường đi học, con về rợp bướm vàng
bay. Quê hương là con diều biếc, tuổi thơ con thả trên
đồng. Quê hương là con đò nhỏ, êm đềm khua nước ven
sông. Quê hương là cầu tre nhỏ mẹ
về nón lá nghiêng che. Quê hương là đêm trăng tỏ, hoa
cau rụng trắng ngoài thềm. Quê hương mỗi người chỉ một, như
là chỉ một mẹ thôi. Quê hương nếu ai không nhớ, sẽ
không lớn nổi thành người! Quê ... ... người !

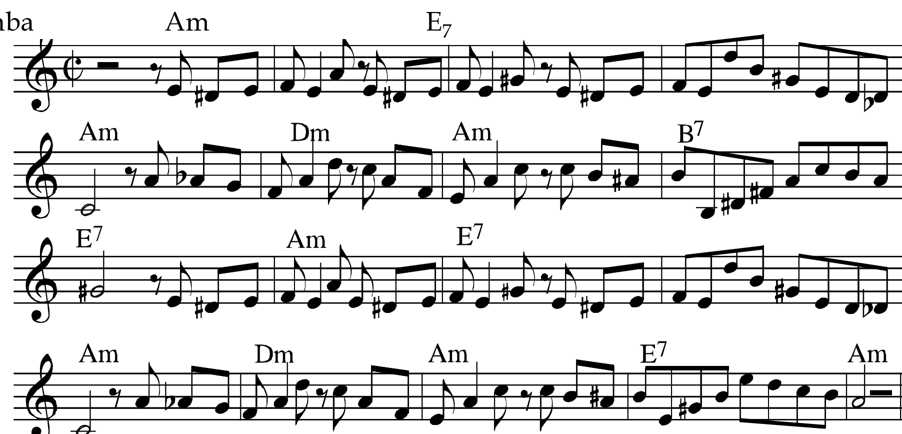
– Chuyển tạm là thay đổi giọng trong một câu nhạc, không củng cố chủ âm mới, thường kết thúc bản nhạc ở giọng ban đầu. Chuyển tạm thường xuất hiện những dấu hoá bất thường ở giai điệu.

Ví dụ :

Tico Tico

Sôi động

Nhạc BRAXIN



Đoạn nhạc trên viết ở giọng La thứ, chuyển tạm sang giọng Mi trưởng ở nhịp 9.

3.2. Dịch giọng

Khi sáng tác, nhạc sĩ thường chọn giọng điệu thích hợp với nội dung của tác phẩm. Ngoài những bản giao hưởng, concerto, sonate, vở nhạc kịch... tác phẩm viết cho giọng hát nào cũng có thể chuyển dịch sang một giọng khác cao hơn hoặc thấp hơn giọng gốc. Sự chuyển dịch từ một giọng này sang một giọng khác gọi là dịch giọng. Việc dịch giọng thường gặp ở tác phẩm thanh nhạc. Khi biểu diễn các ca sĩ thường theo tầm cữ giọng của mình để chọn giọng tác phẩm cho phù hợp.

Dịch giọng đôi khi cũng xảy ra đối với các tác phẩm viết cho các nhạc cụ. Khi có một tác phẩm viết cho nhạc cụ này lại được dùng cho một nhạc cụ khác có âm vực không giống với nhạc cụ ban đầu. Ví dụ tác phẩm viết cho đàn violon lại được dùng cho đàn violoncell biểu diễn.

Có ba cách dịch giọng :

– *Dịch giọng theo quãng.*

Để dịch giọng theo quãng, cần tiến hành các bước :

+ Bước 1 : Xác định giọng bản nhạc gốc.

+ Bước 2 : Xác định giọng bản nhạc mới.

+ Bước 3 : Xác định quãng dịch chuyển.

+ Bước 4 : Viết hoá biểu của giọng mới.
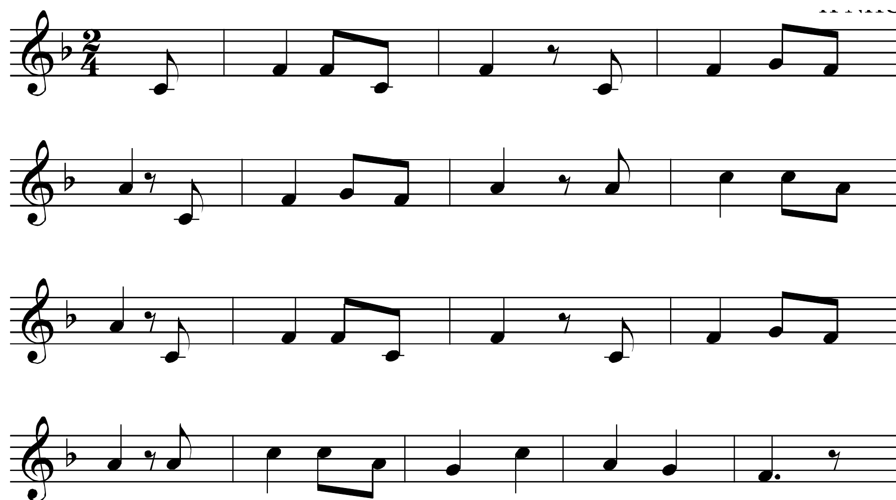
+ Bước 5 : Dịch chuyển các nốt từ bản gốc sang bản mới theo quãng đã xác định.

Ví dụ : chuyển giai điệu bài *Chiến sĩ tí hon* sang giọng Đô trưởng.

Bản gốc :

Chiến sĩ tí hon

Nhạc : ĐINH NHU



Cần thực hiện theo các bước nói trên :

+ Bước 1 : Xác định giọng bản nhạc gốc.

Bản gốc viết ở giọng Fa trưởng.

+ Bước 2 : Xác định giọng bản nhạc mới.

Bản mới giọng Đô trưởng.
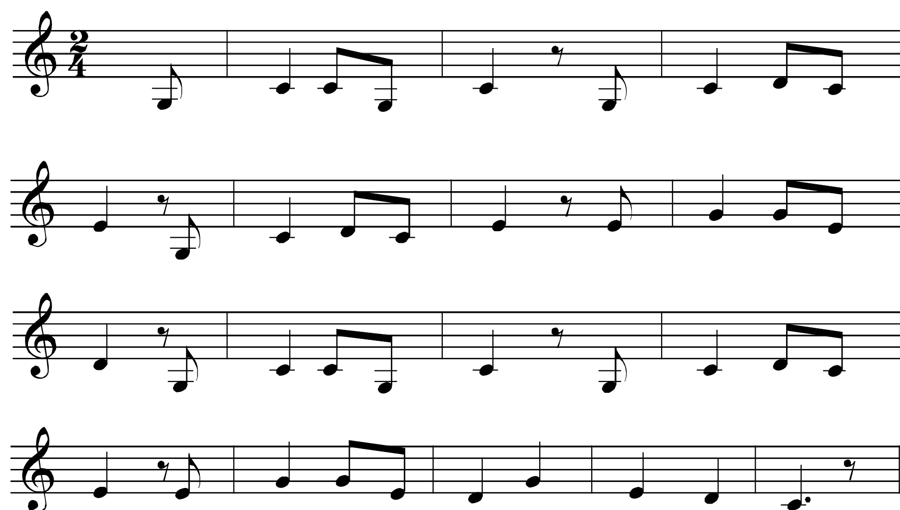
+ Bước 3 : Xác định quãng dịch chuyển.

Quãng cần dịch chuyển là quãng 4 đúng (Fa xuống Đô).

+ Bước 4 : Viết hoá biểu của giọng mới.

Giọng Đô trưởng không có hoá biểu.

+ Bước 5 : Dịch chuyển các nốt từ bản gốc sang bản mới theo quãng đã xác định.

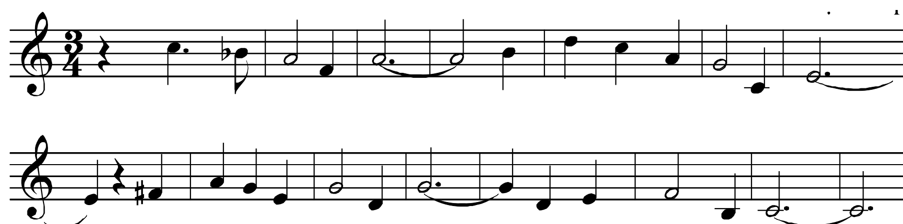


Trong bước 5, chỉ cần chuyển các nốt nhạc xuống quãng 4, khi đó mọi nốt đều thấp hơn so với bản gốc quãng 4 đúng. Tuy nhiên nếu bản gốc có dấu hoá bất thường thì cần xác định cao độ các nốt ở bản mới cho chính xác. Ví dụ chuyển giai điệu sau đây sang giọng Fa trưởng :

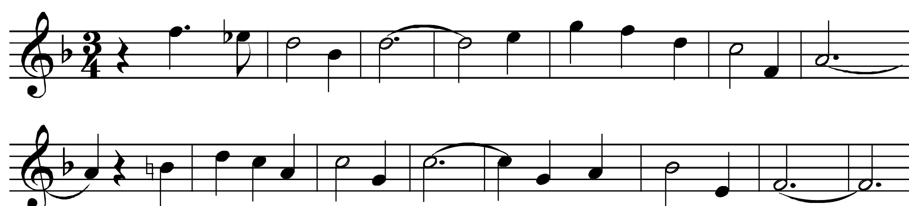
Que sera ?

(Trích)

Nhạc PHÁP

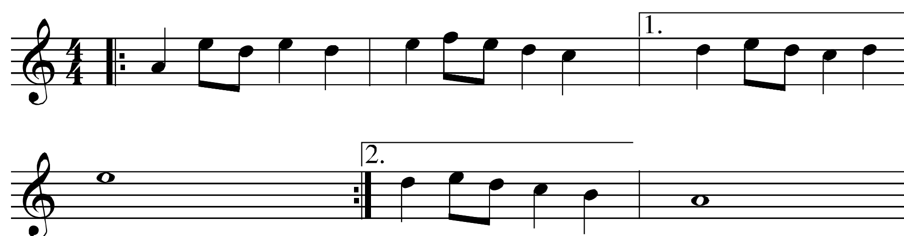


Đoạn nhạc trên được dịch sang giọng Fa trưởng :

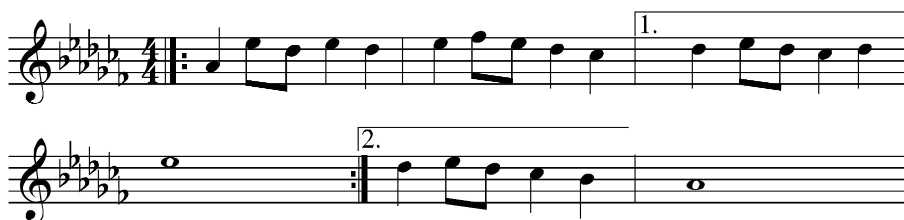


– Dịch giọng bằng cách thay đổi hoá biểu.

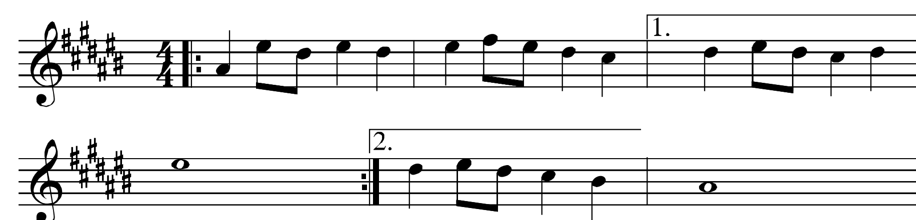
Các nốt nhạc không thay đổi vị trí trên khuông nhưng thay đổi hoá biểu sẽ làm cao độ của bản nhạc cao hơn hoặc thấp hơn nửa cung. Ví dụ đoạn nhạc gốc giọng La thứ :



Dịch sang giọng La giáng thứ :
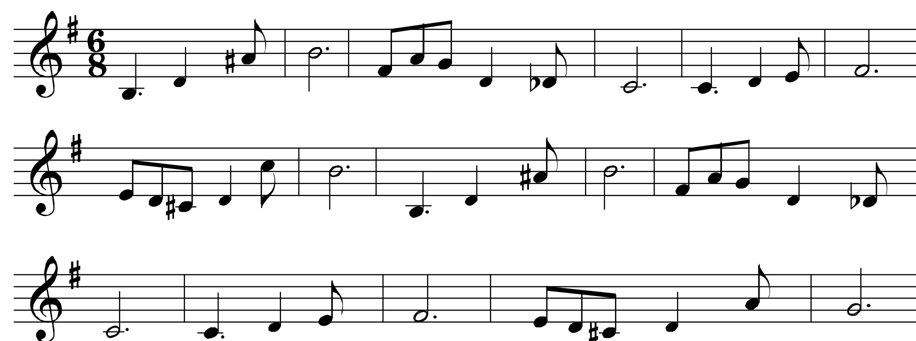


Hoặc dịch sang giọng La thăng thứ :
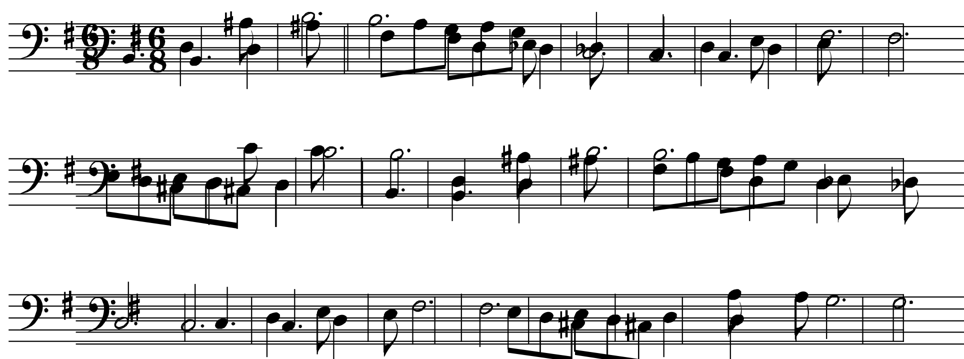


– Dịch giọng bằng cách thay đổi khoá nhạc.

Ví dụ giai điệu viết cho violon ở giọng Sol trưởng :



Khi dịch giai điệu trên cho violoncell (vẫn ở giọng Sol trưởng), cần thay đổi khoá nhạc, đồng thời giai điệu được chuyển thấp xuống quãng 8 đúng.



Ngoài cách dịch giọng trên bản nhạc còn cách dịch giọng trên nhạc cụ. Hiện nay, hầu hết các loại đàn phím điện tử đều có chức năng dịch giọng (Transpose), người chơi đàn chỉ cần biết cách sử dụng chức năng này là có thể dịch giọng các bản nhạc theo ý muốn.

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

a) Câu hỏi

1. Xác định giọng của bản nhạc phải dựa vào các yếu tố nào ?

2. Thế nào là hai giọng song song ? Nêu ví dụ ?

3. Thế nào là hai giọng cùng tên ? Nêu ví dụ ?

4. Trình bày cách xác định tên giọng thứ theo giọng trưởng song song ? Nêu ví dụ ?

5. Giữa hai giọng cùng tên, có mấy âm khác nhau ?

6. Thế nào là dịch giọng ?

7. Trình bày các loại dịch giọng ?

b) Bài tập viết

1. Sử dụng những kiến thức đã học để viết một đoạn nhạc ở giọng Đô trưởng (16 nhịp) rồi chuyển sang giọng Đô thứ (8 nhịp), số chỉ nhịp $\frac{2}{4}$.

2. Sử dụng những kiến thức đã học để viết một đoạn nhạc ở giọng La thứ (8 nhịp) rồi chuyển sang giọng La trưởng (8 nhịp), số chỉ nhịp $\frac{3}{4}$.
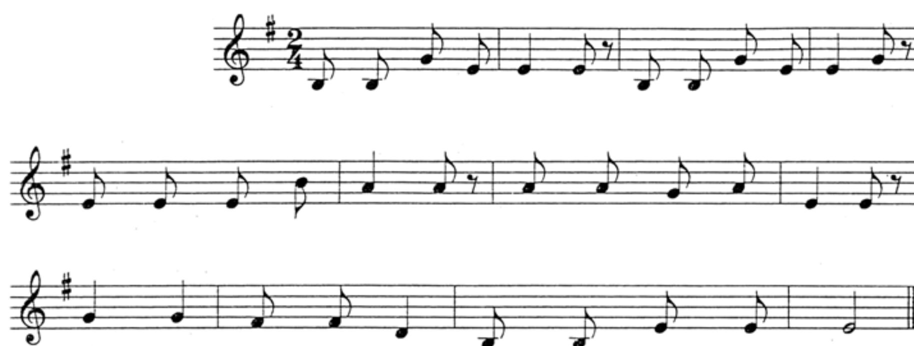
3. Sử dụng những kiến thức đã học để viết một đoạn nhạc ở giọng Rê trưởng (8 nhịp) rồi chuyển sang giọng Rê thứ (8 nhịp), số chỉ nhịp $\frac{4}{4}$.

4. Sử dụng những kiến thức đã học để viết một đoạn nhạc ở giọng Sol thứ (16 nhịp) rồi chuyển sang giọng Mi trưởng (8 nhịp), số chỉ nhịp $\frac{3}{8}$.

5. Chuyển dịch giai điệu sau xuống quãng 2 trưởng : (Mi thứ xuống Rê thứ).

Tạm biệt búp bê
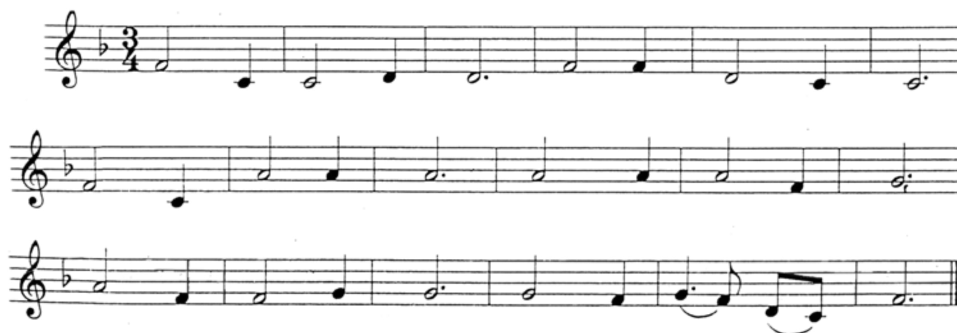
Nhạc : HOÀNH THÔNG



6. Chuyển dịch giai điệu sau lên quãng 3 trưởng : (Fa trưởng lên La trưởng).

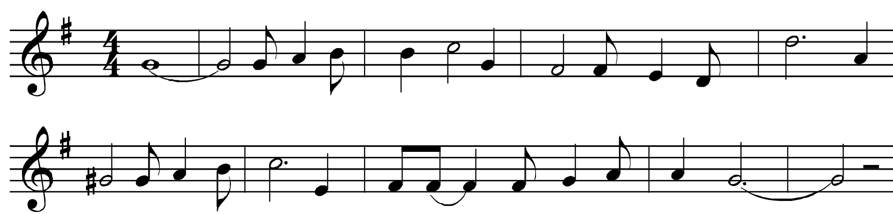
Chú bộ đội đi xa

Nhạc : HOÀNG LONG
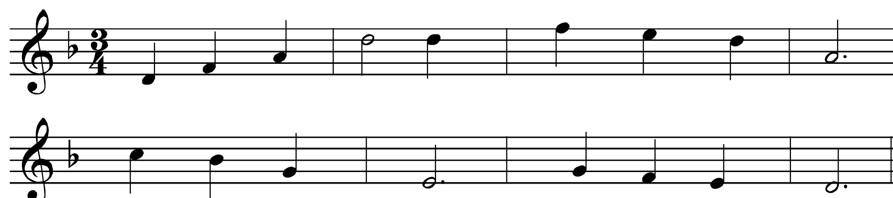


7. Chuyển dịch giai điệu sau xuống quãng 2 trưởng : (Sol trưởng xuống Fa trưởng).

DAVID
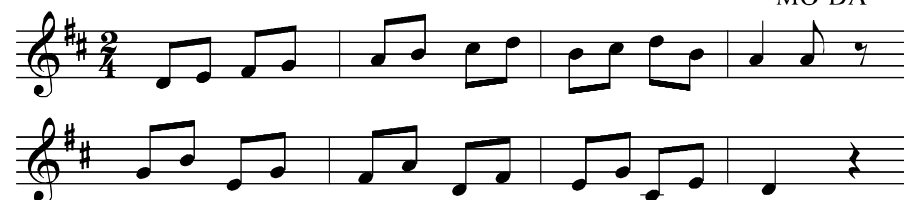


c) Bài tập trên đàn

1. Thực hiện giai điệu dưới đây, sau đó chuyển dịch lên quãng 2 trưởng.



2. Thực hiện giai điệu dưới đây, sau đó chuyển dịch xuống quãng 2 trưởng.

MÔ-DA



HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI CÂU HỎI

Câu 1. Xác định giọng của bản nhạc phải dựa vào các yếu tố nào ?

– Xác định giọng phải dựa vào hoá biểu và âm kết thúc.

– Khi bản nhạc kết thúc không về âm chủ, cần xác định giọng dựa vào những âm ổn định.

Câu 2. Thế nào là hai giọng song song ? Nêu ví dụ ?

– Để trả lời câu hỏi này, cần đọc giáo trình ở mục 2.1.

Câu 3. Thế nào là hai giọng cùng tên ? Nêu ví dụ ?

– Để trả lời câu hỏi này, cần đọc giáo trình ở mục 2.2.

Câu 4. Trình bày cách xác định tên giọng thứ theo giọng trưởng song song ? Nêu ví dụ ?

Từ âm chủ của giọng trưởng, đi xuống quãng 3 thứ sẽ xác định được âm chủ của giọng thứ song song. Ví dụ giọng trưởng là Fa trưởng, giọng thứ song song sẽ là Rê thứ ; giọng trưởng là La trưởng, giọng thứ song song sẽ là Fa thăng thứ...

Câu 5. Giữa hai giọng cùng tên, có mấy âm khác nhau ?

Giữa hai giọng cùng tên có 3 âm khác nhau về cao độ, đó là âm bậc III, bậc VI và bậc VII.

Câu 6. Thế nào là dịch giọng ?

– Để trả lời câu hỏi này, cần đọc giáo trình ở mục 3.2.

Câu 7. Trình bày các loại dịch giọng ?

Có 3 loại dịch giọng là dịch giọng theo quãng, dịch giọng bằng cách thay đổi hoá biểu và dịch giọng bằng cách thay đổi khoá nhạc.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI TẬP VIẾT

Bài tập 1. Sử dụng những kiến thức đã học để viết một đoạn nhạc ở giọng Đô trưởng (16 nhịp) rồi chuyển sang giọng Đô thứ (8 nhịp), số chỉ nhịp $\frac{2}{4}$.

– Mục tiêu của bài tập này không phải để viết được những giai điệu hay, mà người học cần thể hiện đúng những yêu cầu của bài tập.

– Đoạn nhạc viết ở giọng Đô trưởng không viết hoá biểu, nên sử dụng nhiều âm Đô, Mi, Sol.

– Đoạn nhạc viết ở giọng Đô thứ có hoá biểu 3 dấu giáng (Si giáng, Mi giáng, La giáng).

– Kết thúc bản nhạc ở âm Đô.

Thực hiện một số bài tập tiếp theo tương tự.

HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH BÀI TẬP TRÊN ĐÀN

Bài tập 1. Thực hiện giai điệu, sau đó chuyển dịch lên quãng 2 trưởng.

– Cần đàn giai điệu bản gốc cho thuần thục, sắp xếp ngón tay hợp lí, đàn kết hợp đọc tên từng âm.

– Đàn giai điệu bản mới chậm, kết hợp đọc tên từng âm.

Thực hiện bài tập số 2 tương tự.

Chương VI
HỢP ÂM

Mục tiêu

Cung cấp cho người học những kiến thức :

- Khái niệm, hợp âm ba và các thể đảo.
- Các hợp âm ba chính của giọng trưởng và giọng thứ.
- Các hợp âm ba phụ của giọng trưởng và giọng thứ.
- Hợp âm bảy át và các thể đảo.
- Hợp âm bảy thứ và một số hợp âm khác.
- Phân loại hợp âm, kí hiệu nâng cao hoặc hạ thấp các bậc của hợp âm.
- Các loại kết, đặt hợp âm cho ca khúc.

§1. KHÁI NIỆM, HỢP ÂM BA VÀ CÁC THỂ ĐẢO

1.1. Khái niệm về hợp âm

Trong âm nhạc, các chồng âm được hình thành do sự kết hợp cùng một lúc từ ba âm thanh trở lên. Nếu các âm thanh trong một chồng âm được sắp xếp theo một quy luật nhất định gọi là hợp âm.

Có rất nhiều dạng cấu trúc hợp âm khác nhau được hình thành ở từng giai đoạn phát triển của lịch sử âm nhạc, cũng như ở từng nền âm nhạc khác nhau. Trong nền âm nhạc phương Tây, được dùng phổ biến hơn cả là các hợp âm có các âm chồng theo quãng ba.

Hợp âm và mối liên kết giữa chúng với nhau đóng một vai trò rất quan trọng trong âm nhạc. Nó không những được dùng làm phần đệm cho giai điệu mà nó còn tạo nên giai điệu bằng các dạng âm hình hoá...

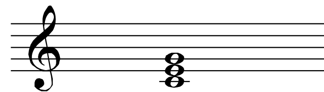
1.2. Các loại hợp âm ba

Hợp âm ba gồm có ba âm xếp lên nhau theo quãng ba, tên của chúng là âm 1, âm 3 và âm 5. Gọi là hợp âm ba vì hợp âm này có 3 âm, tuy nhiên nó có thể được gọi là hợp âm năm (do âm 1 và âm 5 tạo thành quãng năm).

– Các loại hợp âm ba : có nhiều dạng hợp âm ba. Sự khác nhau giữa các dạng hợp âm ba phụ thuộc vào thứ tự sắp xếp và tính chất của các quãng ba tạo nên hợp âm ba đó.

Âm nhạc phương Tây thường dùng phổ biến bốn dạng hợp âm ba được cấu tạo từ những quãng ba trưởng và ba thứ. Đó là các hợp âm ba trưởng, ba thứ, ba tăng và ba giảm.

+ Hợp âm ba trưởng là hợp âm ba có cấu tạo bởi một quãng ba trưởng ở dưới và quãng ba thứ ở trên. Quãng giữa hai âm ngoài cùng là quãng năm đúng. Ví dụ:



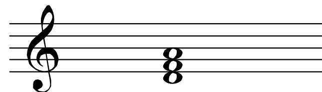
Tên của hợp âm ba trưởng được viết tắt bằng chữ cái La-tinh. Ví dụ :

C là hợp âm Đô trưởng.

D là hợp âm Rê trưởng.

E là hợp âm Mi trưởng.

+ Hợp âm ba thứ là hợp âm ba có cấu tạo bởi một quãng ba thứ ở dưới và quãng ba trưởng ở trên. Quãng giữa hai âm ngoài cùng là quãng năm đúng. Ví dụ:



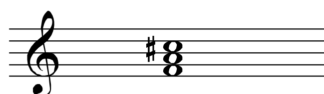
Tên của hợp âm ba thứ được viết tắt bằng chữ cái La-tinh kèm thêm chữ m. Ví dụ:

Dm là hợp âm Rê thứ.

Em là hợp âm Mi thứ.

Fm là hợp âm Fa thứ.

+ Hợp âm ba tăng là hợp âm ba có cấu tạo bởi hai quãng ba trưởng. Quãng giữa hai âm ngoài cùng là quãng năm tăng. Ví dụ :



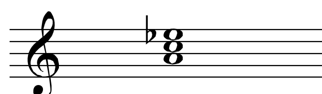
Tên của hợp âm ba tăng được viết tắt bằng chữ cái La-tinh kèm thêm chữ aug. Ví dụ :

F- aug là hợp âm Fa tăng.

G- aug là hợp âm Sol tăng.

A- aug là hợp âm La tăng.

+ Hợp âm ba giảm là hợp âm ba có cấu tạo bởi hai quãng ba thứ. Quãng giữa hai âm ngoài cùng là quãng năm giảm. Ví dụ :



Tên của hợp âm ba giảm được viết tắt bằng chữ cái La-tinh kèm thêm chữ dim. Ví dụ :

A dim là hợp âm La giảm.

B dim là hợp âm Si giảm.

C dim là hợp âm Đô giảm.

Các hợp âm ba trưởng và ba thứ là các hợp âm thuận bởi chúng được cấu tạo bằng các quãng thuận (3 trưởng, 3 thứ và 5 đúng). Các hợp âm ba tăng và ba giảm là các hợp âm nghịch bởi trong hợp âm có chứa quãng nghịch (5 tăng và 5 giảm).

So với hợp âm ba tăng và ba giảm thì các hợp âm ba trưởng, ba thứ được dùng phổ biến hơn.

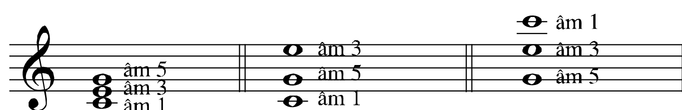
– Tên gọi của các âm trong hợp âm ba : mỗi âm thanh của hợp âm đều có tên gọi riêng. Các tên này được gọi theo quãng giữa âm đó với âm thấp nhất của hợp âm khi ở thể cơ bản :

+ Âm thấp nhất gọi là âm gốc hoặc âm 1.

+ Âm thứ hai gọi là âm 3.

+ Âm cao nhất gọi là âm 5.

Tên của các âm không thay đổi khi vị trí của chúng thay đổi trong hợp âm. Ví dụ :

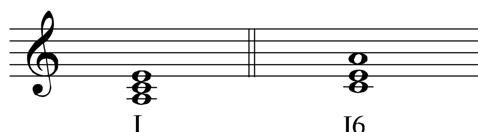


1.3. Các thể đảo của hợp âm ba

Khi ba âm thanh của hợp âm được sắp xếp theo quãng 3 thì cách sắp xếp ấy gọi là thể cơ bản hay thể gốc (cũng có thể gọi là thể nguyên vị) của hợp âm. Ngoài thể gốc, hợp âm ba có hai thể đảo là thể đảo một và thể đảo hai.

– Thể đảo một : Đưa âm gốc (âm một) của hợp âm chuyển lên một quãng tám, âm ba trở thành âm thấp nhất.

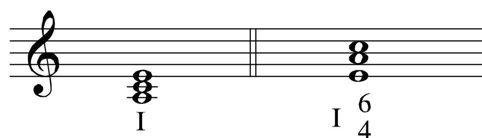
Thể đảo một được gọi là hợp âm sáu. Tên này được gọi theo quãng từ âm thấp nhất của hợp âm với âm một. Kí hiệu của thể đảo một là số 6 đặt cạnh kí hiệu chỉ bậc hoặc công năng của hợp âm trong điệu thức. Ví dụ hợp âm La thứ và thể đảo một của nó :



Nếu hợp âm I gọi là T (theo công năng) thì thể đảo một của nó được gọi là T6.

– Thể đảo hai : Đưa cả âm một và âm ba của hợp âm chuyển lên một quãng tám, âm năm trở thành âm thấp nhất.

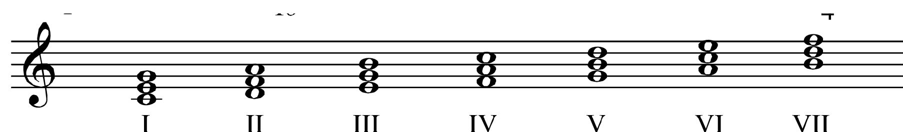
Thể đảo hai được gọi là hợp âm bốn sáu. Tên gọi như vậy là theo quãng giữa âm thấp nhất với âm một và quãng giữa hai âm ngoài cùng. Kí hiệu của thể đảo hai là số $\frac{6}{4}$ đặt cạnh kí hiệu chỉ bậc hoặc công năng của hợp âm trong điệu thức. Ví dụ hợp âm La thứ và thể đảo hai của nó :



Nếu hợp âm I gọi là T (theo công năng) thì thể đảo hai của nó được gọi là T_4^6.

§2. CÁC HỢP ÂM BA CHÍNH CỦA GIỌNG TRƯỞNG VÀ GIỌNG THỨ

Các bậc của một giọng trưởng hay một giọng thứ đều có thể xây dựng các hợp âm ba bằng cách chồng thêm hai âm theo quãng ba lên mỗi bậc. Ví dụ ở giọng Đô trưởng :



Các hợp âm đều có tên gọi riêng, phụ thuộc vào vị trí của bậc trong điệu thức. Ví dụ :

– Hợp âm ba xây dựng trên bậc I là T.

– Hợp âm ba xây dựng trên bậc II là SII.

– Hợp âm ba xây dựng trên bậc III là DTIII.

– Hợp âm ba xây dựng trên bậc IV là S.

– Hợp âm ba xây dựng trên bậc V là D.

– Hợp âm ba xây dựng trên bậc VI là TSVI.

– Hợp âm ba xây dựng trên bậc VII là DVII.

2.1. Các hợp âm ba chính của giọng trưởng

Trong giọng trưởng tự nhiên ba hợp âm xây dựng trên ba bậc chính (bậc I, bậc IV và bậc V) đều là các hợp âm ba trưởng. Các hợp âm này thể hiện rõ tính chất của giọng trưởng, là trung tâm của các chức năng điệu thức, được sử dụng rộng rãi trong âm nhạc.

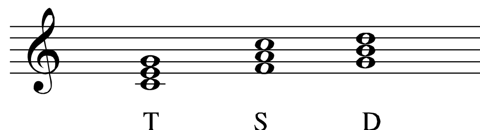
Đây là các hợp âm ba chính vì tất cả các âm của một giọng đều nằm trong thành phần của ba hợp âm này. Ví dụ giọng Đô trưởng có các âm Đô, Rê, Mi, Fa, Sol, La, Si.

Hợp âm ở bậc I (Đô trưởng) có các âm : Đô, Mi, Sol.

Hợp âm ở bậc IV (Fa trưởng) có các âm : Fa, La, Đô.

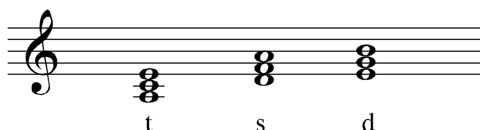
Hợp âm ở bậc V (Sol trưởng) có các âm : Sol, Si, Rê.

Tên gọi và kí hiệu của các hợp âm trưởng được dùng bằng các chữ viết hoa. Ví dụ về các hợp âm chính của giọng Đô trưởng :



2.2. Các hợp âm ba chính của giọng thứ

Các hợp âm ba xây dựng trên các bậc chính (bậc I, bậc IV và bậc V) của một giọng thứ tự nhiên là các hợp âm ba thứ. Cũng như trong giọng trưởng các hợp âm này tiêu biểu cho tính chất thứ và là trung tâm của chức năng điệu thức. Tên gọi và kí hiệu của các hợp âm thứ được dùng bằng các chữ viết hoa. Ví dụ về các hợp âm chính của giọng La thứ :



Cần phân biệt tên hợp âm với cách gọi theo theo bậc của nó trong điệu thức. Ví dụ ở giọng La thứ, hợp âm ở bậc I :

– Gọi theo chức năng là t.

– Gọi theo bậc là I.

– Gọi theo tên là La thứ (Am).

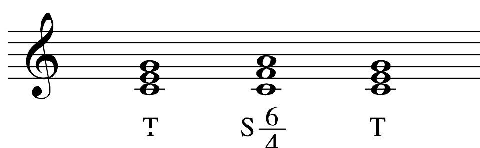
2.3. Sự liên kết các hợp âm ba chính

Sự kết nối liên tiếp các hợp âm với nhau trong sự chuyển động các bè một cách hợp lí được gọi là nối tiếp hợp âm.

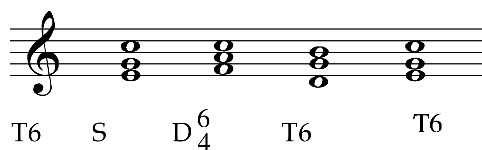
Sự nối tiếp liên tục hai hay nhiều hợp âm với nhau gọi là vòng hoà âm.

Các hợp âm ba chính là cơ sở hoà âm trong một điệu thức do vậy chúng được dùng rất rộng rãi trong các tác phẩm âm nhạc và có rất nhiều cách liên kết với nhau. Tuy nhiên, âm nhạc cổ điển châu Âu không cho phép sự nối tiếp từ hợp âm D sang hợp âm S vì nó mâu thuẫn với quan hệ chức năng tự nhiên. Sự nối tiếp này chỉ được sử dụng trong những trường hợp đặc biệt.

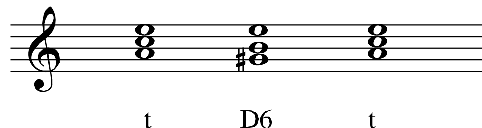
Một vài ví dụ về sự liên kết các hợp âm ba chính ở giọng Đô trưởng :



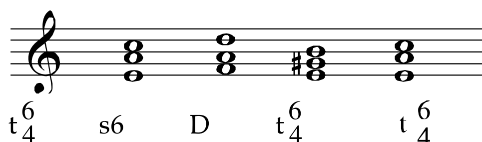
Hoặc :



Một vài ví dụ về sự liên kết các hợp âm ba chính ở giọng La thứ :



Hoặc :

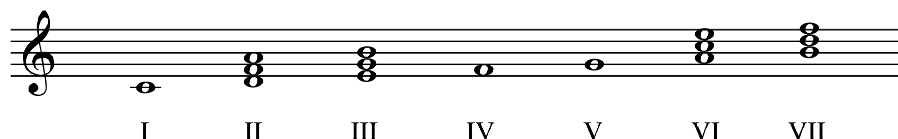


§3. CÁC HỢP ÂM BA PHỤ CỦA GIỌNG TRƯỞNG VÀ GIỌNG THỨ

Các hợp âm ba xây dựng trên các bậc II, bậc III, bậc VI và bậc VII trong một giọng trưởng hay giọng thứ gọi là các hợp âm ba phụ. So với các hợp âm ba chính ở một mức độ nào đó nó được sử dụng ít hơn và có ý nghĩa phụ trong điệu thức. Tuy nhiên các hợp âm này lại làm phong phú về màu sắc hoà âm cho điệu thức.

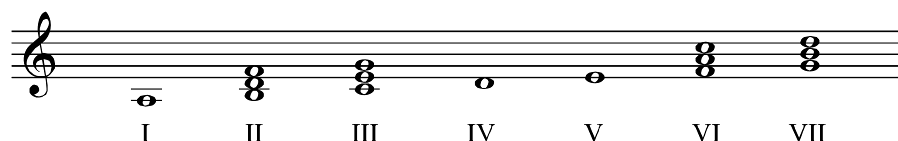
3.1. Các hợp âm ba phụ của giọng trưởng

Các hợp âm phụ trong giọng trưởng tự nhiên gồm ba hợp âm thứ (hợp âm ba bậc II, bậc III, và bậc VI) và một hợp âm giảm (bậc VII). Ví dụ hợp âm ba phụ của giọng Đô trưởng :



3.2. Các hợp âm ba phụ của giọng thứ

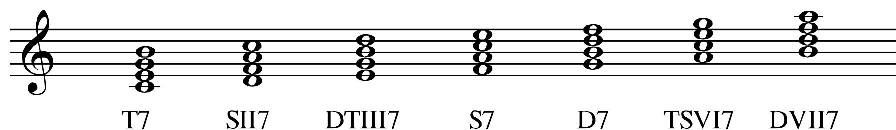
Các hợp âm phụ trong giọng thứ tự nhiên gồm ba hợp âm trưởng (hợp âm bậc III, bậc VI và bậc VII) và một hợp âm giảm (bậc II). Ví dụ hợp âm ba phụ của giọng La thứ :



§4. HỢP ÂM BẢY ÁT VÀ CÁC THỂ ĐẢO

4.1. Hợp âm bảy

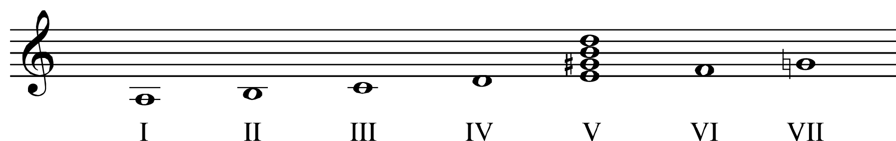
Trên tất cả hợp âm ba của giọng trưởng hoặc giọng thứ, nếu chồng thêm quãng ba sẽ được hệ thống các hợp âm bảy. Hợp âm bảy gồm có bốn âm xếp lên nhau theo quãng ba, tên của chúng là âm 1, âm 3, âm 5 và âm 7. Gọi là hợp âm bảy vì âm 1 và âm 7 âm tạo thành quãng bảy. Hợp âm bảy được viết bằng kí hiệu : tên công năng, số bậc rồi kèm theo số 7. Ví dụ các hợp âm bảy ở giọng Đô trưởng :



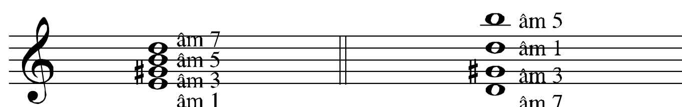
4.2. Hợp âm bảy át

Trong các hợp âm bảy, được dùng thông dụng nhất là hợp âm bảy át. Đó là hợp âm được xây dựng trên bậc V của giọng trưởng hoặc giọng thứ hoà thanh. Hợp âm bảy át có cấu trúc : âm 1, âm 3, âm 5 tạo thành hợp âm ba trưởng. Âm 1 và âm 7 tạo thành quãng 7 thứ.

Hợp âm bảy át có kí hiệu V7 hoặc D7. Ví dụ hợp âm bảy át ở của giọng La thứ hoà thanh :



Tên của các âm trong hợp âm bảy át (cũng như các hợp âm bảy khác) không thay đổi khi thay đổi vị trí trong hợp âm. Ví dụ :



4.3. Các thể đảo của hợp âm bảy át

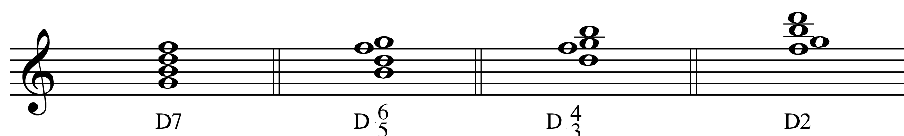
Hợp âm bảy át có ba thể đảo, tên của các thể đảo được gọi theo quãng giữa âm bè trầm với âm một và âm bảy của hợp âm.

Thể đảo một (hợp âm năm sáu) : Âm một chuyển lên một quãng 8, âm ba ở bè trầm. Kí hiệu V^{6}_{5} hoặc D^{6}_{5}.

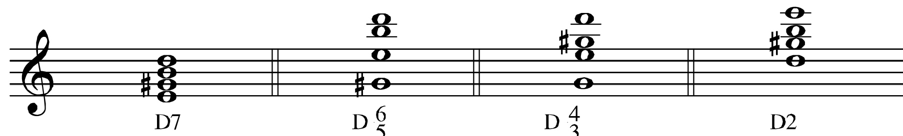
Thể đảo hai (hợp âm ba bốn) : Âm một và âm ba chuyển lên một quãng 8, âm năm ở bè trầm. Kí hiệu V^{4}_{3} hoặc D^{4}_{3}.

Thể đảo ba (hợp âm hai) : Âm một, âm ba và âm năm chuyển lên một quãng 8, âm bảy ở bè trầm. Kí hiệu V2 hoặc D2.

Ví dụ hợp âm bảy át của giọng Đô trưởng và ba thể đảo của nó :



Hợp âm bảy át và các thể đảo của nó có thể được sắp xếp rộng ra hai hoặc ba quãng 8. Ngoài âm bè trầm, các âm khác có thể thay đổi vị trí với nhau mà không làm thay đổi thể của hợp âm. Ví dụ hợp âm bảy át của giọng La thứ và ba thể đảo của nó :



Hợp âm bảy át là hợp âm nghịch vì thành phần của nó có chứa hai quãng nghịch. Quãng 7 thứ và quãng 5 giảm. Âm bảy là âm nghịch của hợp âm, vì nó kết hợp với âm một và âm ba tạo thành những quãng nghịch.

Vì là hợp âm nghịch nên hợp âm bảy át và các thể đảo của nó đòi hỏi phải được giải quyết theo nguyên tắc các âm không ổn định hút về các âm ổn định của giọng mà chủ yếu là về hợp âm chủ.

Các cách giải quyết của hợp âm bảy át như sau :

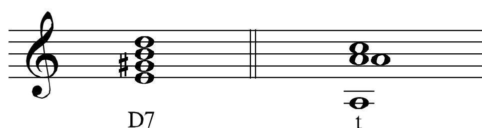
– Hợp âm bảy át gốc (D7) thường được giải quyết vào hợp âm chủ thiếu âm (Hợp âm chủ có 3 âm một và 1 âm ba không có âm năm).

+ Âm một của V7 nhẩy vào âm một của hợp âm chủ.

+ Âm ba và âm năm tiến liền bậc vào âm một của hợp âm chủ.

+ Âm bảy đi xuống liền bậc vào âm ba của hợp âm chủ.

Ví dụ giải quyết hợp âm bảy át của giọng La thứ về hợp âm chủ :



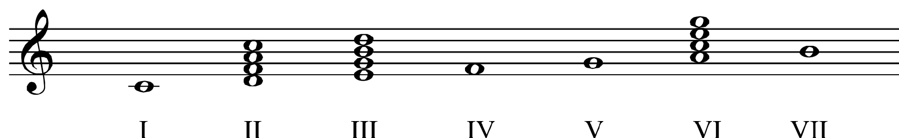
§5. HỢP ÂM BẢY THỨ VÀ MỘT SỐ HỢP ÂM KHÁC

5.1. Hợp âm bảy thứ

Hợp âm bảy thứ có cấu trúc : âm 1, âm 3, âm 5 tạo thành hợp âm ba thứ. Âm 1 và âm 7 tạo thành quãng 7 thứ. Hợp âm bảy thứ được viết bằng kí hiệu như : Cm7, Dm7, Em7...

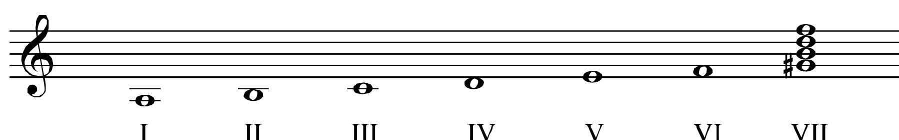
Hợp âm bảy thứ có màu sắc trung tính giữa hợp âm thứ và hợp âm trưởng, vì âm 1, âm 3, âm 5 tạo thành hợp âm ba thứ, đồng thời âm 3, âm 5, âm 7 lại tạo thành hợp âm ba trưởng.

Ví dụ trên các bậc II, bậc III, bậc VI của giọng Đô trưởng, xây dựng được các hợp âm bảy thứ sau :

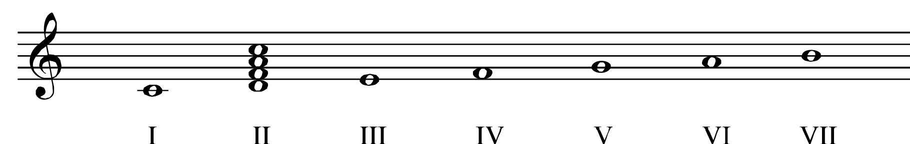


5.2. Một số hợp âm khác

– Hợp âm bảy dẫn : Là hợp âm bảy được xây dựng trên bậc VII của giọng trưởng hoặc giọng thứ hoà thanh. Gọi là hợp âm bảy dẫn do bậc một của hợp âm này là âm dẫn (cảm âm) của điệu thức. Kí hiệu của hợp âm : DVII7 hoặc VII7. Ví dụ hợp âm bảy dẫn của giọng La thứ hoà thanh :

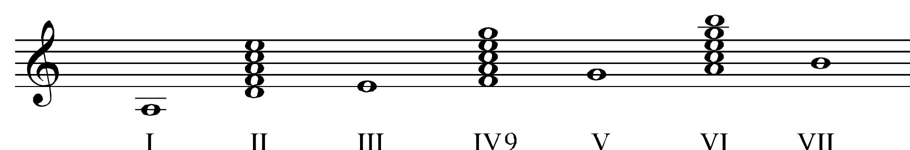


– Hợp âm bảy hạ át : Là hợp âm bảy được xây dựng trên bậc II của giọng trưởng hoặc giọng thứ. Kí hiệu SII7 hoặc II7. Ví dụ hợp âm bảy hạ át của giọng Đô trưởng :



Hợp âm bảy hạ át của giọng trưởng là hợp âm bảy thứ. Hợp âm bảy hạ át của giọng thứ là hợp âm bảy thứ có bậc 5 giảm.

– Hợp âm chín : Là hợp âm gồm 5 âm được chồng lên nhau theo quãng ba. Ví dụ :



Ngoài các hợp âm ba, hợp âm bảy, hợp âm chín, còn các hợp âm khác như hợp âm 11, hợp âm 13.

§6. PHÂN LOẠI HỢP ÂM, KÍ HIỆU NÂNG CAO HOẶC HẠ THẤP CÁC BẬC CỦA HỢP ÂM

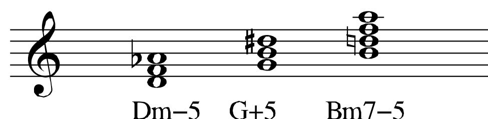
6.1. Phân loại hợp âm

– Hợp âm thuận : Là hợp âm tạo cho người nghe cảm giác hài hoà, thuận tai, ổn định. Hợp âm thuận có hợp âm ba trưởng và hợp âm ba thứ vì chúng được hình thành từ các quãng thuận (3 trưởng, 3 thứ và 5 đúng).

– Hợp âm nghịch : Là hợp âm tạo cho người nghe cảm giác không ổn định, nghịch tai, đòi hỏi giải quyết về hợp âm thuận. Hợp âm nghịch gồm các hợp âm ba tăng, ba giảm, hợp âm 7, hợp âm 9, hợp âm 11...

6.2. Kí hiệu nâng cao hoặc hạ thấp các bậc của hợp âm

Muốn nâng cao (nửa cung) hoặc hạ thấp (nửa cung) các bậc cơ bản của hợp âm, phải dùng dấu + hoặc dấu – trước số chỉ bậc. Ví dụ :

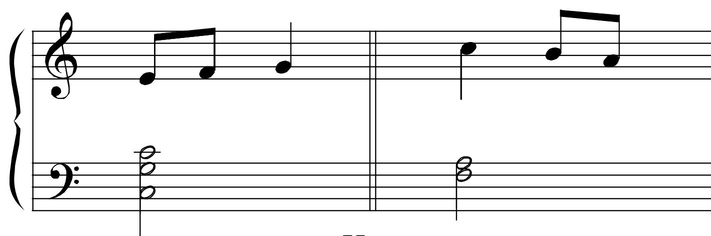


6.3. Các âm ngoài hợp âm

Âm ngoài hợp âm là âm nằm trên giai điệu nhưng không có trong thành phần của hợp âm đệm cho giai điệu đó. Các âm ngoài hợp âm thuộc hệ thống Diatonic hoặc Cromatic.
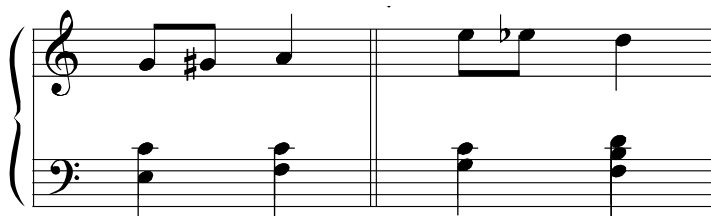
Các dạng âm ngoài hợp âm chủ yếu :

– Âm lướt : Là âm ngoài hợp âm nằm ở phách yếu hay phần yếu của phách. Âm lướt nối liền bậc đi lên hay đi xuống giữa hai âm khác tên của một hợp âm hay của hai hợp âm khác nhau. Ví dụ âm lướt Diatonic :



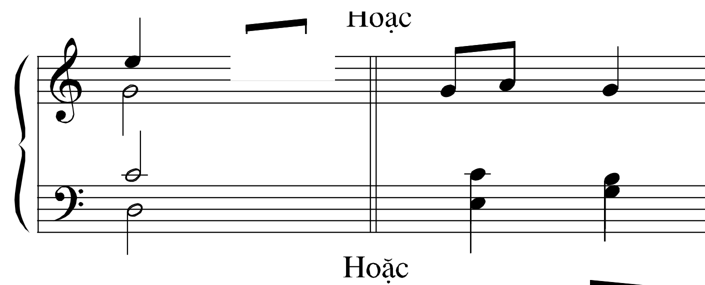
Hoặc

Ví dụ âm lướt Cromatic :

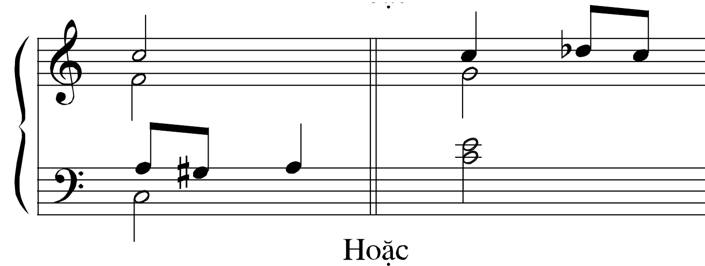


Hoặc

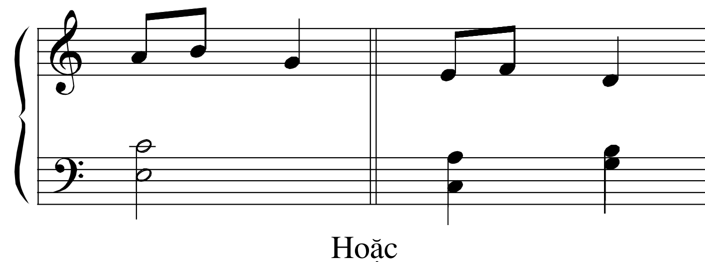
– Âm thêu : Âm thêu là âm ngoài hợp âm nằm ở phách yếu hoặc phần yếu của phách. Nó đứng giữa hai âm cùng tên của một hợp âm hay hai hợp âm khác nhau. Âm thêu có thể ở cao hơn hay thấp hơn hai âm của hợp âm một quãng 2 trưởng hoặc 2 thứ. Ví dụ âm thêu Diatonic :



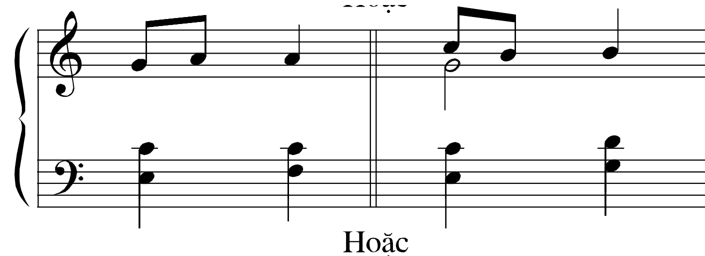
Ví dụ âm thêu Cromatic :
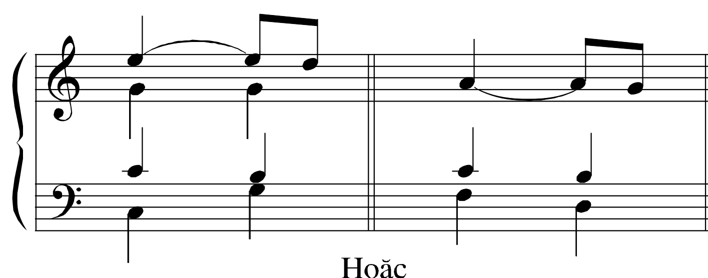


– Âm thoát : Âm thoát là âm thêu ở trên nhưng sau đó đi xuống một quãng ba. Ví dụ :



– Âm sớm : Âm sớm là âm của hợp âm sau nhưng lại xuất hiện sớm hơn ở phách yếu của nhịp trước hay phần yếu của phách trước. Nó làm hợp âm sau được nhấn mạnh hơn. Ví dụ :



– Âm muộn : Là âm ngoài hợp âm nằm ở phách mạnh hoặc phần mạnh của phách. Âm muộn là âm của hợp âm trước được kéo dài sang hợp âm sau, đẩy âm chính của hợp âm sau sang phách yếu. Ví dụ :



§7. CÁC LOẠI KẾT, ĐẶT HỢP ÂM CHO CA KHÚC

7.1. Các loại kết

Kết là vòng hoà thanh có cấu trúc riêng biệt dùng để kết thúc một phần hoặc toàn bộ tác phẩm âm nhạc.

Trong âm nhạc có các loại kết sau :

– Kết nửa : Là loại kết có hợp âm cuối là D hoặc S, kết nửa mang tính chất không ổn định.

– Kết hẳn (kết trọn) : Là loại kết có hợp âm cuối là T, kết hẳn mang tính chất ổn định, kết thúc hoàn toàn.

Đoạn nhạc có hai câu, thông thường, câu 1 được kết nửa, câu 2 được kết hẳn. Kết hẳn lại gồm các loại :

+ Kết chính cách : Trước hợp âm chủ là hợp âm át (D – T).

+ Kết biến cách : Trước hợp âm chủ là hợp âm hạ át (S – T).

+ Kết đầy đủ : Trước hợp âm chủ là hợp âm hạ át và hợp âm át (S – D – T).

7.2. Đặt hợp âm cho ca khúc

Đối với ca khúc, không cần đặt hợp âm theo từng nốt nhạc của giai điệu, cách đó chỉ thích hợp với việc phối âm cho bài hợp xướng bốn bè. Ca khúc không thể làm như vậy vì như thế vừa rườm rà và khó thực hiện, tay bấm hợp âm không thể chuyển kịp từng nốt.

Đệm cho ca khúc chỉ đặt hợp âm cho từng nhịp, với những nhịp có tính chất giống nhau thì cũng chỉ cần dùng một hợp âm.

Một số nguyên tắc đặt hợp âm cho ca khúc :

– Cần xác định giọng điệu của bản nhạc và những hợp âm chính, hợp âm phụ đệm cho bản nhạc.

– Hợp âm thường đặt vào phách mạnh hoặc phách mạnh vừa.

– Hợp âm cần đặt vào nốt nhạc ngân dài.

– Các hợp âm cần chuyển động linh hoạt, tạo nên sự đa dạng màu sắc.

– Nốt nhạc nằm ở phách mạnh đôi khi là nốt ngoài hợp âm.

– Hợp âm cần tôn vẻ đẹp của giai điệu, phù hợp với tính chất âm nhạc và cảm nhận tai nghe.

Tham khảo cách đặt hợp âm qua ví dụ sau.

Tình yêu màu xanh

ANDRE POPP

Allegretto

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

a) Câu hỏi

1. Trình bày khái niệm về hợp âm ?

2. Thế nào là hợp âm ba ? Tên các loại hợp âm ba ?

3. Trình bày cấu trúc từng loại hợp âm ba. Trong các hợp âm này hợp âm nào là hợp âm thuận và hợp âm nào là hợp âm nghịch ? Vì sao ?

4. Các âm của hợp âm ba được gọi như thế nào ?

5. Thế nào là thể cơ bản (thể gốc) của hợp âm ? Ngoài thể gốc hợp âm còn có những thể nào ?

6. Hợp âm ba có mấy thể đảo ? Các thể đảo được hình thành như thế nào ? Tên gọi và kí hiệu của chúng ?

7. Hợp âm ba xây dựng trên các bậc nào của điệu thức thì gọi là hợp âm chính ? Trình bày kí hiệu của các hợp âm chính ?

8. Các hợp âm chính có ý nghĩa như thế nào trong điệu thức ?

9. Giới thiệu các hợp âm chính của giọng trưởng tự nhiên ?

10. Giới thiệu các hợp âm chính của giọng thứ tự nhiên ?

11. Giới thiệu các hợp âm chính của giọng trưởng hoà thanh ?

12. Giới thiệu các hợp âm chính của giọng thứ hoà thanh ?

13. Cách gọi tên và kí hiệu của các hợp âm phụ ?

14. Thế nào là hợp âm bảy ?

15. Thế nào là các âm ngoài hợp âm ? Có các dạng âm ngoài hợp âm nào ?

b) Bài tập viết

1. Xây dựng hợp âm ba trưởng, ba thứ, ba tăng, ba giảm trên các âm Rê1, Fa1, La1.

2. Xây dựng hợp âm bảy át trên các âm Mi1, Sol1, Si1.

3. Sử dụng những kiến thức đã học để viết một đoạn nhạc ở giọng Đô trưởng (8 nhịp), số chỉ nhịp $\frac{2}{4}$. Dùng các hợp âm C, F, G7 đặt vào những chỗ thích hợp.

4. Sử dụng những kiến thức đã học để viết một đoạn nhạc ở giọng La thứ (8 nhịp), số chỉ nhịp $\frac{3}{4}$. Dùng các hợp âm Am, Dm, C, F, G, E7 đặt vào những chỗ thích hợp.

5. Sử dụng những kiến thức đã học để viết một đoạn nhạc ở giọng Son trưởng (8 nhịp), số chỉ nhịp $\frac{4}{4}$. Dùng các hợp âm G, Em, Am, D7 đặt vào những chỗ thích hợp.

6. Sử dụng những kiến thức đã học để viết một đoạn nhạc ở giọng Mi thứ (8 nhịp), số chỉ nhịp $\frac{3}{8}$. Dùng các hợp âm Em, Am, C, G, B7 đặt vào những chỗ thích hợp.

7. Sử dụng những kiến thức đã học để viết một đoạn nhạc ở giọng Fa trưởng (8 nhịp), số chỉ nhịp $\frac{6}{8}$. Dùng các hợp âm F, Bb, Gm, Dm, C7 đặt vào những chỗ thích hợp.

8. Sử dụng những kiến thức đã học để viết một đoạn nhạc ở giọng Rê thứ (8 nhịp), số chỉ nhịp $\frac{2}{2}$. Dùng các hợp âm Dm, F, Gm, Bb, A7 đặt vào những chỗ thích hợp.

9. Dùng các hợp âm C, F, G7, Dm, Am, E7 để đệm cho giai điệu sau.

Đổi bạn nhảy

nl

PATTI PAGE TI PAGE

♩=88

10. Đặt hợp âm cho bài hát sau :

Cô giáo

Nhạc : ĐỖ MẠNH THƯỜNG
Lời : Thơ NGUYỄN HỮU TƯỞNG

Nhịp vừa – Tình cảm

Mẹ của em ở trường là cô
Dạy từng câu từng lời từng nét

giáo mến thương. Cô yêu em vô
bút dáng đi. Mong cho em nên

hạn, dạy dỗ em ngày tháng
người thành cháu ngoan của Bác Em yêu

biết bao nhiêu, mẹ của em ở trường. Mẹ của

em ở trường, là cô giáo mến thương.

11. Đặt hợp âm cho bài hát sau :

Mùa hè ước mong

Tươi vui – Náo nức *Nhạc và lời* : HOÀNG LONG–HOÀNG LÂN

Khi con chim tu hú gọi
(Em mong) đi thăm núi một

bầy trái chín cây treo đầy vườn. Lúa lúa
ngày. Núi khuất mây sương mờ mờ. Có tiếng

chiêm ngát thơm ngoài đồng, đầy đường nghe tiếng ve râm
chim ríu ran gọi bầy. Rừng toả hương ngất ngây như

ran. Cao xanh xanh lấp lánh tầng mây, gió vi
say. Em mong ra tới chốn biển khơi sóng đung

vu nâng cánh diều bay. Mùa hè sang, ngày hè
đưa con nước đầy vơi. Mùa hè sang, cười giòn

1

vui. Cất tiếng hát thầy trò tạm chia tay nhau.

2

Em mong...

tan, thú biết bao! Yêu sao những ngày hè vui.

12. Đặt hợp âm cho bài hát sau :

Trường làng tôi

Nhạc và lời: PHẠM TRỌNG CẦU

(Nhạc ....

....

....) Trường làng

tôi cây xanh lá vây quanh muôn chim hót vang lên êm đềm.

Lên trường tôi con đê bé xinh xinh len qua đám cây

xanh nhẹ lướt. Trường làng tôi hai gian lá đơn

sơ che trên miếng sân vuông mơ màng. Trường làng

tôi không giây phút tôi quên dù cách xa muôn trùng trường

ơi! Nơi sống bao mái đầu xanh màu đời tươi như

bao lá xanh lá xanh. Theo tháng ngày sống vui miệt

mài quên năm tháng ấm ngôi trường tôi. Nơi sống

vui bao trẻ nô đùa cùng nhau vang hát khúc ca vô

tư. Cho đến ngày chiến cuộc lan tràn quân Pháp lên đốt

ngôi trường xưa. Trường làng tôi nay vang tiếng ê

a nay in bóng bao em nô đùa. Trường làng tôi không

giây phút tôi quên nơi sống bao kỷ niệm ngày xanh.

c) Bài tập trên đàn

1. Đàn hợp âm ba trưởng, ba thứ trên các âm gốc là Rê1, Fa1, La1.

2. Đàn hợp âm bảy át trên các âm gốc là Mi1, Sol1, Si1.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI CÂU HỎI

Câu 1. Trình bày khái niệm về hợp âm ?

Để trả lời câu hỏi này, cần đọc giáo trình ở mục 1.1.

Câu 2. Thế nào là hợp âm ba ? Tên các loại hợp âm ba ?

Hợp âm ba gồm có ba âm xếp lên nhau theo quãng ba.

Tên các loại hợp âm ba : ba trưởng, ba thứ, ba tăng, ba giảm.

Câu 3. Trình bày cấu trúc từng loại hợp âm ba. Trong các hợp âm này hợp âm nào là hợp âm thuận và hợp âm nào là hợp âm nghịch ? Vì sao ?

Để trả lời câu hỏi này, cần đọc giáo trình ở mục 1.2.

Câu 4. Các âm của hợp âm ba được gọi như thế nào ?

Âm 1, âm 3 và âm 5.

Câu 5. Thế nào là thể cơ bản (thể gốc) của hợp âm ? Ngoài thể gốc hợp âm còn có những thể nào ?

Để trả lời câu hỏi này, cần đọc giáo trình ở mục 1.3.

Câu 6. Hợp âm ba có mấy thể đảo ? Các thể đảo được hình thành như thế nào ? Tên gọi và kí hiệu của chúng ?

Để trả lời câu hỏi này, cần đọc giáo trình ở mục 1.3.

Câu 7. Hợp âm ba xây dựng trên các bậc nào của điệu thức thì gọi là hợp âm chính ? Trình bày kí hiệu của các hợp âm chính ?

Hợp âm ba xây dựng trên các bậc I, IV và V của điệu thức thì gọi là hợp âm chính.

Hợp âm ba xây dựng trên bậc I là T, xây dựng trên bậc IV là S, xây dựng trên bậc V là D.

Câu 8. Các hợp âm chính có ý nghĩa như thế nào trong điệu thức ?

Các hợp âm này thể hiện rõ tính chất của điệu thức, chứa đầy đủ các âm trong điệu thức.

Câu 9. Giới thiệu các hợp âm chính của giọng trưởng tự nhiên ?

Để trả lời câu hỏi này, cần đọc giáo trình ở mục 2.1.

Câu 10. Giới thiệu các hợp âm chính của giọng thứ tự nhiên ?

Để trả lời câu hỏi này, cần đọc giáo trình ở mục 2.2.

Câu 11. Giới thiệu các hợp âm chính của giọng trưởng hoà thanh ?

Bậc I : hợp âm ba trưởng.

– Bậc IV : hợp âm ba thứ.

– Bậc V : hợp âm ba trưởng.

Câu 12. Giới thiệu các hợp âm chính của giọng thứ hoà thanh ?

– Bậc I : hợp âm ba thứ.

– Bậc IV : hợp âm ba thứ.

– Bậc V : hợp âm ba trưởng.

Câu 13. Cách gọi tên và kí hiệu của các hợp âm phụ ?

Để trả lời câu hỏi này, cần đọc giáo trình ở mục 3.1 và 3.2.

Câu 14. Thế nào là hợp âm bảy ?

Để trả lời câu hỏi này, cần đọc giáo trình ở mục 4.1.

Câu 15. Thế nào là các âm ngoài hợp âm ? Có các dạng âm ngoài hợp âm nào ?

Để trả lời câu hỏi này, cần đọc và tóm tắt những ý chính ở mục 6.3.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI TẬP VIẾT

Bài tập 1. Xây dựng hợp âm ba trưởng, ba thứ, ba tăng, ba giảm trên các âm Rê1, Fa1, La1.

– Hợp âm Rê trưởng : cần viết âm gốc là âm Rê1 sau đó xác định âm 3 và âm 5 phù hợp với yêu cầu của bài tập (Rê – Fa thăng – La).

– Tiến hành tương tự với các hợp âm còn lại.

Bài tập 3. Sử dụng những kiến thức đã học để viết một đoạn nhạc ở giọng Đô trưởng (8 nhịp), số chỉ nhịp $\frac{2}{4}$. Dùng các hợp âm C, F, G7 đặt vào những chỗ thích hợp.

– Mục tiêu của bài tập này không phải để viết được những giai điệu hay, mà người học cần thể hiện đúng những yêu cầu của bài tập.

– Đoạn nhạc viết ở giọng Đô trưởng không viết hoá biểu.

– Cần xác định trước các hợp âm sẽ đặt cho nhịp nào. Ví dụ hợp âm C đặt cho nhịp 1, 2 ; hợp âm F đặt cho nhịp 3, 4 ; hợp âm G7 đặt cho nhịp 5, 6 ; hợp âm C đặt cho nhịp 7, 8.

– Sau khi xác định được vị trí của hợp âm, những nhịp đó cần sử dụng nhiều âm nằm trong hợp âm. Ví dụ nhịp 3, 4 sử dụng nhiều âm Fa, La ; nhịp 5, 6 sử dụng nhiều âm Sol, Si.

– Âm kết thúc bản nhạc là âm Đô.

Thực hiện một số bài tập tiếp theo tương tự.

HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH BÀI TẬP TRÊN ĐÀN

Bài tập 1. Đàn hợp âm ba trưởng, ba thứ trên các âm gốc là Rê1, Fa1, La1.

– Xác định các âm trong hợp âm. Ví dụ hợp âm Rê trưởng gồm 3 âm Rê – Fa thăng – La.

– Đàn lần lượt từng âm, kết hợp đọc tên từng âm.

– Đàn đồng thời 3 âm.

Thực hiện các hợp âm tiếp theo tương tự.

Chương VII
GIAI ĐIỆU VÀ SẮC THÁI ÂM NHẠC

Mục tiêu

Cung cấp cho người học những kiến thức :

- Giai điệu và sắc thái.
- Kí hiệu diễn tả cường độ.
- Âm tô điểm.
- Kí hiệu một số thủ pháp biểu diễn.

§1. GIAI ĐIỆU VÀ SẮC THÁI

1.1. Giai điệu

Sự kết hợp những thuộc tính của âm thanh như cao độ, trường độ, cường độ và âm sắc tạo nên giai điệu, tiết tấu và hoà âm. Đó là ba yếu tố cơ bản của hầu hết các tác phẩm âm nhạc.

– Giai điệu : Là sự nối tiếp các âm dựa trên cơ sở của giọng điệu, tiết nhịp, tiết tấu.

– Tiết tấu : Tiết tấu là tương quan trường độ của các âm thanh nối tiếp nhau.

– Hoà âm : Là việc sử dụng các hợp âm để bổ sung, kết hợp với các đường nét của giai điệu.

Giai điệu trong tác phẩm âm nhạc luôn chuyển động theo các chiều đi lên, đi xuống, đi ngang, lượn sóng. Khi giai điệu lên tới điểm lên cao nhất, điểm đó được gọi là cao trào của tác phẩm.

Trong âm nhạc còn có những tiết tấu đặc trưng, hình thành từ các điệu nhảy trong âm nhạc dân gian và nhạc nhẹ, gọi là tiết điệu (Rhythm hoặc Styles). Tiết điệu thường được ghi ở đầu bản nhạc cùng với nhịp độ. Một số tiết điệu đặc trưng :

– Nhịp $\frac{2}{4}$: Pop (Beat $\frac{2}{4}$), Country, Two Step, Polka, Foxtrot...

– Nhịp $\frac{3}{4}$: Waltz, Slow Waltz, Musette, Jazz Waltz...

– Nhịp $\frac{4}{4}$: Pop (Beat $\frac{4}{4}$), Disco, March, Cha Cha Cha, Rhumba, Tango, Twist, Swing, Samba, Reggae...

– Nhịp $\frac{6}{8}$: Slow Rock, Modern $\frac{6}{8}$ ...

1.2. Sắc thái

Sắc thái là sự diễn tả tính chất, đặc điểm, cảm xúc của tác phẩm âm nhạc. Mỗi tác phẩm âm nhạc đều chứa đựng những giai điệu, nội dung và sắc thái riêng biệt. Sắc thái là điều không thể thiếu trong nghệ thuật âm nhạc.

Tương tự cách ghi nhịp độ, tiếng Italia là ngôn ngữ phổ biến để ghi sắc thái âm nhạc.

Tiếng Italia	*Ý nghĩa tiếng Việt*
Affettusso	Thân mật
Agitato	Xao xuyến
Amabile	Dễ thương
Amoroso	Tình tứ
Brioso	Hùng hồn
Cantabile	Du dương
Con anima	Có hồn
Con dolore	Đau đớn
Con dolocatzza	Thanh nhã
Con expressimo	Tình cảm
Con fuoco	Nhiệt tình
Con moto	Thêm linh hoạt
Con spirito	Có tinh thần
Delicato	Tế nhị
Disparato	Tuyệt vọng
Dolce	Êm ái
Dolcissimo	Rất êm ái
Doloroso	Đau khổ
Dramatico	Bi ai
Energico	Cương quyết
Expressivo	Diễn cảm
Furioso	Giận dữ
Grazioso	Duyên dáng
Malinconico	Sầu não
Maestoso	Uy nghiêm
Mesto	Buồn
Mosso	Nhộn nhịp

Tiếng Italia	*Ý nghĩa tiếng Việt*
Religioso	Thành kính
Risoluto	Quả quyết
Scherzando	Hơi vui nhộn
Scherrzo	Vui nhộn
Tempo giusto	Đứng đắn

§2. KÍ HIỆU DIỄN TẢ CƯỜNG ĐỘ

Cường độ hay độ mạnh nhẹ của âm nhạc có ý nghĩa rất lớn trong việc thể hiện nội dung tác phẩm. Ngược lại, nội dung tác phẩm âm nhạc sẽ quyết định mức độ mạnh nhẹ trong tác phẩm đó.

Ví dụ, những bài hát ru thường được biểu diễn bằng cường độ nhỏ, nhẹ và êm ái. Ngược lại, những bản hành khúc mang tính chất chiến đấu thường ở cường độ mạnh mẽ, huy hoàng...

Trong tác phẩm âm nhạc, sự thay đổi cường độ diễn ra rất tinh tế. Có hai cách diễn tả cường độ là cường độ cố định và cường độ thay đổi.

2.1. Cường độ cố định

Cường độ cố định được viết bằng các kí hiệu :

Viết	*Ý nghĩa*
ppp	Cực nhỏ
pp (Pianissimo)	Rất nhỏ
p (Piano)	Nhỏ
mp (Mezzo piano)	Hơi nhỏ
mf (Mezzo forte)	Hơi to
f (Forte)	Mạnh
ff (Fortissimo)	Rất mạnh
fff	Cực mạnh

2.2. Cường độ thay đổi

Cường độ thay đổi được viết bằng các kí hiệu :

Viết	*Ý nghĩa*
sf (Sforzando)	Mạnh đột ngột
cresc (Crescendo) hoặc dấu >	Mạnh lên

poco cresc (Poco a poco crescendo)	Mạnh dần lên
dim (Diminuendo) hoặc dấu <	Nhỏ lại
poco dim (Poco a poco diminuendo)	Nhỏ dần lại
più f (Più forte)	Mạnh hơn
meno f (Meno forte)	Bớt mạnh

Tham khảo ví dụ sau về cách ghi cường độ :

Bài tập số 8

(Trích trong Album cho thiếu nhi)

♩ = 92

số 8

SU-MAN

§3. ÂM TÔ ĐIỂM

3.1. Khái niệm về âm tô điểm

Trong tác phẩm âm nhạc, các âm tô điểm được ghi bằng những nốt nhỏ. Âm tô điểm là những âm hoặc nhóm âm bổ sung, tô điểm cho các âm chính của giai điệu. Trường độ của các âm tô điểm được tính vào độ dài của âm đứng trước hoặc đứng sau mà nó tô điểm. Do đó trường độ của các âm tô điểm không nằm trong tổng số phách của ô nhịp.

3.2. Âm dựa (còn gọi là âm luyến láy)

Âm dựa (còn gọi là nốt hoa mĩ hoặc âm luyến láy) có hai dạng là âm dựa ngắn và âm dựa dài.

– Âm dựa ngắn : gồm một hoặc vài âm được biểu diễn rất nhanh, gọn. Các âm dựa này có thể đứng trước hoặc sau âm chính.

Âm dựa ngắn có một âm được kí hiệu bằng một nốt móc đơn nhỏ có vạch chéo (𝅘𝅥𝅮). Âm dựa gồm hai, ba âm được kí hiệu bằng những nốt móc kép nhỏ ( ).

– Âm dựa dài : là âm tô điểm có trường độ bằng nửa trường độ của âm chính. Trường độ của âm này được tính vào trường độ của âm chính đứng sau nó.

Kí hiệu âm dựa dài là một nốt móc đơn nhỏ không có gạch chéo (♪). Ví dụ :

Một mùa xuân nho nhỏ

(Trích)

Nhạc : TRẦN HOÀN
Lời : Thơ THANH HẢI

Vừa phải

Mùa xuân mùa xuân một mùa xuân nho nhỏ lặng lẽ dâng cho

đời. Mùa xuân mùa xuân mùa xuân tôi xin hát khúc Nam ai Nam

bằng. Nước non ngàn dặm tình. Nước non ngàn dặm mình đất

1. *Huế nhịp phách tiền. Mùa xuân mùa...*

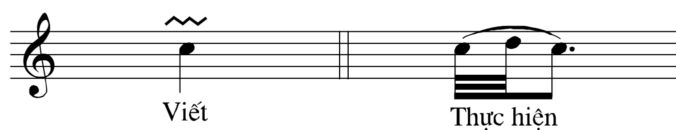
2. *Huế. Nhịp phách tiền.*

3.3. Âm vỗ

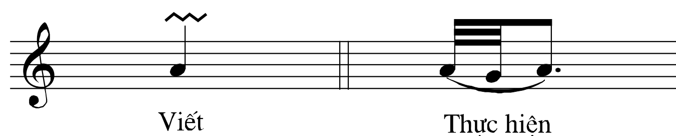
Âm vỗ được cấu tạo từ âm thêu với âm chính của giai điệu. Âm thêu là âm liền kề cách âm chính quãng 2 (trưởng hoặc thứ) ở trên hay ở dưới.

Âm vỗ bao gồm ba âm : Âm chính – Âm thêu – Âm chính.

Khi viết dấu ⁓ : âm thêu cao hơn âm chính quãng 2. Ví dụ :

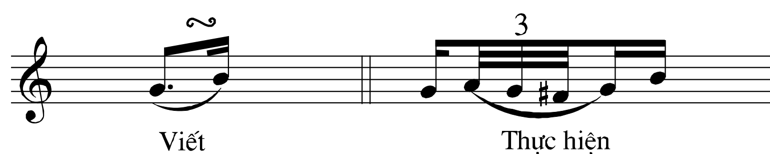


Khi viết dấu ⩚ : âm thêu thấp hơn âm chính quãng 2. Ví dụ :

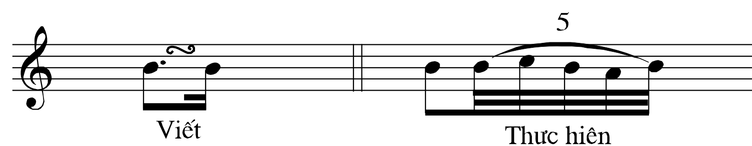


3.4. Láy chùm

Láy chùm được ghi bằng kí hiệu (∽), viết trên một nốt nhạc hoặc giữa hai nốt. Cách thực hiện tuỳ vào chỗ đặt dấu. Ví dụ :



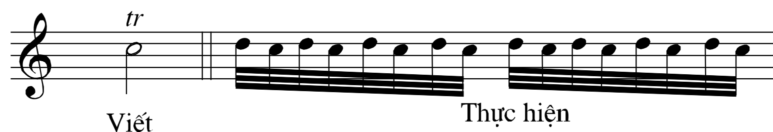
Hoặc :



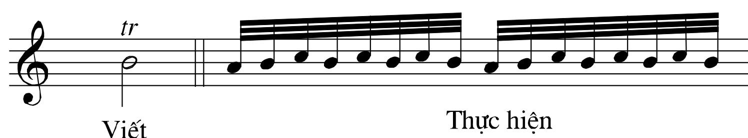
3.5. Lấy rền

Láy rền được ghi bằng kí hiệu (tr. . . . . hoặc tr), viết trên nốt nhạc. Có ba cách thực hiện láy rền :

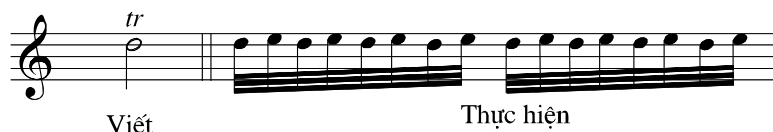
– Bắt đầu từ âm thêu trên. Ví dụ :



–Bắt đầu từ âm thêu dưới. Ví dụ :



–Bắt đầu từ âm chính. Ví dụ :



§4. KÍ HIỆU MỘT SỐ THỦ PHÁP BIỂU DIỄN

4.1. Dấu nhấn

Dấu nhấn được ghi bằng kí hiệu (>), dùng nhấn mạnh vào âm thanh của giai điệu hoặc hợp âm. Ví dụ :

Lên đàng

(Trích)

Nhịp đi

Nhạc : LƯU HỮU PHƯỚC

Lời : HUỲNH VĂN TIỂNG – LƯU HỮU PHƯỚC

Nào anh em ta cùng nhau xông pha lên đàng kiếm nguồn tươi

sáng. Ta nguyện đồng lòng điểm tô non sông, từ nay ra sức anh

tài. Đoàn ta chen vai nề chi chông gai lên đàng, ta người Việt

Nam. Nhìn tương lai huy hoàng, đoàn ta bước lên đàng cùng hiên ngang hát vang

4.2. Dấu Legato

Dấu Legato được ghi bằng kí hiệu : ‿ hoặc ⁀ .

Dấu Legato là cách biểu diễn sao cho âm thanh được hoà quyện, liền tiếng, mềm mại, không bị ngắt rời.

Ví dụ trong nhạc không lời :

Giai điệu

(Trích) **SU–MAN**

♩=116

p

Trong ca khúc, dấu Legato còn được gọi là dấu luyến. Ví dụ :

Biết ơn Võ Thị Sáu

(Trích)

Nhạc và lời : NGUYỄN ĐỨC TOÀN

Vừa phải

Người thiếu nữ ấy như mùa xuân , chị đã dâng cả cuộc

đời. Để chiến đấu với bao niềm tin, dù chết vẫn không lùi

bước. Chị Sáu đã hy sinh rồi, giọng hát vẫn như còn

vang dội vào trái tim những người đang sống, giục

đi lên không bao giờ lùi.

4.3. Dấu Staccato

Dấu Staccato được ghi bằng dấu chấm đặt trên hoặc dưới nốt nhạc, là cách biểu diễn ngắt gọn âm thanh của giai điệu hoặc hợp âm (xem trong bài *Lên đàng*).

4.4. Dấu Portamento
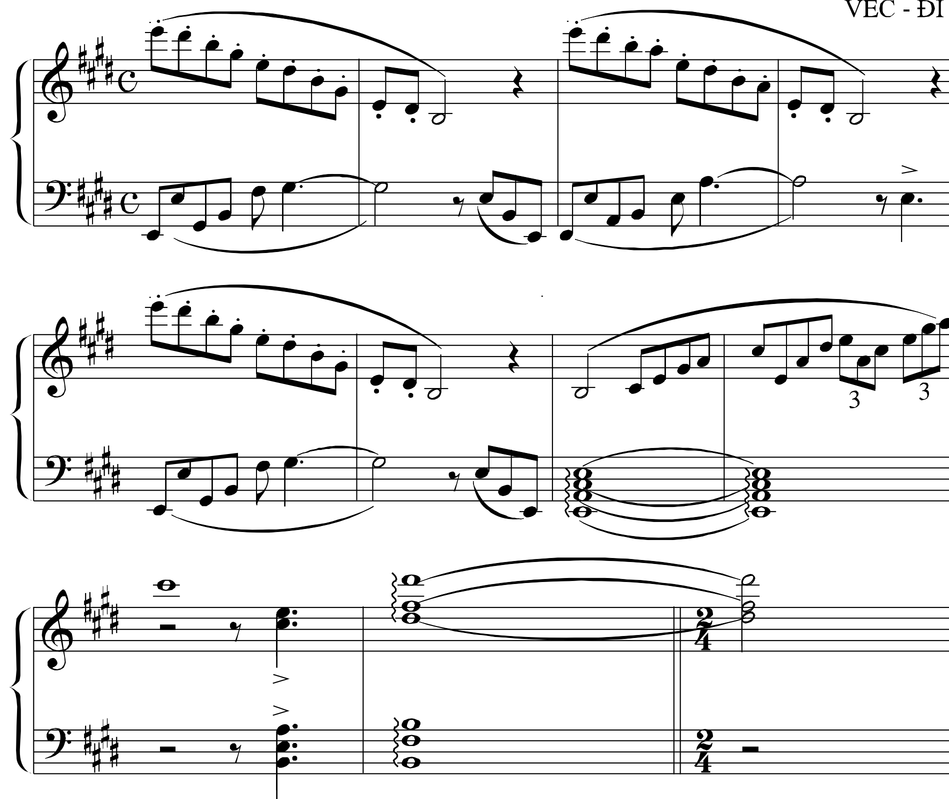
Dấu Portamento hoặc Glissendo được ghi bằng kí hiệu (hoặc), là cách lướt theo gam Cromatic (đàn piano là gam Diatonic) đi lên hoặc đi xuống, tạo thành chuỗi âm liền bậc giữa hai âm cách nhau một quãng rộng. Ví dụ giai điệu viết cho đàn violon cell :

4.5. Dấu Arpegiato

Dấu Arpegiato được viết theo hình làn sóng, đặt dọc phía trước hợp âm, là cách biểu diễn các nốt trong hợp âm rời ra, từ dưới lên trên nối tiếp nhau với tốc độ nhanh. Ví dụ :

Trà hoa nữ

(Trích)



CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

a) Câu hỏi

1. Giai điệu là gì ?
2. Sắc thái là gì ?
3. Kể tên các cách diễn tả cường độ ?
4. Thế nào là âm tô điểm ?

b) Bài tập viết

1. Sử dụng những kiến thức đã học để viết một đoạn nhạc ở giọng Đô trưởng (8 nhịp), số chỉ nhịp $\frac{2}{4}$. Dùng các kí hiệu diễn tả cường độ, âm tô điểm viết vào những chỗ thích hợp.

2. Sử dụng những kiến thức đã học để viết một đoạn nhạc ở giọng La thứ (8 nhịp), số chỉ nhịp $\frac{3}{4}$. Dùng các kí hiệu diễn tả sắc thái, cường độ, âm tô điểm viết vào những chỗ thích hợp.

c) Bài tập trên đàn

Thực hiện trên đàn piano hoặc đàn phím điện tử giai điệu sau :

Valse Favorite

Allegro

MÔ - DA

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI CÂU HỎI

Câu 1. Giai điệu là gì ?

Là sự nối tiếp các âm dựa trên cơ sở của giọng điệu, tiết nhịp, tiết tấu.

Câu 2. Sắc thái là gì ?

Sắc thái là sự diễn tả tính chất, đặc điểm, cảm xúc của tác phẩm âm nhạc.

Câu 3. Kể tên các cách diễn tả cường độ ?

Có hai cách diễn tả cường độ là cường độ cố định và cường độ thay đổi.

Câu 4. Thế nào là âm tô điểm ?

– Để trả lời câu hỏi này, cần đọc giáo trình ở mục 3.1.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI TẬP VIẾT

Bài tập 1. Sử dụng những kiến thức đã học để viết một đoạn nhạc ở giọng Đô trưởng (8 nhịp), số chỉ nhịp $\frac{2}{4}$. Dùng các kí hiệu diễn tả cường độ, âm tô điểm viết vào những chỗ thích hợp.

– Mục tiêu của bài tập này không phải để viết được giai điệu hay, mà người học cần thực hiện đúng những yêu cầu của bài tập.

– Đoạn nhạc viết ở giọng Đô trưởng không viết hoá biểu.

– Chỉ cần dùng 1–2 kí hiệu diễn tả cường độ, dùng 1–2 âm tô điểm.

– Âm kết thúc bản nhạc là âm Đô.

Thực hiện bài tập 2 tương tự.

HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH BÀI TẬP TRÊN ĐÀN

Thực hiện trên đàn piano hoặc đàn phím điện tử đoạn trích của bản *Valse Favorite* :

– Đàn chậm từng âm kết hợp đọc tên nốt nhạc.

– Sắp xếp ngón tay hợp lí.

– Thể hiện rõ phách mạnh và phách nhẹ của nhịp $\frac{3}{4}$.

– Luyện giai điệu cho thuần thục để thể hiện đúng tính chất Legato.

THUẬT NGỮ ÂM NHẠC

Viết	*Ý nghĩa tiếng Việt*
A cappella	Hợp xướng không nhạc đệm
Accolade (Pháp)	Dấu liên kết các khuông nhạc
Accord	Hợp âm
Alto	Giọng nữ trầm
Barrcaroll	Bài hát của người chèo thuyền
Basse	Giọng nam trầm
Cadenza	Khúc ứng tác
Canon	Hát đuổi
Coda	Kết
Divisi	Chia bè
Dominante	Âm át
Dynamic	Cường độ
Fuga	Phức điệu
Legato	Luyến
Marcato	Nhấn
March	Hành khúc
Melody	Giai điệu
Music	Âm nhạc
Nocturne	Dạ khúc
Non legato	Không luyến
Nuance	Sắc thái
Opus	Công trình, sáng tác
Ouverture	Khúc dạo đầu
Polonaise	Điệu nhảy Ba Lan
Requiem	Khúc cầu hồn
Romance	Lãng mạn
Soprano	Giọng nữ cao
Sousdominante	Âm hạ át
Tempo	Tốc độ
Tenor	Giọng nam cao
Tone	Âm sắc, âm thanh
Tonique	Âm chủ
Transpose	Dịch giọng
Tutti	Tất cả nhạc cụ
Vibrato	Rung
Voice	Tiếng, âm sắc

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. V.A. Vakhrameev, *Lí thuyết âm nhạc cơ bản*, NXB Âm nhạc, 1993.
2. Spasobine, *Lý thuyết âm nhạc*, NXB Âm nhạc.
3. Spasobine – Doubovski – EBceev, Sokolov, *Sách giáo khoa hoà thanh*, NXB Âm nhạc, 1966.
4. Chiulin, Privano,*Sách giáo khoa hoà thanh*, Nhạc viện Thành phố HCM, 1987.
5. Eric Taylor, *The AB Guide to Music Theory, The Associatet Board of the Royal School of Misic.*
6. Walter Piston, *Harmony* – London Victor Gollancz LTD 1989.
7. *Harvard Dictionary of Misic*, The Belknap Press of Harvard Univesity Press.
8. Phạm Tú Hương– Vũ Nhật Thăng, *Sách giáo khoa hoà thanh*, NXB Âm nhạc, 1993.
9. Phạm Tú Hương, *Lí thuyết âm nhạc cơ bản*, NXB Đại học Sư phạm, 2004.
10. Phạm Minh Khang, *Sách giáo khoa hoà thanh,* Nhạc viện Hà Nội, 2001.
11. Vũ Tự Lân– Lê Thế Hào, *Phương pháp hát và chỉ huy dàn dựng hát tập thể*, NXB Giáo dục, 1998.
12. Đỗ Hải Lễ, *Lý thuyết âm nhạc cơ bản*, Trường Cao đẳng Sư phạm Nhạc Hoạ Trung ương, 2003.
13. Hoàng Long– Hoàng Lân, *Tuyển tập âm nhạc tuổi thơ*, NXB Giáo dục, 2003.
14. Hoàng Long (chủ biên phần Âm nhạc), *Nghệ thuật 1, 2, 3*, NXB Giáo dục, 2002, 2003, 2004.
15. Hoàng Long (chủ biên), *Âm nhạc 4, 5, 6, 7, 8, 9*, NXB Giáo dục, 2002, 2003, 2004, 2005, 2006.
16. Trịnh Công Sơn, *Tuyển tập những bài ca không năm tháng,* NXB Âm nhạc, 1995.
17. Trịnh Tuấn, *Lý thuyết âm nhạc cơ bản*, Trường Cao đẳng Sư phạm Nhạc Hoạ Trung ương, 1986.
18. Hoàng Văn Yến, *Trẻ mầm non ca hát*, NXB Giáo dục, 2002.
19. Nhiều tác giả, *50 bài hát thiếu nhi hay nhất thế kỷ 20,* Đặc san báo Thiếu niên Tiền phong, 2000.
20. Nhiều tác giả, *Ca khúc thiếu nhi 1945– 2000,* NXB Âm nhạc, 2002.

Chịu trách nhiệm nội dung :
Giám đốc Trung tâm Đào tạo từ xa – Đại học Huế
TS. NGUYỄN VĂN HÒA

Biên tập:
TỔ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

PHÒNG KHẢO THÍ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Đơn vị phát hành :
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO TỪ XA – ĐẠI HỌC HUẾ

Giáo trình ÂM NHẠC – TẬP MỘT : LÍ THUYẾT ÂM NHẠC
Mã số : DCK01B6

In bản, khổ 16 x 24cm, tại
Số xuất bản : 155 – 2006/CXB/74 – 250/GD
In xong và nội lưu chiểu tháng 8 năm 2006.